

**BỘ THƯƠNG MẠI**

**Đề tài khoa học cấp Bộ**

**Mã số : 2001 - 78 - 053**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN  
THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ VIỆT NAM - TRUNG  
QUỐC QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ THỜI KỲ ĐẾN 2005**

*Hà nội tháng 1/2003*

# **BỘ THƯƠNG MẠI**

**Đề tài khoa học cấp Bộ**

**Mã số : 2001 - 78 - 053**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ THỜI KỲ ĐẾN 2005**

**Cơ quan chủ quản :                   BỘ THƯƠNG MẠI**

**Cơ quan chủ trì thực hiện :   Viện nghiên cứu Thương mại**

**Chủ nhiệm Đề tài :           CNKT. PHẠM THỊ CẢI**

**Các thành viên :**

- CNKT. DOÃN CÔNG KHÁNH**
- CNKT. VŨ TUYẾT LAN**
- PGS.TSKH DƯƠNG VĂN LONG**
- CNKT. HÀ HỮU ĐỨC**

*Hà Nội, tháng 1/2003*

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đang diễn ra như một xu thế tất yếu. Nó đòi hỏi các quốc gia muốn phát triển, muốn lớn mạnh hơn về kinh tế phải không ngừng tăng cường hợp tác và giao lưu kinh tế với nước ngoài.

Từ nhiều năm nay, Đảng ta đã chủ trương "làm bạn với tất cả các nước", tăng cường hợp tác kinh tế - thương mại với tất cả các quốc gia ở mọi châu lục, đặc biệt là các nước láng giềng có chung biên giới với Việt Nam .

Thực hiện chủ trương trên, hơn 10 năm qua, quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc không ngừng phát triển.

Đến hết năm 2001, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước Việt - Trung đã đạt trên 3 tỷ USD và Trung Quốc đã trở thành bạn hàng xuất khẩu lớn thứ tư của Việt Nam sau ASEAN, Nhật Bản, EU. Con số này tăng nhanh trong năm 2002 và khả năng sẽ đạt 5 tỷ USD vào năm 2005.

Có được kết quả nêu trên là do sự nỗ lực của Chính phủ và doanh nghiệp cả hai nước trong các hoạt động hợp tác kinh tế - thương mại, đặc biệt là trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của hai nước, nhiều tồn tại vẫn nảy sinh không chỉ làm ảnh hưởng mà còn cản trở sự phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc nhất là khi Trung Quốc gia nhập WTO và các thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ngày càng lớn.

Để thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với Trung Quốc và nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước, tháng 12/2001, Bộ Thương mại đã xét duyệt và cho phép nghiên cứu đề tài: ***"Một số giải pháp nhằm phát triển thương mại hàng hoá Việt Nam - Trung Quốc qua biên giới trên bộ thời kỳ đến 2010"***.

Mục tiêu chính của đề tài là:

- Đánh giá thực trạng phát triển xuất khẩu và quản lý nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với Trung Quốc thông qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá ở một số cửa khẩu biên giới đường bộ chính thuộc địa bàn các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai..., phân tích những tác động và ảnh hưởng của hoạt động thương mại hàng hoá trên thị trường khu vực biên giới trên bộ với Trung Quốc của Việt Nam (cả ảnh hưởng tích cực và tiêu cực) đến sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của khu vực các tỉnh biên giới với Trung Quốc và của từng tỉnh biên giới .

- Dự báo xu hướng phát triển của hoạt động thương mại hàng hoá của Việt Nam trên thị trường khu vực biên giới với CHND Trung Hoa.

- Đề xuất các giải pháp (cả ở tầm vĩ mô và vi mô) để phát triển hơn nữa hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam ở khu vực thị trường biên giới trên bộ với Trung Quốc trước những đòi hỏi mới của tình hình trong nước và quốc tế, nhất là khi Trung Quốc là thành viên chính thức của WTO và Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực.

Do giới hạn về nhiều mặt, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu một trong bốn lĩnh vực chịu sự điều chỉnh của Luật thương mại là thương mại hàng hoá (xuất nhập khẩu hàng hoá). Các lĩnh vực khác như: Thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ và các biện pháp đầu tư có liên quan đến thương mại chỉ đề cập đến dưới góc độ có liên quan và hỗ trợ cho phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá.

Ngoài ra, khi tiến hành hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá với Trung Quốc, chúng ta đã áp dụng các điều kiện cơ sở giao hàng khác nhau như: Giao hàng tại các cửa khẩu biên giới trên biển, các cửa khẩu biên giới trên bộ, các cửa khẩu đường hàng không... Trong các điều kiện cơ sở giao hàng trên thì giá trị hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới trên bộ với Trung Quốc chiếm tỷ trọng chủ yếu, giá trị hàng hoá xuất nhập khẩu theo các điều kiện cơ sở giao hàng khác là không đáng kể.

Chính vì vậy, đối tượng nghiên cứu của đề tài tập trung vào hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam - Trung Quốc qua biên giới trên bộ thời kỳ 1991-2001, các chính sách, cơ chế của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước.

Nội dung nghiên cứu của đề tài gồm 3 phần:

**Phần thứ nhất :** Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc .

**Phần thứ hai :** Thực trạng tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam - Trung Quốc qua biên giới trên bộ và những ảnh hưởng lớn của nó đến sự phát triển kinh tế của cả nước, của khu vực kinh tế cửa khẩu phía Bắc và của từng tỉnh biên giới.

**Phần thứ ba :** Những giải pháp chủ yếu thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc trong tình hình mới.

Để hoàn thành đề tài, nhóm tác giả đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như: Phương pháp phân tích thông kê, phương pháp tổng hợp, so sánh, phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia...

Tuy nhiên, do hạn chế về khả năng và thời gian nghiên cứu, đề tài không tránh khỏi những khiếm khuyết. Ban chủ nhiệm đề tài xin cảm ơn các cơ quan và chuyên gia đã nhiệt tình giúp đỡ để chúng tôi hoàn thành việc nghiên cứu đề tài.

**BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

## **PHẦN THỨ NHẤT**

# **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC.**

### **I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG :**

#### **1- Khái niệm về thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ:**

Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ là hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá của các doanh nghiệp và cư dân được tiến hành trực tiếp tại khu vực biên giới đường bộ giữa hai nước.

Đây là hình thức kinh tế mậu dịch được diễn ra tại khu vực biên giới đường bộ của các nước láng giềng, là hình thái mở đầu của mậu dịch quốc tế và là bộ phận quan trọng trong hoạt động kinh tế đối ngoại của mỗi nước.

Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước không chỉ đơn thuần là hoạt động buôn bán hàng hoá qua các cửa khẩu biên giới mà nó có phạm vi rộng hơn, bao trùm các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá được diễn ra ở dọc khu vực biên giới hai nước.

Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ bao gồm 3 hình thức cơ bản:

#### **- *Chợ biên giới:***

Là trạng thái ban đầu của thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước. Nó xuất hiện do yêu cầu thực tiễn của việc trao đổi hàng hoá nhằm phục vụ sinh hoạt và sản xuất của cư dân trong khu vực biên giới.

Chợ biên giới được họp ở những tụ điểm nhất định, hàng hoá trao đổi hầu hết là các sản phẩm được sản xuất tại địa phương khối lượng trao đổi không lớn, hàng hoá không phải vận chuyển xa, thủ tục đơn giản.

**- Thương mại tiểu ngạch (Mậu dịch biên giới) :**

Là hình thức mậu dịch được tiến hành giữa các thương nhân tại khu vực biên giới giữa hai nước dựa trên cơ sở của nguyên tắc tự tìm kiếm nguồn hàng, khách hàng, tự đàm phán và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh.

**- Thương mại chính ngạch:**

Là hoạt động thương mại được tiến hành theo tập quán và thông lệ quốc tế tại khu vực biên giới giữa các nước mà theo đó các doanh nghiệp hoặc tư nhân căn cứ vào Hiệp định thương mại giữa các Chính phủ để ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hoá và chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền của hai bên tại biên giới. Họ phải tự cân bằng xuất - nhập, tự hạch toán lỗ lãi và tuân thủ mọi qui định về thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của cả hai quốc gia.

**2- Tính tất yếu khách quan của hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc :**

Lịch sử phát triển kinh tế thế giới đã chứng minh một cách rõ ràng rằng : Không có bất kì quốc gia nào có thể giàu lên, lớn mạnh hơn về kinh tế mà không tiến hành hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá với nước ngoài .

Từ cuối thế kỉ XVI, đầu thế kỉ XVII, với lý thuyết về lợi thế so sánh, các nhà kinh tế đã đề cao vai trò to lớn của thương mại, đặc biệt là ngoại thương đối với việc thúc đẩy phát triển và tăng cường sức mạnh kinh tế mỗi nước.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có chung đường biên giới qua các tỉnh: Quảng ninh, Lạng sơn, Cao bằng, Hà giang, Lào cai và Lai châu.

Đối với nhân dân hai nước, quan hệ láng giềng, quan hệ giao lưu văn hoá, quan hệ thương mại... đã trở thành quan hệ truyền thống và khá bền vững. Do gần gũi về địa lý và có nhiều nét tương đồng trong phong tục tập quán, các hoạt động giao lưu về kinh tế, thương mại và văn hoá được hình thành từ lâu như một tất yếu khách quan không thể thiếu trong lịch sử phát triển của cả hai nước mặc dù ở những giai đoạn phát triển khác nhau thì mức độ và đặc điểm của chúng có những điểm khác nhau.

Xuất phát từ nhu cầu tất yếu khách quan của cư dân và yêu cầu mở rộng thị trường trong phát triển kinh tế của cả hai nước Việt Nam và Trung Quốc, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám (năm 1945) thành công ở Việt Nam và nước CHND Trung Hoa tuyên bố độc lập vào ngày 1/10/1949, hai Chính phủ đã thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 18/1/1950 và quan hệ mậu dịch vào tháng 9/1951, tiến hành đàm phán về biên giới, về phát triển thương mại và trao đổi hàng hoá giữa hai nước. Trên cơ sở đó, ngay từ đầu những năm 50, Việt Nam và Trung Quốc đã chính thức mở các cặp cửa khẩu biên giới đường bộ để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở mỗi nước và mở rộng hoạt động giao lưu, hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Cho đến nay, trong chính sách đối ngoại và hội nhập của mình, Trung Quốc chủ trương mở cửa biên giới đất liền, đẩy mạnh mậu dịch biên giới và coi đây là nhân tố mở đường cho việc thực hiện các mục tiêu khai thác và mở rộng thị trường sang các nước láng giềng và các nước lân cận. Chính vì vậy, mở rộng thị trường tuyến biên giới trên bộ với tất cả các nước đặc biệt là mở rộng thị trường khu vực biên giới trên bộ với Việt Nam hiện đang là một trong những vấn đề quan trọng mà Chính phủ và các doanh nghiệp Trung Quốc rất quan tâm.

Việt Nam có biên giới đường bộ với Trung Quốc từ lâu đời. Hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới đường bộ trước đây chủ yếu là chợ dân gian nhằm phục vụ yêu cầu trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới.

Trước những năm 90, cả hai nước Việt Nam và Trung Quốc đều phát triển kinh tế theo mô hình kế hoạch hoá tập trung. Sự phát triển kinh tế theo mô hình này đã làm cho thương mại hàng hoá qua biên giới hai nước chưa phát triển được.

Từ 1990 trở lại đây, với chính sách phát triển kinh tế theo hướng "mở cửa và hội nhập" với bên ngoài, Đảng ta chủ trương "Sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở của nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và tôn trọng chủ quyền của nhau...".

Đối với các nước láng giềng có chung đường biên giới trên bộ với Việt Nam (Trung Quốc, Lào, Campuchia), Đảng khẳng định quyết tâm "Thực hiện nhất quán

đường lối đối ngoại độc lập, thực hiện tự do hoá thương mại" ..."Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng". (Trích văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX- Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 4/2001 tr.119, 120, 121).

Trên thực tế, cùng với việc phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới với Lào và Campuchia, Đảng ta luôn chú trọng và quan tâm đến việc đẩy mạnh và phát triển hơn nữa quan hệ thương mại với Trung Quốc. Ngoài các vấn đề chung trong quan hệ thương mại với cả ba nước láng giềng, nét đặc thù của thị trường Trung Quốc là số lượng người tiêu dùng lớn, có nhu cầu đa dạng về chủng loại và chất lượng hàng hoá. Hơn thế, Trung Quốc hiện đang được đánh giá là thị trường " mở " rất năng động, có khả năng phát triển kinh tế ổn định với tốc độ nhanh. Đây là những thuận lợi hết sức cơ bản mà các nước Lào và Campuchia không có được.

Chính vì vậy, phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc đã ngày càng được Chính phủ hai nước quan tâm. Ngày 29/12/2000, Chính phủ Trung Quốc và Chính phủ Việt Nam đã ký “Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới giữa nước CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa” và nhiều văn kiện quan trọng khác nhằm tạo cơ sở vững chắc cho quan hệ thương mại giữa hai nước phát triển ở tầm cao mới trong thế kỷ 21 theo phương châm: **"Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai"**.

Nói tóm lại, trong xu thế hợp tác phát triển, thực hiện tự do hoá thương mại giữa các nước trên thế giới, nhất là với quan hệ đặc biệt của hai nước láng giềng hữu nghị giữa Việt Nam và Trung Quốc, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ của Việt Nam với Trung Quốc được diễn ra như một tất yếu khách quan. Nó được biểu hiện dưới các cấp độ mậu dịch khác nhau (từ mua bán trao đổi có tính chất dân gian đến mua bán thông qua các hợp đồng giữa các doanh nghiệp của hai nước và thông qua Hiệp định Chính phủ) và bằng nhiều phương thức mua bán khác nhau ( buôn bán chính ngạch, buôn bán tiểu ngạch, chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất...).



Sự đa dạng về cấp độ mậu dịch và phương thức mua bán nêu trên đã làm cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá trên thị trường khu vực biên giới trên bộ của Việt Nam và Trung Quốc có nhiều nét đặc trưng và cũng là lợi thế để phát triển mậu dịch ở khu vực thị trường này.

Trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đang diễn ra sâu sắc, phát triển hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc đang tồn tại và phát triển như một tất yếu khách quan không chỉ trong quan hệ song phương giữa hai nước mà nó còn phụ thuộc vào nhu cầu tất yếu trong trao đổi mậu dịch giữa các nước trong khu vực hoặc các nước cùng tham gia Diễn đàn kinh tế .

Hiện nay, Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ( APEC), đều có nghĩa vụ thực hiện các cam kết trong Chương trình hành động riêng và Chương trình hành động tập thể của các nước APEC nhằm xây dựng một khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tự do về thương mại và đầu tư, không phân biệt đối xử trong nội bộ APEC cũng như các nước hay khu vực thị trường ngoài APEC. Và như vậy, việc tự do lưu chuyển hàng hoá giữa Việt Nam và Trung Quốc qua biên giới trên bộ là tất yếu không thể thiếu nhằm thực hiện tự do hoá thương mại và đầu tư trong nội bộ APEC trong khoảng thời gian không chậm hơn năm 2020.

Và như vậy, thông qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ, cả Việt Nam và Trung Quốc đều thực hiện được mục tiêu mở rộng thị trường xuất nhập khẩu với các nước thành viên khác của APEC, kể cả các nước có tiềm lực kinh tế mạnh như: Mỹ, Nhật Bản, Canada...

Một điều cần nhấn mạnh là trong thời đại hiện nay, kinh tế thế giới và mậu dịch toàn cầu đang phát triển với tốc độ nhanh. Xu hướng khu vực hoá và toàn cầu hoá đang trỗi lên như một tất yếu. Các cam kết đa phương và toàn cầu đã và đang làm cho biên giới quốc gia về thương mại và đầu tư dần tới không còn tồn tại, các doanh nghiệp của các quốc gia được tự chủ kinh doanh và phát triển ở tất cả các nước. Nếu không đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai quốc gia láng giềng

Việt - Trung, cả hai nước sẽ không thể đáp ứng được yêu cầu chung của quá trình phát triển kinh tế và mậu dịch toàn cầu trong điều kiện hiện nay được.

### **3- Những thuận lợi và khó khăn cơ bản của Việt Nam trong việc phát triển hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc .**

#### ***3.1- Những thuận lợi cơ bản:***

##### ***\* Về điều kiện tự nhiên:***

Việt Nam có chung biên giới trên bộ với Trung Quốc dài 1350 km trải dài từ Đông sang Tây qua 6 tỉnh vùng cao phía Bắc. Với trên 4 triệu người tiêu dùng, các tỉnh có biên giới đất liền với Trung Quốc đã trở thành khu vực thị trường tiêu thụ hàng hoá khá lớn kể cả hàng hoá sản xuất trong và ngoài khu vực cũng như hàng hoá nhập khẩu qua biên giới trên bộ với Trung Quốc. Mặc dù có địa hình phức tạp, với 80% diện tích là vùng núi cao, rừng rậm... nhưng đây là khu vực có nhiều tài nguyên, khoáng sản, có khả năng phát triển lâm, nông nghiệp, năng lượng và các ngành kinh tế khác.

Đặc biệt hơn, các tỉnh có biên giới trên bộ với Trung Quốc là vị trí tiền tiêu của Tổ quốc, có vai trò đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng, là nơi hàng ngày hàng giờ diễn ra hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá giữa hai nước và là nơi giao lưu kinh tế, văn hoá , xã hội giữa các dân tộc của hai quốc gia láng giềng.

Trung Quốc có biên giới trên bộ với Việt Nam qua 2 tỉnh Quảng Tây và Vân Nam.

Quảng Tây là tỉnh miền núi phía Nam của Trung Quốc tiếp giáp với 3 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng của Việt Nam với chiều dài biên giới là 1020 km. Đây là tỉnh có tới 7 huyện ( thị ) có biên giới đất liền với Việt Nam. Kể từ khi Chính phủ hai nước đều áp dụng chính sách mở cửa biên giới, tỉnh miền núi phía Nam Trung Quốc này được đô thị hoá với tốc độ nhanh và từng bước trở thành nơi trao đổi của hàng hoá và dịch vụ giữa Việt Nam với Trung Quốc cũng như giữa tỉnh Quảng Tây với các tỉnh, thành phố khác của Trung Quốc.

Vân Nam là tỉnh phía Tây Nam Trung Quốc, giáp với tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu của Việt Nam. Với diện tích gần 38 ngàn km<sup>2</sup>, Vân Nam có tiềm năng về khai thác và chế biến khoáng sản như: Kim loại màu các loại, thiếc, chì... Ngoài ra, với khí hậu khá tốt trong cả bốn mùa, Vân Nam còn có tiềm năng về phát triển du lịch và các dịch vụ du lịch.

Từ nhiều năm nay, Vân Nam là nơi các doanh nghiệp từ các tỉnh của Trung Quốc có thể buôn bán, trao đổi các loại hàng hoá với Việt Nam qua 16 cửa khẩu biên giới (4 cửa khẩu cấp Nhà nước và 12 cửa khẩu phụ) và thông qua đó để thúc đẩy mở cửa trên toàn tuyến. Cũng thông qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Việt Nam, Vân Nam được Chính phủ Trung Quốc coi là cửa ngõ quan trọng để các tỉnh phía Tây Nam Trung Quốc mở cửa kinh tế, đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hoá với các nước ASEAN cũng như các nước khác trên thế giới.

Với các yếu tố về điều kiện tự nhiên như đã nêu trên, các tỉnh thuộc khu vực thị trường biên giới trên bộ Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển việc mua bán, trao đổi hàng hoá và phát triển các hoạt động hợp tác về kinh tế - xã hội khác.

***\* Về điều kiện chính trị - xã hội:***

Các tỉnh có biên giới trên bộ với Trung Quốc của Việt Nam có dân số khoảng 4 triệu người, đa số là người dân tộc thiểu số, với mật độ dân cư bình quân là 75,7 người/ km<sup>2</sup>. Tỷ trọng dân cư sống ở thành thị đạt mức trên 21%, chủ yếu tập trung ở các tỉnh lỵ, thị xã, thị trấn... còn ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa thì mật độ dân cư thưa thớt.

Với đa số dân cư thuộc các tỉnh biên giới trên bộ với Trung Quốc là đồng bào dân tộc, đời sống kinh tế và văn hoá ở mức thấp, chưa định cư ổn định (trừ 1 số thị xã có cửa khẩu như Móng Cái (Quảng Ninh), Đồng Đăng (Lạng Sơn) và thị xã Lào Cai), nên khả năng sản xuất, tiêu thụ và xuất nhập khẩu hàng hoá theo hướng tập trung và qui mô lớn là rất khó khăn.

Mặt khác, hầu hết các tỉnh thuộc khu vực thị trường biên giới Việt Nam - Trung Quốc có cơ sở hạ tầng rất yếu kém và có nhiều khó khăn trong quá trình nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới. Gần đây Chính phủ hai nước đã chú trọng đầu tư nâng cấp cải tạo đường xá, cầu cống nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước (nâng cấp quốc lộ 1A đi qua thị xã Lạng Sơn của Việt Nam để nối với Bằng Tường đi Nam Ninh thuộc tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc) nhưng vẫn chỉ đáp ứng được phần nào nhu cầu về vận chuyển hàng hoá trong mua bán, trao đổi qua biên giới trên bộ của cả 2 nước. Mặc dù còn đang có nhiều khó khăn nhưng các doanh nghiệp thuộc các tỉnh có biên giới trên bộ của cả phía Việt Nam và Trung Quốc vẫn tiếp tục đẩy mạnh giao lưu kinh tế, trao đổi hàng hoá và sản phẩm để đáp ứng nhu cầu về mọi mặt của đời sống dân cư và giải quyết các vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội của cả nước.

Hiện nay, thương mại hàng hoá Việt Nam - Trung Quốc qua biên giới trên bộ đang trở nên hết sức sôi động. Tham gia hoạt động thương mại hàng hoá trên khu vực thị trường biên giới trên bộ giữa hai nước không chỉ có nhân dân các xã vùng biên, các tư thương, các doanh nghiệp thuộc các tỉnh địa phương có chung biên giới mà còn có sự góp mặt của các doanh nghiệp thuộc mọi tỉnh, thành của Việt Nam và Trung Quốc, của các đoàn thể, tổ chức Đảng.

***\* Về quan điểm và định hướng phát triển kinh tế của Việt Nam và Trung Quốc:***

Sau khi bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc, hoạt động thương mại hàng hoá trên thị trường khu vực biên giới hai nước đã đạt được những kết quả đáng kể. Trong tương lai, hoạt động này sẽ còn phát triển với tốc độ cao hơn nhiều so với hiện tại. Điều này có khả năng trở thành hiện thực vì:

***Thứ nhất*** : Chính phủ Việt Nam đang chủ trương phát triển kinh tế theo hướng mở cửa và hội nhập với kinh tế thế giới. Với chủ trương này, việc mở cửa biên giới và phát triển thương mại hàng hoá trên thị trường khu vực biên giới với Trung Quốc sẽ ngày càng được mở rộng. Từ nhiều năm nay, Chính phủ Việt Nam đã ký với Chính phủ Trung Quốc Hiệp định về mậu dịch biên giới và các Hiệp

định về các vấn đề có liên quan đến mậu dịch biên giới để phát triển thương mại hàng hoá trên khu vực thị trường này.

Gần đây nhất, "Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới giữa Chính phủ nước CHND Trung Hoa và Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam" sẽ là cơ sở vững chắc cho quan hệ hợp tác kinh tế nói chung và quan hệ thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước nói riêng được phát triển với tốc độ nhanh và ngày càng ổn định.

**Thứ hai :** Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2010 và Chiến lược xuất khẩu đến năm 2010, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh phát triển hoạt động xuất nhập khẩu với các nước nói chung và với Trung Quốc nói riêng. Với những thuận lợi về tự nhiên và xã hội của hai nước, Việt Nam không thể không quan tâm đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường đông dân nhất thế giới ( trên 1,25 tỷ người); có diện tích lớn thứ 3 thế giới (9,6 triệu Km<sup>2</sup>) và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (bình quân giai đoạn 1991- 2001 là 9,5%/ năm) và có sức tiêu thụ hàng hoá rất lớn, đứng thứ 7 thế giới về xuất khẩu và thứ 8 về nhập khẩu như Trung Quốc.

Hiện nay, Trung Quốc đang là bạn hàng lớn thứ hai của Việt Nam sau Nhật Bản. Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chiếm 14% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và đây sẽ là một trong những thị trường được Việt Nam quan tâm phát triển trong giai đoạn tới.

Đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc cũng là cơ hội thuận lợi để Việt Nam có thể khai thác được nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, lực lượng lao động dồi dào nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh khi tham gia hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu.

**Thứ ba :** Các tỉnh thuộc khu vực thị trường biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong khi xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình xuất khẩu của mình luôn chú trọng đến việc thúc đẩy hoạt động thương mại hàng hoá với Trung Quốc qua các cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Trên thực chất, phát triển hoạt động thương mại hàng hoá trên thị trường các tỉnh có biên giới trên bộ vừa là cơ hội để phát triển hoạt động xuất nhập khẩu trong phạm vi cả nước, vừa là cơ hội để các tỉnh này có điều kiện để tăng nhanh mức lưu chuyển hàng hoá xã hội trên phạm vi địa bàn. Chính hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc đã được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình xuất khẩu của từng tỉnh sẽ là cơ sở để thực hiện mục tiêu phát triển giao lưu kinh tế, khoa học kỹ thuật của các tỉnh, các khu vực kinh tế trong nước và các tỉnh biên giới và các khu vực kinh tế của Trung Quốc cũng như hợp tác kinh tế - thương mại với nước ngoài.

Mới đây, theo tinh thần Nghị quyết TW 7 về hội nhập kinh tế quốc tế, các tỉnh đang tiến hành xây dựng Chiến lược hội nhập kinh tế trên phạm vi địa bàn tỉnh nhằm thực hiện Chiến lược hội nhập của cả nước.

**Thứ tư :** Là một nước có tiềm năng lớn nhờ đất rộng, người đông, sản vật phong phú, trong quá trình thực hiện chính sách mở cửa (từ 1978), Trung Quốc luôn coi kinh tế đối ngoại là lĩnh vực quan trọng để bổ xung kỹ thuật, vốn, năng lực quản lý... nhằm phát triển kinh tế đất nước.

Về phía Trung Quốc, phát triển mậu dịch trên thị trường khu vực biên giới được coi là bước đi có tính chất mở đường cho chiến lược mở cửa ven biên giới đất liền mà mục tiêu chủ yếu của nó là khai thác và mở rộng thị trường sang các nước láng giềng, các nước lân cận, các nước trong khu vực và các nước khác trên thế giới trong đó mở rộng xuất nhập khẩu hàng hoá với Việt Nam và qua Việt Nam đang trở thành vấn đề quan trọng.

**Thứ năm :** Hiện nay Trung Quốc đang thực hiện hai chiến lược phát triển kinh tế liên quan trực tiếp đến việc hợp tác với các nước Đông Nam Á. Đó là Chiến lược "Phát triển khu vực Đại Tây Nam" và Chiến lược "Phát triển ba ven" là ven biển, ven sông và ven biên giới.

Trong chiến lược phát triển khu vực Đại Tây Nam (gồm các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên và Tây Tạng) trong đó Quảng Tây và Vân Nam là

những cửa ngõ mở ra thế giới ở phía Nam Trung Quốc, nơi mà nếu có sự hợp tác tốt với các nước ASEAN, Trung Quốc sẽ có những lợi ích hết sức to lớn.

Chính vì vậy, phía Trung Quốc đã xác định rằng : Mở cửa ven biên giới không chỉ là chuyện của các huyện thị ven biên giới, không chỉ là làm biên mậu mà là vấn đề của cả quốc gia, là nhằm mục tiêu phát triển việc trao đổi hàng hoá và hợp tác kinh tế của tất cả các tỉnh, các khu vực kinh tế trong cả nước. Phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ ở mức cao sẽ là cơ sở để mọi địa phương, mọi doanh nghiệp trong cả nước có điều kiện để trao đổi hàng hoá đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và tiêu dùng của cư dân, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước và khu vực khác.

Với chính sách mở cửa và phát triển kinh tế ven biên giới, các tỉnh biên giới trên bộ với Việt Nam của Trung Quốc (Quảng Tây + Vân Nam), khi xây dựng chính sách phát triển kinh tế của mình đều rất chú trọng đến việc thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác với Việt Nam. Trong chiến lược “Đại Tây Nam”, với vai trò là địa phương giữ vị trí quan trọng như cửa ngõ nối các tỉnh khác với Việt Nam, các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam (Trung Quốc) đã có những chương trình phát triển hoạt động giao lưu kinh tế qua biên giới và thúc đẩy xuất nhập khẩu với Việt Nam. Trong nhiều năm qua, kể từ khi thực hiện chính sách “mở cửa”, kinh tế Quảng Tây và Vân Nam được cải thiện đáng kể. Từ chỗ là các tỉnh miền núi phía Nam Trung Quốc có kinh tế chưa phát triển, tiềm lực kinh tế còn kém xa các tỉnh khác trong nội địa thì ngày nay đã trở thành tỉnh có kinh tế phát triển khá, không còn là đối tượng trợ cấp của Nhà nước.

Sự thịnh vượng của các tỉnh này không thể không gắn với nhân tố đẩy mạnh phát triển thương mại hàng hoá với Việt Nam. Hiện tại, lượng hàng hoá xuất khẩu qua các cửa khẩu của Quảng Tây và Vân Nam là rất lớn. Lượng hàng hoá trên không những được huy động từ bản thân các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam mà còn được huy động từ các tỉnh khác ở sâu trong lục địa. Các doanh nghiệp không chỉ của Quảng Tây và Vân Nam mà còn của các tỉnh khác của Trung Quốc làm ăn trở nên khấm khá nhờ có thị trường mới là Việt Nam.

**Thứ sáu :** Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế của Trung Quốc rất chú trọng đến việc làm ăn buôn bán với các doanh nghiệp Việt Nam. Nguyên nhân cơ bản là do tiềm năng về lượng hàng hoá trao đổi của Việt Nam là rất lớn, loại mặt hàng trao đổi phong phú, cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam có thể bổ xung cho nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp Trung Quốc, các hình thức mua bán trao đổi được thực hiện khá đa dạng và cơ bản hơn là doanh nghiệp Việt Nam đã ngày càng gây được uy tín với doanh nghiệp và người tiêu dùng Trung Quốc.

Nói tóm lại : Phát triển thương mại hàng hoá Việt Nam - Trung Quốc qua biên giới trên bộ là chủ trương của cả Chính phủ Trung Quốc và Chính phủ Việt Nam. Chủ trương mở cửa thị trường khu vực biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được không chỉ các tỉnh có chung biên giới mà cả các tỉnh khác của hai nước rất quan tâm.

Để thực hiện việc phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc, hai Chính phủ đã có các Tuyên bố chung và các văn bản quan trọng khác làm cơ sở cho sự hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước, đồng thời từng nước cũng có những quy định riêng về việc tổ chức và quản lý hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của nước mình.

***\* Về các vấn đề liên quan đến tập quán buôn bán và thị hiếu trong tiêu dùng:***

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng Châu Á. Với đường biên giới trên bộ khá dài, cư dân hai nước Việt - Trung đã sống dọc biên giới khá đông. Từ bao đời nay, dân cư tại khu vực thị trường biên giới Việt - Trung có mối quan hệ rất mật thiết vì họ có hoàn cảnh kinh tế - xã hội và tự nhiên tương tự nhau, có văn hóa, ngôn ngữ, tập quán sinh sống và tập quán tiêu dùng gần giống nhau.

Mặc dù người tiêu dùng trên thị trường khu vực biên giới ở hai nước chịu sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội (nhất là chính sách phát triển thương mại và chính sách mậu dịch biên giới) của hai nước khác nhau, song trên thực



tế họ đã có mối quan hệ giao lưu từ lâu đời với phương châm hỗ trợ lẫn nhau để cùng nhau tồn tại.

Do sự khác biệt về chính sách phát triển kinh tế - xã hội (nhất là chính sách phát triển thương mại và chính sách mậu dịch biên giới) giữa Việt Nam - Trung Quốc nên hoạt động thương mại hàng hoá trên thị trường khu vực biên giới trên bộ vừa có tính đa dạng, vừa mang tính đặc thù. Chính sự đa dạng luôn đi cùng với tính đặc thù nêu trên nên hoạt động thương mại hàng hoá trên thị trường khu vực biên giới Việt - Trung cũng tồn tại và phát triển dưới các hình thức trao đổi khá phong phú: xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất, buôn bán dân gian qua cửa khẩu... Đây là cơ sở để cho các địa phương, các tỉnh có biên giới trên bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc có khả năng phát triển kinh tế theo hướng vừa hợp tác, vừa bổ xung và hỗ trợ nhau để cùng phát triển.

***\* Về nhu cầu phát triển kinh tế theo xu hướng hội nhập:***

Phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc sẽ là cơ hội để các nước thâm nhập lẫn nhau và thâm nhập thị trường các nước ASEAN, APEC, EU và các nước khác trên thế giới.

Phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt nam - Trung Quốc từ lâu được hai Nhà nước và các doanh nghiệp hai nước coi là vấn đề quan trọng trong phát triển kinh tế đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế. Nó sẽ là cơ sở, là cầu nối để các tỉnh, các doanh nghiệp của cả Trung Quốc và Việt Nam có thể liên kết và hợp tác với nhau.

Nói tóm lại : Là hai nước đang phát triển, Trung Quốc và Việt Nam đều đang tiến hành cải cách, mở cửa và đổi mới kinh tế. Mặc dù thời gian bắt đầu và mức độ cải cách, mở cửa có khác nhau, nhưng cả hai quốc gia đều rất cần môi trường quốc tế hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế, hiện đại hoá đất nước và nâng cao vị thế trên trường quốc tế trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới ngày càng sâu sắc.

Với sự nỗ lực vượt bậc của cả hai phía, với những lợi thế trong quá trình phát triển thương mại hàng hoá giữa hai nước, với Chiến lược phát triển kinh tế mở, ưu tiên phát triển hợp tác và giao lưu kinh tế giữa hai nước láng giềng theo phương châm " láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai", hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của Việt Nam và Trung Quốc sẽ có điều kiện để phát triển ở mức cao. Đây sẽ là cơ sở ban đầu, có tác động quan trọng trong quá trình hợp tác cùng phát triển giữa hai nước Việt - Trung, giữa các địa phương và doanh nghiệp của hai nước.

### ***3.2- Những khó khăn chủ yếu:***

Phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc, bên cạnh những thuận lợi cơ bản nêu trên thì những khó khăn, thách thức được đặt ra cũng là không nhỏ. Nhìn một cách khái quát, các khó khăn cơ bản phải kể đến là:

***\* Các nước Việt Nam và Trung Quốc tiến hành hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật còn rất yếu kém.***

Khu vực biên giới trên bộ của Việt Nam với Trung Quốc chủ yếu là các tỉnh miền núi và miền núi cao. Có những huyện, xã biên giới trên bộ với Trung Quốc là các huyện xã vùng sâu, vùng xa, vùng kém phát triển về mọi mặt nhất của 19 tỉnh miền núi của Việt Nam .

Do cấu tạo địa hình, do đặc điểm của lối sống du canh du cư và khả năng đầu tư có hạn của cả nhà nước, các địa phương có biên giới và cư dân nên cơ sở hạ tầng của các tỉnh thuộc khu vực biên giới trên bộ là rất yếu kém. Đa số các huyện, thị biên giới đều ở cách rất xa cửa khẩu và các trung tâm giao lưu kinh tế, văn hóa của tỉnh và của vùng. Có nhiều nơi chưa có đường ô tô về đến xã, phương tiện giao thông hạn chế, đường xá đi lại khó khăn, chủ yếu là đường rải cấp phối hoặc đường đất ( trừ một số vùng cửa khẩu ở Lạng Sơn, Quảng Ninh...).

Mặt khác, hệ thống thông tin liên lạc chưa được đầu tư thoả đáng, chủ yếu chỉ được sử dụng ở khu vực thành thị ( tính đến năm 2001, cả khu vực biên giới

trên bộ với Trung Quốc chỉ có 76.636 máy điện thoại/ 4 triệu dân) nên các thông tin kinh tế - xã hội và thương mại đều đến chậm, nhiều khi thiếu hoàn chỉnh, thiếu chính xác...

Thêm vào đó, cơ sở vật chất kỹ thuật thương mại tại các tỉnh có biên giới trên bộ với Trung Quốc rất nghèo nàn, lạc hậu, chủ yếu là nhà tạm, điện nước không có thường xuyên, máy móc thiết bị thô sơ, phương tiện cân đong và kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá đang ở mức thủ công nên hiệu quả hoạt động không cao. Để khắc phục hạn chế này, nhà nước đang có nhiều biện pháp thiết thực để cải tạo cơ sở hạ tầng, hạn chế đến mức thấp nhất những thất thoát do bị lỗ cơ hội hoặc sự kém hiệu quả do cơ sở hạ tầng yếu kém gây nên.

Tuy nhiên, so với Việt Nam thì cơ sở hạ tầng kỹ thuật của phía Trung Quốc khá hơn do Chính phủ nước này đang chủ trương kiến tạo con đường từ các tỉnh vùng Tây Nam Trung Quốc ra biển Đông, xây dựng đường sắt nối các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên với các cảng thuộc vùng biển Quảng Tây để vận chuyển hàng hoá ra các cảng ở phía Đông Nam Á. Trong tương lai gần, tỉnh Quảng Tây thực sự sẽ trở thành cầu nối của các tỉnh phía Nam Trung Quốc với Việt Nam, với các nước Đông Nam Á, với các nước thuộc khu vực Châu Á-Thái Bình Dương và với nhiều nước khác trên thế giới.

***\* Khả năng thu hút đầu tư của các địa phương biên giới ở cả hai nước còn yếu.***

Do điều kiện tự nhiên - xã hội và khả năng phát triển kinh tế của các tỉnh có biên giới đường bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc có nhiều khó khăn và yếu kém dẫn đến khả năng thu hút đầu tư cả trong nước và ngoài nước ở mức rất thấp. Đây cũng là lý do làm cho khoa học công nghệ trong các ngành sản xuất - kinh doanh ở khu vực biên giới Việt - Trung còn rất lạc hậu, trình độ lành nghề của người lao động chưa cao do trình độ văn hoá thấp, không đủ điều kiện để tiếp cận với khoa học kỹ thuật và kỹ năng quản lý hiện đại.

Vấn đề này đang được Đảng và Nhà nước ta có các chính sách hỗ trợ từng bước để vừa nâng cao mức sống văn hoá cho dân cư, vừa tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận với khoa học công nghệ hiện đại và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá và doanh nghiệp trên thị trường khu vực biên giới nói riêng và thị trường nước ngoài nói chung.

***\* Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn khu vực biên giới hai nước chưa cao:***

Việt Nam là thành viên của ASEAN, Trung Quốc và Việt Nam đều là thành viên của APEC. Chỉ trong một khoảng thời gian không xa nữa, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN ( AFTA) được hình thành và các cam kết thực hiện tự do hoá thương mại trong APEC được thực hiện, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) được hoàn thành... các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp tại khu vực có biên giới đường bộ với Trung Quốc nói riêng phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp nước ngoài (kể cả các doanh nghiệp thuộc các nước có kinh tế hùng mạnh như Nhật Bản, Mỹ, Canada...).

***\* Hoạt động thương mại hàng hoá tại khu vực biên giới trên bộ Việt - Trung được tiến hành trong điều kiện nguồn lực tại chỗ rất hạn chế:***

Hiện nay, Nhà nước đang có các chương trình đầu tư phát triển các khu thương mại, khu vực mậu dịch dọc tuyến biên giới phía Bắc. Để thực hiện các chương trình này cần huy động nguồn lực khá lớn của cả nước, đặc biệt là của các địa phương biên giới. Trong khi đó, hầu hết các tỉnh dọc biên giới Việt - Trung đều là các tỉnh nghèo, kinh tế kém phát triển, nguồn lực tại chỗ ( về vốn, về lao động) vừa yếu, vừa thiếu, chưa đủ sức giải quyết những yêu cầu đặt ra cho phát triển kinh tế ở tại chính địa phương mình. Hơn thế, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ sang công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ ở các địa phương biên giới là rất chậm chạp và gặp nhiều khó khăn.

***\* Cơ chế chính sách về thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm khác biệt:***

Sự khác biệt trong cơ chế chính sách về thương mại hàng hoá qua biên giới của Trung Quốc và Việt Nam cũng là khó khăn lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc chuẩn bị nguồn hàng có khối lượng lớn và ổn định để xuất khẩu sang Trung Quốc. Hơn thế, việc không có thông tin đầy đủ về chính sách, về giá cả và cách thức thanh toán của phía Trung Quốc cũng gây hạn chế rất lớn cho hiệu quả xuất khẩu của Việt Nam.

**4- Đặc điểm của hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của Việt Nam và Trung Quốc .**

***4.1- Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc phát triển sẽ thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá giữa hai nước và có đóng góp đáng kể đối với hoạt động xuất nhập khẩu của các địa phương biên giới.***

Được hình thành và phát triển do nhu cầu phát triển sản xuất và tiêu dùng giữa nhân dân các địa phương có chung biên giới giữa hai nước, hoạt động thương mại trên thị trường khu vực biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã có từ lâu đời và trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Tuy vậy, mục tiêu cơ bản của hoạt động này là đáp ứng một cách có hiệu quả nhu cầu của cư dân và doanh nghiệp ven biên giới cũng như trong cả nước của phía Việt Nam và Trung Quốc.

Hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ được hình thành, các địa phương có được cơ hội để mở cửa biên giới và đó cũng là cơ hội để mở cửa và phát triển quan hệ mua bán, trao đổi hàng hoá giữa các nước láng giềng Việt - Trung. Khi biên giới trên bộ giữa hai nước đã được mở cửa, các nước có thể huy động nguồn vốn và các sản phẩm xuất khẩu từ các địa phương khác trong cả nước để xuất khẩu ra nước ngoài và ngược lại. Do vậy, phát triển thương mại qua biên giới trên bộ sẽ là thuận lợi cơ bản để các doanh nghiệp, các địa phương của hai nước hợp tác, liên kết với nhau và từ đó vươn ra thị trường các nước khác trong khu vực và trên thế giới chứ không phải chỉ là quan hệ thương mại và giao lưu kinh tế giữa các tỉnh, huyện, dọc tuyến biên giới.

Cũng thông qua thương mại hàng hoá qua biên giới đường bộ, các tỉnh có biên giới với Trung Quốc có thêm điều kiện thuận lợi để đầu tư cho sản xuất và xuất khẩu, góp phần tăng thu cho ngân sách địa phương, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho dân cư dọc tuyến biên giới.

***4.2- Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc chịu sự điều chỉnh của chính sách thương mại (đặc biệt là chính sách mậu dịch biên giới) của cả hai nước.***

Với cùng mục tiêu phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ nhưng phía Việt Nam và Trung Quốc vẫn có nhiều điểm không giống nhau trong chính sách thương mại, nhất là trong chính sách mậu dịch biên giới.

Để đảm bảo hiệu quả của hoạt động này, khi tiến hành xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ, các doanh nghiệp phải tìm hiểu kỹ về chính sách xuất nhập khẩu nói chung và chính sách mậu dịch biên giới nói riêng của cả hai nước ( Các qui định về mặt hàng, về giao nhận vận tải, về thanh toán...) để có các ứng xử linh hoạt, phù hợp.

Ngoài ra, thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của Việt Nam - Trung Quốc còn chịu sự chi phối của các tập quán mua bán dân gian vốn đã được hình thành và tồn tại từ lâu đời của cư dân các vùng dọc biên giới hai nước.

***4.3- Cơ cấu hàng hoá trao đổi có tính chất bổ xung cho nhau, phù hợp với trình độ phát triển và lợi thế của mỗi nước.***

Trong hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, hàng hoá đưa ra trao đổi rất đa dạng cả về chủng loại lẫn phẩm cấp. Sự đa dạng về chủng loại và phẩm cấp hàng hoá chủ yếu xuất phát từ nhu cầu tiêu dùng rất đa dạng của nhiều tầng lớp cư dân dọc biên giới và các tỉnh sâu trong nội địa của từng nước.

Mặt khác, do mục tiêu của mậu dịch biên giới là trao đổi các loại hàng hoá có tính chất bổ xung ưu thế và hỗ trợ cho nhau nên cơ cấu hàng hoá đưa ra thị trường ở khu vực này là khá phong phú.

Cần lưu ý rằng, các chủng loại hàng hoá đưa ra trao đổi trên thị trường khu vực biên giới trên bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc không phải chỉ được huy động từ dân cư sống dọc biên giới hay các doanh nghiệp thuộc các địa phương có biên giới mà được huy động và đầu tư sản xuất từ khắp các tỉnh, các vùng, miền của mỗi nước. Chất lượng và phẩm cấp hàng hoá đưa ra trao đổi ở mức độ cao hay thấp là sự phản ánh của trình độ phát triển khoa học công nghệ của mỗi doanh nghiệp, mỗi địa phương của mỗi nước và mức tiêu dùng của các tầng lớp cư dân.

***4.4- Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt - Trung được tiến hành thông qua nhiều phương thức khác nhau.***

Hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc được tiến hành qua nhiều phương thức khác nhau như: xuất nhập khẩu chính ngạch, xuất nhập khẩu tiểu ngạch, chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất và buôn bán dân gian.

Tuy mỗi phương thức mua bán, giao dịch có những đặc trưng, có ưu thế và hạn chế khác nhau, nhưng dù thực hiện phương thức giao dịch nào, các bên vẫn phải đảm bảo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cạnh tranh để hợp tác và cùng phát triển chứ không phải cạnh tranh để thôn tính, tiêu diệt lẫn nhau.

***4.5- Chủ thể tham gia hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc rất đa dạng, thuộc nhiều thành phần kinh tế trong cả nước.***

Chủ thể tham gia vào hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc không chỉ giới hạn trong địa bàn các tỉnh có biên giới mà mở rộng ra tất cả các địa phương, tỉnh thành của cả nước. Các đối tượng này bao gồm các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của hai nước mà chủ yếu là các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần... Ngoài ra, tham gia trao đổi hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc còn có các hộ buôn bán nhỏ, tư thương trong và ngoài hai nước, các cư dân dọc biên giới hai nước mua bán phục vụ tiêu dùng thực tế dưới hình thức mua bán dân gian, kể cả theo phương thức hàng đổi hàng.

***4.6- Hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc diễn ra với không gian rộng nên khó quản lý và kiểm soát.***

Do địa hình khu vực biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc rất phức tạp, các phương thức mua bán, giao dịch diễn ra rất đa dạng nên hoạt động thương mại hàng hoá trên địa bàn này rất khó quản lý và kiểm soát. Các hành vi buôn lậu và gian lận thương mại thường xuất hiện làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh trên toàn tuyến, ảnh hưởng đến việc chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước và gây ô nhiễm môi trường.

Mặc dù Chính phủ Trung Quốc đã ra những chính sách, quy chế quản lý hoạt động thương mại qua biên giới trên bộ với Việt Nam và Chính phủ Việt Nam cũng có những qui chế riêng để quản lý mậu dịch biên giới với Trung Quốc, nhưng do nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan mà việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước đều chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

***4.7- Hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc ngoài ý nghĩa kinh tế còn mang ý nghĩa chính trị sâu sắc.***

Hoạt động thương mại qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc những năm qua không chỉ đơn thuần là hoạt động kinh tế mà nó có ý nghĩa chính trị sâu sắc.

Sau thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc ngày 10/11/1991, quan hệ giữa hai nước được bình thường hoá. Đây là sự kiện tất yếu, hợp với quy luật phát triển của lịch sử, phù hợp với lợi ích, tình cảm và nguyện vọng của nhân dân hai nước, phù hợp với xu thế phát triển quan hệ quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Cũng như các hoạt động kinh tế khác, việc thực hiện hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc của Việt Nam phải đảm bảo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi và cùng tồn tại hoà bình".

Trải qua hơn 10 năm, quá trình bình thường hoá quan hệ đã diễn ra nhanh chóng, thuận lợi và đan xen với quá trình phát triển của quan hệ giữa hai nước.



Đỉnh cao của quá trình phát triển quan hệ hợp tác giữa hai nước được thể hiện trong Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc, xác định rõ phương châm 16 chữ là: "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Sự kiện này đã mở ra một triển vọng sáng sủa cho quan hệ giữa hai nước trong những năm tới đây.

Hoạt động thương mại qua biên giới trên bộ giữa hai nước phát triển với tốc độ nhanh trong suốt 10 năm qua cũng là biểu hiện của sự hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước nhằm thực hiện mục tiêu chính trị của Đảng, Chính phủ và nhân dân của cả hai nước.

Nói tóm lại, với những đặc điểm nêu trên, hoạt động thương mại qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc có nhiều triển vọng phát triển và đạt kết quả cao trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Nó sẽ thực sự trở thành hoạt động giao lưu kinh tế - văn hoá- xã hội giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc, và thông qua đó mở ra nhiều cơ hội tốt cho hàng hoá và doanh nghiệp của cả hai phía trong việc vươn tới thị trường các nước trong khu vực ( ASEAN, APEC...) cũng như các nước khác trên toàn thế giới.

## **II- KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ VỚI TRUNG QUỐC :**

Trung Quốc là một trong những nước có đường biên giới trên bộ với các nước khác dài nhất thế giới. Với 22.000 km đường biên giới trên bộ, Trung Quốc tiếp giáp với 15 nước trên thế giới là: Việt Nam, Lào, Myanma, Blutan, Nepal, Ấn độ, Barkistan, Zikistan, Apganistan, Tazkistan, Kirugistan, Kazafusatan, Mông cổ, Bắc Triều Tiên, Liên bang Nga.

Tương ứng với các tỉnh có biên giới trên bộ với Trung Quốc của các nước láng giềng, về phía Trung Quốc là các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam, Cam Túc, Liêu minh, Cát Lâm, Hắc Long Giang... Các tỉnh này chiếm 61,7% diện tích và 21,2% dân số của Trung Quốc. Các địa phương có biên giới trên bộ với Trung Quốc chủ yếu là vùng núi, sa mạc, xa các trung tâm kinh tế, chính trị - văn hoá, xã hội của các nước nên trình độ phát triển thấp và ít được Nhà nước đầu tư.

Từ khi tuyên bố độc lập (1-10-1949), Chính phủ nước CHND Trung Hoa đã từng bước thiết lập quan hệ ngoại giao và quan hệ mậu dịch với các nước có cùng biên giới trên bộ với Trung Quốc . Từ đó đến nay, quan hệ thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của Trung Quốc với các nước láng giềng đã không ngừng phát triển. Tuy vậy, đối với mỗi nước, do quá trình phát triển của quan hệ hợp tác về chính trị và ngoại giao khác nhau, chính sách thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ được Trung Quốc áp dụng không giống nhau nên khả năng phát triển của thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc cũng khác nhau.

Trong số các nước kể trên ( nếu không tính Việt Nam), thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Trung Quốc với Liên Bang Nga và Myanma được bộc lộ rõ nét và đạt kết quả đáng kể. Từ kinh nghiệm phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Trung Quốc với Liên Bang Nga và Myanma, Trung Quốc đã có các chính sách phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với các nước khác một cách có hiệu quả.

### **1- Kinh nghiệm phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Trung Quốc với Liên Bang Nga.**

Khu vực viễn đông của Liên Bang Nga có đường biên giới trên bộ rất dài với nước láng giềng Trung Quốc. Chỉ riêng tỉnh Primorsky Crai đã có 1000 km biên giới với nước CHND Trung Hoa. Thông qua đường biên giới trên bộ này, nhiều hàng thực phẩm và hàng tiêu dùng rẻ tiền được Trung Quốc mang bán trên thị trường Liên Bang Nga. Từ lâu và cho đến hiện nay, Chính phủ Liên Bang Nga vẫn khuyến khích hoạt động mậu dịch qua biên giới với Trung Quốc. Theo tài liệu của Ban kinh tế đối ngoại tỉnh Primosky Crai, năm 2000, Chính phủ Liên Bang Nga và Chính phủ Trung Quốc đã đàm phán để thiết lập khu vực tự do kinh tế dọc các tỉnh thuộc khu vực biên giới giữa hai nước.

Khu vực tự do kinh tế này sẽ nằm ở các khu vực thuộc : Chi ta, Amua, Jewish, Khabarovsk và Primoyre .

**Kim ngạch thương mại hàng hoá qua biên giới  
của vùng Viễn Đông Nga với Trung Quốc năm 1999.**

Đơn vị tính : Triệu Rúp

<b>TT</b>	<b>Khu vực</b>	<b>Kim ngạch thương mại hàng hoá</b>
1	Khabarovsk	700
2	Primorye	250
3	Amur	50
4	Kamchatka	20
5	Sakhalin	14
6	Yakutia( Sakha)	04
7	Jewish Autonomus Repulic	3
8	Magadan	1

*Nguồn: The US commercial service, Vladivostok.*

*(<http://w.w.w.Vladivostok.com/fcs>)*

Trong số các tỉnh (khu vực) nêu trên, 70% kim ngạch buôn bán qua biên giới trên bộ của khu vực Primorye với Trung Quốc được thực hiện với tỉnh Heilundzyan. Riêng tỉnh Tsilin đã cung cấp cho Primorye lượng hàng hoá chiếm 10% khối lượng hàng hoá nhập khẩu của tỉnh này.

Các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc qua biên giới trên bộ sang các tỉnh (khu vực) của Liên Bang Nga là : Hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm, nguyên liệu thô và một số thiết bị. Đa số những hàng hoá từ Trung Quốc được vận chuyển sang bằng xe tải qua đường bộ biên giới hoặc tàu hoả sang vùng viễn đông của Nga.

Số liệu của The US commercial service chỉ ra rằng: Kim ngạch trao đổi hàng hoá qua biên giới của Trung Quốc và Primorye hàng năm đạt mức trung bình 250 triệu Rúp. Khách hàng ở Liên Bang Nga đôi khi cũng than phiền về những

hàng hoá có chất lượng thấp và không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà xuất khẩu Trung Quốc đưa vào Liên Bang Nga. Đó là chưa kể đến vấn đề buôn lậu và gian lận thương mại .

Ngoài ra, do chính sách mở cửa biên giới giữa Liên Bang Nga và Trung Quốc nên trong 2 năm vừa qua, lượng khách du lịch ra vào các nước là khá đông. Đây cũng là cơ hội để xuất khẩu qua biên giới trên bộ của hai nước có cơ hội phát triển .

Tài liệu cũng cho hay: Từ năm 1998 đến 2001, tỉnh Primorye của Liên Bang Nga và Tsilin của Trung Quốc sẽ thiết lập một tổ công tác về hợp tác biên giới để xúc tiến và phát triển hoạt động hợp tác lẫn nhau giữa hai bên. Theo đó, 1 dự án về khu kinh tế sông Tumen được đưa vào hoạt động nhằm thiết lập hành lang thương mại giữa tỉnh Primorye ( Liên Bang Nga) và các tỉnh có chung biên giới đường bộ với Liên Bang Nga ở phía Bắc Trung Quốc .

Tóm lại, với chính sách láng giềng thân cận của Nga và Trung Quốc, nguyên tắc trao đổi thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Trung - Nga nhằm mục tiêu cùng có lợi và cùng tồn tại hoà bình, thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước Trung Quốc và Liên Bang Nga sẽ phát triển mạnh trong thời gian tới. Nó thực sự sẽ trở thành cơ sở vững chắc cho việc phát triển quan hệ ngoại thương Trung Quốc - Liên Bang Nga trong những năm đầu của thiên niên kỷ mới, nhất là khi Trung Quốc bắt đầu là thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

## **2- Kinh nghiệm phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Trung Quốc với Myanma.**

Là nước có đường biên giới trên bộ dài, tiếp giáp với 15 nước ở các châu lục, Trung Quốc đã lấy hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Myanma để mở đường ra biển.

Ở châu Á, bên cạnh Việt Nam, Trung Quốc cũng chú trọng phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Myanmar và họ đã xác định rằng qua Myanmar là con đường ngắn nhất, thuận lợi nhất để ra Ấn Độ Dương.

Là nước đang phát triển ở châu Á, Myanmar hiện đang trong quá trình cải tổ nền kinh tế vốn đã tụt hậu rất xa so với các nước láng giềng, đặc biệt với nước láng giềng Trung Quốc. Để khắc phục vấn đề này, Myanmar đã từng bước thực hiện tự do buôn bán qua các cửa khẩu biên giới trên bộ với CHND Trung Hoa.

Hiện nay, thực hiện chính sách mở cửa biên giới, các thị trấn Wanding và Ruili đã trở thành các đặc khu kinh tế của Trung Quốc nhằm thực hiện các hoạt động hợp tác về đầu tư và thương mại với Myanmar.

Quan hệ thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Trung Quốc và Myanmar đã có từ lâu và ngày càng phát triển.

Các sản vật đưa ra trao đổi từ phía Myanmar thường là nông lâm, hải sản và các tài nguyên khác rất cần cho sự phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp chế biến của Trung Quốc nói riêng.

Trong khi đó, Myanmar cũng là thị trường thích hợp với hàng hoá Trung Quốc. Các sản phẩm của các ngành công nghiệp ở Trung Quốc lại có khả năng đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và đi lại của người Myanmar.

Theo số liệu của Trung Quốc thì giá trị thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Trung Quốc - Myanmar đạt mức 1,2 tỷ USD năm 1994 và 1,5 tỷ USD năm 1995. Con số này đạt 1,8 tỷ USD vào năm 2000, 2,1 tỷ USD vào năm 2001 và dự kiến đạt khoảng 2,5 tỷ USD vào 2002.

Vừa qua, để thúc đẩy thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước, Trung Quốc đã giúp Myanmar nâng cấp một số đường quốc lộ và cầu cống nối các tỉnh của Myanmar với thủ phủ Côn Minh của tỉnh Vân Nam và sắp tới sẽ xây dựng tuyến đường sắt dài 1300 km từ Côn Minh qua Lào, Myanmar và nối với Bangkok nhằm phục vụ cho sự phát triển của tứ giác vàng bao gồm: Lào, Vân Nam (Trung Quốc), bắc Thái Lan và bắc Myanmar. Thông qua hệ thống giao thông này,

hàng hoá của Trung Quốc sẽ từ Côn Minh (Vân Nam - Trung Quốc) đi Rangoon (thủ đô Myanma) dẫn tới Bhamô (Bắc Myanma) sau đó xuôi theo dòng Irawadi ra biển Ấn Độ Dương.

Con đường qua Myanma tới Ấn Độ Dương có ý nghĩa rất lớn đối với Trung Quốc. Việc tiếp cận nhanh với biển Ấn Độ Dương sẽ giúp cho Trung Quốc có nhiều thuận lợi hơn trong việc vận chuyển và xuất khẩu một lượng hàng hoá khổng lồ với giá rẻ từ Trung Quốc đến các nước Đông Nam Á lục địa, Ấn Độ và các nước láng giềng khác. Và cũng thông qua thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Myanma, tỉnh Vân Nam và các tỉnh khác sâu trong lục địa Trung Quốc sẽ có nhiều cơ hội để tiếp xúc, giao lưu với các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh trong khu vực và trên biên giới.

### **3- Kinh nghiệm phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của Thái Lan với các nước láng giềng.**

Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của Thái Lan được hiểu là hoạt động mua bán, giao dịch hàng hoá tại các khu vực biên giới của Thái Lan với các nước láng giềng với sự tham gia của các doanh nghiệp hoặc cư dân các địa phương dọc theo biên giới. Thương mại hàng hoá qua biên giới của Thái Lan tồn tại dưới hai hình thức chủ yếu: Mậu dịch chính ngạch và mậu dịch tiểu ngạch.

Hiện tại, Thái Lan đã có nhiều cơ quan có chức năng quản lý và hoàn thiện chính sách mậu dịch biên giới như: Ủy ban phát triển mậu dịch biên giới, Phân ban về giải quyết các vấn đề biên mậu, Trung tâm thông tin thương mại biên giới...

Hình thức tổ chức thương mại hàng hoá qua biên giới của Thái Lan được diễn ra khá phong phú và linh hoạt, thủ tục hải quan thuận lợi, các cửa hàng miễn thuế tại cửa khẩu có quy mô lớn.

Thương mại hàng hoá qua biên giới đường bộ giữa các tỉnh phía Bắc Thái Lan với các nước láng giềng : Myanma, Lào chiếm vị trí quan trọng trong ngoại thương của Thái Lan.

Thương mại hàng hoá với các nước láng giềng phát triển nhanh trong những năm qua (chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch ngoại thương của khu vực Bắc Thái Lan) đã kéo theo sự phát triển cơ sở hạ tầng tại các tỉnh biên giới phía Bắc Thái Lan với Lào và Myanmar.

\* Myanmar là bạn hàng quan trọng nhất ở khu vực Bắc Thái Lan (chiếm 77,7% tổng giá trị mậu dịch biên giới chính ngạch). Giá trị thương mại hàng hoá qua biên giới của Thái Lan với Myanmar năm 2001 đạt 7.568,1 triệu Baht (trong đó Thái Lan xuất khẩu 6.635,5 triệu Baht và nhập khẩu 931,6 triệu Baht).

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Thái Lan là: Hàng tiêu dùng, ô tô, xe máy, nhiên liệu, vật liệu xây dựng, máy móc và phụ tùng...

Các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu của Thái Lan từ Myanmar là: Gỗ, các sản phẩm gỗ, các loại nông, lâm sản...

Cán cân thanh toán biên mậu của Thái Lan với Myanmar nhìn chung khá cân đối.

\* Mậu dịch biên giới với Lào chiếm tỷ trọng 10,5% trong tổng giá trị mậu dịch biên giới chính ngạch của Thái Lan. Năm 2000, con số này đạt 1.021,9 triệu Baht (trong đó xuất khẩu đạt 562,6 triệu Baht và nhập khẩu đạt 459,3 triệu Baht).

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu qua biên giới từ Thái Lan sang Lào là: Vật liệu xây dựng, nhiên liệu, phương tiện giao thông, thực phẩm và hàng hoá tiêu dùng các loại.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu qua biên giới từ Lào về Thái Lan là: Gỗ và các sản phẩm từ gỗ, than, nông, lâm sản các loại...

**Giá trị thương mại hàng hoá qua biên giới  
giữa khu vực Bắc Thái Lan với các nước láng giềng**

Đơn vị: Triệu Baht

	<b>1998</b>	<b>1999</b>	<b>2000</b>	<b>% tăng bq</b>
Biên giới Thái Lan - Myanmar	4.096,9	5.792,6	7.568,1	35,90
- Xuất khẩu	3.478,0	4.883,7	6.636,5	38,15
- Nhập khẩu	618,9	908,9	931,6	22,70
Biên giới Thái Lan - Lào	568,3	854,4	1.021,9	34,10
- Xuất khẩu	447,3	437,1	562,6	12,15
- Nhập khẩu	121,0	408,3	459,3	124,45

*Nguồn : Đề tài khoa học mã số: 2001-78-054 - Viện NCTM*

Theo đánh giá của Bộ thương mại Thái Lan (BOT), mậu dịch biên giới của Thái Lan hiện còn đang gặp nhiều trở ngại do chính sách hạn chế của các nước láng giềng; sức cạnh tranh của hàng hoá Thái Lan có xu hướng suy giảm do sức ép cạnh tranh của hàng hoá các nước trong khu vực; thiếu các quy định về mậu dịch biên giới; những hạn chế về phương thức thanh toán; sự thiếu đồng bộ trong chính sách mậu dịch biên giới giữa các nước có chung biên giới; hạn chế về phương tiện và phương thức vận chuyển hàng hoá...



#### **4- Một số nhận xét:**

Qua nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Trung Quốc với Liên bang Nga và Myanmar và giữa Thái Lan với các nước láng giềng, một số nhận xét được rút ra là:

- Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ của các nước là hoạt động tất yếu diễn ra tại khu vực biên giới hai nước láng giềng. Tuy nhiên, hoạt động trao đổi hàng hoá được thay đổi từ thương mại hàng đổi hàng (từ những năm xa xưa) sang thương mại được thanh toán bằng tiền (khi các nước láng giềng thực hiện chính sách phát triển kinh tế theo hướng mở cửa). Đây là lý do khiến khối lượng hàng hoá đưa ra trao đổi không lớn, giá trị chưa đạt mức cao, quy mô nhỏ lẻ, manh mún và tính quy hoạch và kế hoạch không cao.

- Hàng hoá đưa ra trao đổi tại khu vực biên giới giữa các nước thường là các sản phẩm được sản xuất ở các địa phương biên giới và các vùng lân cận. Thông thường, các doanh nghiệp tìm hiểu xem dân cư biên giới có nhu cầu hàng hoá gì thì sản xuất hàng hoá đó chứ không có kinh doanh đầu tư dài hạn để sản xuất với khối lượng lớn nhằm hạ giá thành. Hơn thế, phần lớn các hàng hoá đưa ra trao đổi là các nguyên liệu, sản phẩm thô nên giá trị xuất khẩu không cao.

- Do gần gũi về vị trí địa lý nên các doanh nghiệp hai nước thường giao hàng tại cửa khẩu biên giới hoặc vận chuyển thẳng đến kho của người mua bằng đường sắt hoặc ô tô. Nếu quy chế vận chuyển hàng hoá qua biên giới đường bộ hai nước thuận lợi cho sự ra vào của các phương tiện vận tải bộ thì doanh nghiệp xuất khẩu sẽ vận chuyển hàng hoá thẳng tới nơi mà doanh nghiệp nhập khẩu chỉ định. Như vậy, dịch vụ vận chuyển hàng hoá qua biên giới cũng phát triển, người tiêu dùng hai nước có được những sản phẩm nhập khẩu đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng và các nông sản đủ độ tươi mới.

- Hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước được diễn ra trên toàn tuyến biên giới. Do các quy định, chính sách về mậu dịch biên giới của các nước là không giống nhau, nhiều hoạt động thiếu tính đồng bộ nên nhiều vướng mắc trong việc thực hiện quy trình xuất nhập khẩu hàng hoá nảy sinh,

gây khó khăn cho công tác quản lý mậu dịch biên giới (cả chính ngạch và tiểu ngạch).

- Đường biên giới trên giữa các nước có độ dài tương đối lớn, thường là vùng núi, địa hình phức tạp, có nhiều lối mòn, cơ sở hạ tầng còn yếu kém... nên việc kiểm tra, giám sát hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới là rất khó khăn.

Mặt khác, sự phối hợp giữa các lực lượng: Công an biên phòng, thuế, thuế quan, quản lý thị trường của cả hai nước trong việc quản lý và điều hành hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới chưa được chặt chẽ. Đây là khe hở để buôn lậu và gian lận thương mại xuất hiện, vấn đề đặt ra là phải có sự phối hợp chặt chẽ của lực lượng quản lý và điều hành hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới đường bộ ở cả hai phía mà thực hiện việc này thì không mấy dễ dàng.

## PHẦN THỨ HAI

# THỰC TRẠNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ VỚI TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG LỚN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA CẢ NƯỚC, CỦA KHU VỰC KINH TẾ CỦA KHẨU VÀ CÁC TỈNH BIÊN GIỚI

## I - CHÍNH SÁCH MẬU DỊCH BIÊN GIỚI CỦA VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC VÀ CHÍNH SÁCH BIÊN MẬU CỦA TRUNG QUỐC VỚI VIỆT NAM

### 1- Chính sách mậu dịch biên giới của Việt Nam với Trung Quốc:

Tháng 1/1991, hai nước Việt Nam -Trung Quốc đã thống nhất "khép lại quá khứ, mở ra tương lai" - bắt đầu thời kỳ bình thường hoá và mở cửa.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 7/11/1991, Chính phủ hai nước đã ký "Hiệp định tạm thời về giải quyết các công việc trên biên giới". Sau Hiệp định, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã phê duyệt mở 21 cặp cửa khẩu với Trung Quốc.

Được sự uỷ nhiệm của Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc, chính quyền các tỉnh biên giới đã thành lập các đoàn đại biểu tổ chức hội đàm để cụ thể hoá những vấn đề qua lại biên giới, trao đổi hàng hoá, hợp tác đầu tư kinh tế - kỹ thuật. Với nỗ lực của hai bên, đến nay trên toàn tuyến biên giới phía Bắc đã có 25 cặp cửa khẩu (gồm 4 cặp cửa khẩu quốc tế, 7 cặp quốc gia, 14 cặp tiểu ngạch). Trong số đó có 18 cặp cửa khẩu được mở theo Hiệp định và 7 cặp cửa khẩu được mở ngoài Hiệp định là: Đàm Thủy (Cao bằng); Bản Vược (Lào Cai); Thượng Phùng (Hà Giang); Ka Long và Bắc Phong Sinh (Quảng Ninh); Tân Thanh, Cốc Nam (Lạng Sơn).

### DANH MỤC CÁC CỬA KHẨU TRÊN TUYẾN BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

<u>Cửa khẩu quốc tế</u>	<u>Cửa khẩu quốc gia</u>
1. Móng Cái - Quảng Ninh	1. Hoàng Mô - Quảng Ninh
2. Hữu Nghị - Lạng Sơn	2. Chi Ma - Lạng Sơn
3. Đồng Đăng - Lạng Sơn	3. Bình Nghi - Lạng Sơn
4. Lào Cai - Lào Cai	4. Tà Lùng - Cao Bằng
	5. Thanh Thủy - Hà Giang
	6. Mường Khương - Lào Cai
	7. MaLuThàng - Lai Châu

Ngoài ra còn có 59 cặp đường mòn và 13 chợ biên giới để phục vụ cho các hoạt động giao lưu kinh tế và qua lại của cư dân dọc biên giới hai nước. Việc mở ra các cặp cửa khẩu biên giới đã trở thành cơ sở pháp lý rất quan trọng, mở đầu cho một thời kỳ mới của giao lưu kinh tế Việt - Trung sau nhiều năm bị gián đoạn.

Thực hiện bình thường hoá quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc, Chính phủ ta và Chính phủ nước CHND Trung Hoa ngoài việc ký Hiệp định Thương mại và Hiệp định tạm thời giải quyết công việc trên vùng biên giới hai nước (7/11/1991) đã ký tiếp một số Hiệp định khác liên quan đến thương mại như: Hiệp định thanh toán qua Ngân hàng (26/5/1993), Hiệp định quá cảnh hàng hoá (9/4/1994) nhằm thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác thân thiện và phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước trên cơ sở tôn trọng, bình đẳng, cùng có lợi.

Để thực hiện các Hiệp định đã được ký kết, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã có các Nghị định, Chỉ thị về triển khai một số công việc liên quan đến hoạt động mậu dịch biên giới như: Chỉ thị số 32/CT ngày 19/11/1991 về tổ chức quản lý thị trường biên giới Việt - Trung; Chỉ thị số 94/CT ngày 5/3/1992 về mở cửa khẩu trên biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Chỉ thị số 98/CT ngày 27/3/1992 ban hành bản Quy chế khu vực biên giới Việt - Trung.

Nội dung chủ yếu của các văn bản trên là:

- + Khẩn trương xây dựng Chương trình hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học - kỹ thuật với khu tự trị Quảng Tây và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

- + Công tác tổ chức, quản lý thị trường vùng biên giới Việt - Trung trong tình hình hiện nay phải nhằm mục tiêu mở rộng giao lưu hàng hoá giữa hai nước và nhân dân hai bên biên giới, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Mặt khác, cần phải thiết lập trật tự trên thị trường này, kiên quyết ngăn chặn và bài trừ tệ buôn lậu qua biên giới, góp phần đảm bảo trật tự, an ninh chính trị và xã hội ở cả hai bên.

- + Mọi hoạt động xuất nhập cảnh và xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới (chính ngạch cũng như tiểu ngạch) bắt buộc phải thông qua các cửa khẩu, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Đồn biên phòng và Hải quan cửa khẩu.

- + Tổng cục Hải quan cần định kỳ tổ chức tiếp xúc với Hải quan Trung Quốc để thông báo cho nhau danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu của

mỗi bên, có biện pháp thông báo cho nhân dân vùng biên giới mỗi bên nghiêm chỉnh chấp hành, đồng thời phải phối hợp kiểm tra, xử lý.

Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các Bộ, ngành hữu quan ở Trung ương đã tiến hành đàm phán ký kết một số Hiệp định chính thức với phía Trung Quốc về Bưu điện, Hàng hải, Hàng không, Đường sắt, đồng thời ban hành các văn bản pháp quy (Thông tư, Chỉ thị ) thuộc thẩm quyền để chỉ đạo, hướng dẫn công tác nghiệp vụ chuyên môn cho cấp dưới.

Ngày 25/3/1992, Chính phủ đã có Chỉ thị số 94/ CT về tổ chức và quản lý thị trường vùng biên giới Việt - Trung và Quyết định số 115/HĐBT ngày 9/4/1992 về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tiểu ngạch biên giới đất liền.

Để thực hiện chỉ thị nêu trên của Chính phủ, Tổng cục Hải quan cũng đã có các công văn số 91/TCHQ-PC ngày 12/12/1991, số 21/TCHQ-GQ ngày 11/1/1992, số 875/TCHQ-GSQL ngày 26/4/1994, số 79/TCHQ-GSQL ngày 14/6/1994... hướng dẫn việc triển khai các nhiệm vụ về thủ tục Hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát Hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu (chính ngạch, tiểu ngạch), chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, ngoại hối, tiền Việt Nam qua biên giới.

Trong Thông tư số 05/TMDL - QLTT ngày 7/5/1992 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 94/CT của Chủ tịch HĐBT về tổ chức quản lý thị trường vùng biên đã quy định "đối tượng làm xuất nhập khẩu **tiểu ngạch** là người buôn bán có hộ khẩu thường trú tại các xã giáp biên giới" và "trị giá hàng hoá mỗi lần xuất hoặc nhập không vượt quá 500.000 VNĐ, tương đương trị giá của 200kg gạo tẻ theo thời giá". Còn hình thức buôn bán **chính ngạch** phải tuân thủ Hiệp định Thương mại được ký kết giữa hai Chính phủ ngày 7/11/1991. Theo Thông tư này thì buôn bán chính ngạch qua biên giới được "*thực hiện thông qua các hợp đồng ký kết giữa các Công ty ngoại thương và các thực thể kinh tế khác có quyền kinh doanh ngoại thương của Việt Nam và Trung Quốc theo quy định của Hiệp định thương mại, theo luật pháp của mỗi nước và theo tập quán thương mại quốc tế*". Đối tượng tham gia là "các Công ty và các thực thể kinh tế được Bộ Thương mại cấp giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu".

Căn cứ các văn bản trên, các ngành chức năng hữu quan và UBND các tỉnh biên giới đã phối hợp quan hệ với các tỉnh biên giới phía Nam Trung Quốc mở các đường mòn biên giới và tổ chức các chợ biên giới để cư dân hai bên khu vực biên

giới qua lại thăm thân và trao đổi hàng hoá phục vụ cho nhu cầu sản xuất đời sống hàng ngày.

Ngày 19/10/1998, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa đã ký Hiệp định về mua bán hàng hoá ở vùng biên giới tại Bắc Kinh. Cùng với Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 Hướng dẫn thi hành Luật Thương mại và Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 26/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá giai đoạn 2001- 2005, hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc không còn phân biệt chính ngạch, tiểu ngạch mà chỉ có hình thức mua bán qua biên giới trên bộ Việt - Trung, khối lượng và chủng loại hàng hoá không còn bị hạn chế (trừ những mặt hàng cấm xuất khẩu và cấm nhập khẩu), phương thức thanh toán cũng linh hoạt hơn nhưng phải phù hợp với các quy định của hệ thống ngân hàng của Việt Nam.

***Một số nhận xét về tình hình thực hiện chính sách mậu dịch biên giới với Trung Quốc của Việt Nam :***

***\* Về chính sách, cơ chế quản lý hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới :***

- Đảng và Nhà nước ta thực hiện nhất quán đường lối đổi mới, chính sách mở cửa, đẩy mạnh phát triển giao lưu kinh tế với bên ngoài qua hệ thống cửa khẩu biên giới phía Bắc trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và cùng tồn tại hoà bình, duy trì biên giới hữu nghị, hợp tác và phát triển. Vì vậy, chính sách mậu dịch biên giới của Việt Nam vừa tạo thuận lợi, vừa quản lý chặt chẽ các hoạt động xuất nhập khẩu.

- Ngoài danh mục hàng cấm xuất, cấm nhập và Nhà nước quản lý bằng hạn ngạch, các mặt hàng còn lại cư dân biên giới, tư thương và các thành phần kinh tế của cả hai bên được phép xuất nhập khẩu, chịu sự kiểm tra, quản lý của các cơ quan Nhà nước và chịu sự điều chỉnh về thuế theo luật định.

- Việc kinh doanh xuất nhập khẩu phải có giấy phép do Bộ Thương mại cấp, phải thông qua các cửa khẩu và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Bộ đội Biên phòng và cơ quan Hải quan.

- Trị giá hàng hoá mỗi lần xuất hoặc nhập khẩu tiểu ngạch không vượt quá 500.000 VNĐ, tương đương trị giá 200kg gạo tẻ tính theo thời giá.

***\* Về chính sách thu thuế xuất nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới phía Bắc:***

- Nhà nước quy định mức thuế của các loại hàng hoá được xuất nhập khẩu qua biên giới đường bộ với Trung Quốc:

+ Đối với những mặt hàng xuất nhập khẩu tiểu ngạch có trong biểu thuế xuất nhập khẩu chính ngạch có thuế suất dưới 5% thì thống nhất áp dụng 5%.

+ Các mặt hàng không có trong danh mục biểu thuế xuất nhập khẩu chính ngạch thì áp dụng thống nhất 5%.

***\*Về chính sách quản lý hàng quá cảnh và hàng tạm nhập tái xuất, kho ngoại quan:***

Để phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thương mại giữa hai nước, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc đã ký kết các "Hiệp định về quá cảnh hàng hoá" (9/4/1994), và "Hiệp định về vận tải đường bộ" (22/11/1994).

Căn cứ vào các Hiệp định trên, Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn việc làm thủ tục và tiến hành các công tác giám sát, quản lý các hoạt động kinh doanh đối với hàng quá cảnh và hàng tạm nhập tái xuất qua cửa khẩu đường bộ biên giới phía Bắc. Nhiều doanh nghiệp cả Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết được khá nhiều hợp đồng theo các phương thức kinh doanh này.

Hàng quá cảnh và hàng tạm nhập vào Việt Nam rồi tái xuất đi Trung Quốc gồm: ô tô, xe máy, hàng điện tử, cao su, nhôm thỏi, hạt nhựa, sợi tổng hợp, lông cừu, xăng dầu, bia lon, thuốc lá...

**2 - Chính sách biên mậu của Trung Quốc với Việt Nam giai đoạn từ 1991 đến nay.**

Kể từ năm 1991, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện chiến lược mở cửa ven biên giới đất liền, lấy mậu dịch biên giới dẫn đường, coi hợp tác kinh tế - kỹ thuật là trọng điểm, lấy khu vực lục địa làm chỗ dựa, coi việc khai thác thị trường các nước xung quanh là mục tiêu, hình thành một cục diện mới gọi là ***"mở cửa toàn phương vị, nhiều hình thức, nhiều tầng nấc : đặc khu kinh tế, thành phố mở cửa ven biển, mở cửa nội địa và ven biên giới"***.

Như vậy, mậu dịch biên giới được coi là bước đi đầu tiên mang tính chất mở đường cho chiến lược mở cửa ven biên giới đất liền của Trung Quốc. Tuy nhiên, tùy tình hình và đặc điểm cụ thể của từng vùng mà Trung Quốc thực hiện những

chính sách biên mậu khác nhau, tất cả nhằm đáp ứng mục tiêu "lợi quốc, phú dân, mục lân, an bang" (nghĩa là: *có lợi cho đất nước, nhân dân giàu có, hoà thuận với các nước láng giềng*).

Để tạo điều kiện cho mậu dịch biên giới phát triển, một loạt chính sách và biện pháp đã được ban hành và thực thi.

- Năm 1992, Quốc vụ viện Trung Quốc đã quyết định mở cửa thêm 4 thành phố biên giới trong đó có Bằng Tường, Đông Hưng (Quảng Tây) và Hạ Khẩu (Vân Nam).
- Ngày 3/1/1996, Quốc vụ viện Trung Quốc quyết định mở cửa đối ngoại tại Bằng Tường, Đông Hưng, Thủy Lệ, Hà Khẩu nhằm thực hiện chính sách mở cửa biên giới đất liền. Các huyện, thị trấn này được hưởng các ưu đãi dưới đây:

\* Trên cơ sở chấp hành các quy định liên quan đến mậu dịch biên giới và hợp tác kinh tế đối ngoại đã được Quốc vụ viện phê chuẩn, Chính phủ nhân dân tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang đã trao quyền hạn nhất định cho Chính phủ nhân dân 5 thị xã, thị trấn này về quản lý mậu dịch biên giới và hợp tác kinh tế, thực hiện phê chuẩn hợp đồng kinh tế về biên mậu, gia công, hợp tác lao động...

\* Cho phép các nhà đầu tư của các nước láng giềng sử dụng nguyên liệu, vật tư sản xuất được coi là vốn đầu tư. Bộ phận hàng hoá này có thể tiêu thụ theo quy định của mậu dịch biên giới Trung Quốc.

\* Cho phép các huyện, thị có đủ điều kiện mở ra khu hợp tác kinh tế biên giới và xí nghiệp gia công hàng xuất khẩu. Trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất trong khu hợp tác kinh tế biên giới, nếu cần nhập thiết bị và vật tư có số lượng hợp lý thì được miễn thuế nhập khẩu..

\* Trong khu hợp tác mậu dịch biên giới, các đơn vị sản xuất phải lấy hoạt động xuất khẩu làm chủ đạo. Đơn vị nào có quy mô sản xuất hàng xuất khẩu đạt mức quy định thì Bộ Kinh mậu sẽ cho phép kinh doanh xuất nhập khẩu với các nước láng giềng.

\* Nhà nước sẽ hỗ trợ vốn để xây dựng cơ sở vật chất tại các cửa khẩu của 5 huyện, thị này. Số tiền cụ thể và biện pháp hỗ trợ do Bộ Tài chính quyết định. Ngoài ra, Chính phủ còn cho phép chính quyền các cửa khẩu thu lệ phí quản lý cửa



khẩu (0,6NDT/tấn hàng hoá ra vào cửa khẩu) để sử dụng vào việc xây dựng, sửa chữa và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng tại cửa khẩu.

Nhằm thực hiện các chính sách nêu trên, Chính phủ Trung Quốc đã tiến hành một loạt các biện pháp thúc đẩy mậu dịch biên giới đối với Việt nam trong đó quan trọng nhất là việc chú trọng đầu tư cho cơ sở hạ tầng khu vực biên giới và phê chuẩn 9 thành phố mở ven biên giới, hình thành hơn 100 cửa khẩu và chợ biên giới nhằm liên kết chặt chẽ khu vực ven biên giới Trung Quốc với các nước xung quanh.

Hiện nay, chính sách biên mậu của Trung Quốc chưa có sự thay đổi gì đáng kể so với những năm trước đây. Điều đáng chú ý là Trung Quốc đã có những điều chỉnh nhất định nhằm đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch. Do vậy, tỷ lệ xuất khẩu hàng tiểu ngạch đã giảm xuống từ 10 - 20% so với trước.

Đối với hoạt động nhập khẩu qua biên giới đường bộ, Trung Quốc ưu tiên nhập khẩu những hàng hoá là nguyên liệu phục vụ sản xuất, bảo đảm cho sự hoạt động bình thường và nhịp nhàng của nhà máy, xí nghiệp, phục vụ tốt nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

Đối với hàng tiêu dùng, Trung Quốc chủ trương chỉ nhập khẩu một số lượng rất đối với một số mặt hàng thật sự cần thiết cho nhu cầu của nhân dân mà trong nước chưa tự sản xuất và cung ứng đủ nhu cầu, chú trọng thực hiện nhập khẩu hàng có chất lượng đảm bảo và giá nhập ở mức thấp.

Đặc biệt, Trung Quốc đã áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đối với nguyên liệu thô như thuế dầu dừa thô nhập khẩu chỉ có 7%, trong khi đó đối với dầu dừa tinh luyện nhập khẩu thuế suất lên đến 50%.

Đáng chú ý, từ năm 2001 trở lại đây, Trung Quốc đã thực hiện điều chỉnh chính sách thuế nhập khẩu như nâng thuế nhập khẩu tiểu ngạch từ 0 - 5% lên 2 - 15% tùy theo loại hàng.

Từ 8/2001, Trung Quốc đã thực hiện miễn thuế nhập khẩu đối với những lô hàng có giá trị dưới 3.000 NDT do một người mang vác qua cửa khẩu đối với hàng thuỷ sản tươi sống hoặc muối sổi và lương thực, thực phẩm nhập khẩu theo đường tiểu ngạch.

Những hàng hoá không nằm trong phạm vi nêu trên phải được khai báo Hải quan và làm thủ tục nhập khẩu chính ngạch.

Từ tháng 10/2001, Trung Quốc nâng thuế nhập khẩu tôm sú nuôi và cá nước ngọt lên mức cao chưa từng thấy: 50% đối với tôm nuôi và 20% đối với cá nước ngọt nuôi với mục đích bảo hộ nghề nuôi tôm, cá của họ.

Việc tăng thuế nhập khẩu đột ngột đối với tôm sú nuôi và cá nước ngọt đã gây khó khăn cho xuất khẩu của ta và tác động trực tiếp đến giá mua nội địa :Tôm sú loại 20 con/kg giá từ 220.000 đ/kg giảm xuống còn 140.000đ/kg, loại 30 con/kg giá từ 180.000đ/ kg giảm xuống còn 85.000 đ/kg.

***Một số nhận xét về tình hình thực hiện chính sách biên mậu của Trung Quốc:***

***\* Đối với chủ thể tham gia:***

Trung Quốc là một nước có đường biên giới dài và tiếp giáp với 15 nước khác nhau. Đối với mỗi nước, Trung Quốc đều có chính sách riêng để quy định các loại hình doanh nghiệp được quyền kinh doanh mậu dịch biên giới. Nhìn chung, chủ thể tham gia hoạt động mậu dịch biên giới của Trung Quốc bao gồm các loại sau:

Loại 1: Các công ty hoặc xí nghiệp có quyền trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu trên thị trường khu vực biên giới.

Loại 2: Các công ty kinh doanh uỷ thác xuất nhập khẩu trên thị trường khu vực biên giới. Đây là những công ty được quyền kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp, được sự phê chuẩn của cơ quan chủ quản cho phép nhận uỷ thác của các doanh nghiệp loại 3 và được nhận chi phí uỷ thác.

Loại 3: Các công ty không có quyền kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Loại công ty này phải ký hợp đồng uỷ thác cho công ty loại 2 và phải trả chi phí uỷ thác.

***\* Đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu:***

Trung Quốc chia hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới trên bộ làm 3 loại:

Loại 1: Là các mặt hàng liên quan đến quốc kế dân sinh như: than đá, lương thực...

Loại 2: Là các mặt hàng có dung lượng thị trường hạn chế, có lượng cung ứng hạn chế và cạnh tranh quyết liệt, giá cả tương đối thấp.

Loại 3: Các mặt hàng được Nhà nước cho phép xuất, nhập khẩu không nằm trong loại 1 và loại 2, gồm mặt hàng chủ yếu như: Máy móc, điện khí, nông cụ, hàng may mặc, điện gia dụng, các sản phẩm công nghệ...

***\* Đối với việc quản lý giấy phép xuất nhập khẩu hàng hoá :***

Chế độ cấp giấy phép cho hàng hoá xuất, nhập khẩu là một biện pháp bảo hộ mậu dịch thông thường của các nước trên thế giới. Khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá qua các cửa khẩu biên giới trên bộ, các doanh nghiệp Trung Quốc phải đến cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ làm thủ tục xin cấp giấy phép xuất, nhập khẩu hàng hoá.

Nội dung chủ yếu của giấy phép xuất, nhập khẩu hàng hoá gồm: Tên hàng, quy cách phẩm chất, xuất xứ, số lượng, đơn vị, số kiện, đơn giá, điều kiện cơ sở giao hàng, phương thức thanh toán...

***\* Đối với việc quản lý chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu và kiểm tra vệ sinh, kiểm dịch động, thực vật hàng hoá xuất, nhập khẩu.***

Để quản lý tốt chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới, Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng công tác kiểm nghiệm, kiểm dịch hàng hoá ra, vào các cửa khẩu biên giới.

Việc kiểm nghiệm, kiểm dịch đối với hàng hoá xuất nhập khẩu nêu trên được thực hiện trên cơ sở Luật vệ sinh an toàn thực phẩm, Luật kiểm dịch động, thực vật xuất nhập khẩu...nhằm phòng trừ bệnh truyền nhiễm động, thực vật, bệnh ký sinh trùng đối với động vật xuất, nhập khẩu và các sản phẩm khác.

***\* Đối với việc quản lý thu thuế xuất nhập khẩu:***

Nhà nước Trung Quốc coi việc thu thuế xuất nhập khẩu là đòn bẩy điều tiết hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới. Nó là công cụ chủ yếu thực hiện chính sách mậu dịch biên giới của nước này.

Căn cứ vào các chính sách ưu tiên của Nhà nước Trung Quốc, các thành phố, huyện thị biên giới mở cửa được phân cấp quản lý thu thuế biên mậu. Toàn bộ số tiền thu được để lại cho địa phương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Trung Quốc giao quyền cho Chính phủ địa phương tự định ra các mức thuế suất phải thu theo nguyên tắc: Mức thuế mặt hàng cùng chủng loại cấp tỉnh quy định phải thấp hơn mức thuế của Trung ương; mức thuế do cấp huyện, thị quy định phải thấp hơn mức thuế của cấp tỉnh và chỉ được thu ở các cửa khẩu địa phương. Tại các cửa khẩu

quốc tế, thuế xuất nhập khẩu hàng hoá do cơ quan Hải quan thu và nộp về ngân sách Trung ương.

**\* Về một số chính sách ưu tiên đối với các địa phương biên giới :**

Để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với các nước láng giềng (đặc biệt với Việt Nam), Chính phủ Trung Quốc đã dành cho các địa phương biên giới một số chính sách ưu tiên sau:

+ Các địa phương được quyền phê chuẩn các dự án hợp tác sản xuất và gia công hàng xuất khẩu trong phạm vi lãnh thổ của mình.

+ Các dự án đầu tư tại địa phương biên giới được hưởng các ưu đãi về thuế: Với các dự án đầu tư vào ngoại thương, hai năm đầu được miễn thuế, năm thứ 3, 4, 5 giảm 50%, với các dự án đầu tư vào sản xuất, xây dựng, giao thông, thông tin liên lạc... thì miễn thuế 5 năm đầu, các năm 6, 7, 8, 9, 10 giảm 50%. Các dự án đầu tư nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu đối với toàn bộ máy móc, thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ sinh hoạt. Lợi nhuận thu được ở một số hạng mục có thể được miễn thuế khi chuyển ra nước ngoài. Tất cả các xí nghiệp ở vùng biên giới được giảm 24% thuế so với mức thuế chung trong nội địa...

+ Các địa phương vùng biên giới có thể lập khu hợp tác kinh doanh mậu dịch biên giới, xây dựng các xí nghiệp gia công xuất khẩu. Các xí nghiệp trong khu vực này có hoạt động sản xuất để xuất khẩu là chính thì tùy theo quy mô sẽ được trao quyền chủ động kinh doanh xuất, nhập khẩu với các quốc gia láng giềng và hưởng ưu đãi về thuế.

+ Hàng năm, các địa phương được Nhà nước cấp một khoản tiền nhất định và được sử dụng số tiền thu thuế và lệ phí hàng hoá qua biên giới để xây dựng, tu bổ cơ sở hạ tầng ở vùng biên giới.

+ Đối với việc trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới: nếu buôn bán dưới 3000 nhân dân tệ thì miễn thuế (đầu năm 1996 mức này mới là 500 nhân dân tệ).

**II- THỰC TRẠNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỜ CỬA VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1991- 2001.**

**1 - Tình hình chung:**

**1.1 - Về kim ngạch xuất nhập khẩu :**

Từ năm 1991 đến nay, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng phát triển. Với kim ngạch xuất nhập

khẩu tăng nhanh, hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của cả hai nước.

**Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với Trung Quốc  
(Thời kỳ 1991- 2001).**

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	Tổng kim ngạch		Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Trị giá	Nhịp độ tăng(%)	Trị giá	Nhịp độ tăng (%)	Trị giá	Nhịp độ tăng(%)
1991	37,7	-	19,3	-	18,4	-
1992	127,4	237,9	95,6	395,3	31,8	72,8
1993	221,3	73,7	135,8	42,0	85,5	168,8
1994	439,9	98,7	295,7	117,7	144,2	68,6
1995	691,6	57,2	361,9	22,3	329,7	128,6
1996	669,2	-3,3	340,2	-6,0	329,0	-0,3
1997	878,5	31,2	474,1	39,3	404,4	22,9
1998	989,4	12,6	478,9	1,0	510,5	26,2
1999	1.542,3	55,8	858,9	79,3	683,4	33,8
2000	2.957,2	91,7	1.534,0	78,6	1.423,2	108,2
2001	3.047,9	3,0	1.418,0	- 7,6	1.629,9	14,5
T/cộng	<b>11.602,4</b>		<b>6.012,4</b>		<b>5.590,0</b>	

*Nguồn: Trung tâm tin học và Thống kê - Tổng cục Hải quan*

Số liệu trên cho thấy qui mô và tốc độ trao đổi hàng hoá qua biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển. Năm 1991, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam - Trung Quốc chỉ đạt 37,7 triệu USD, (chiếm 0,8% kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước), năm 1995, con số này đạt 691,6 triệu USD, (tăng 18,34 lần so với năm 1991 và chiếm 5% kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước). Năm 2000, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh và đạt 2.957,2 triệu USD (tăng 91,7% so với năm 1999 và chiếm 10% kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước) và năm 2001 đạt 3.047,9 triệu USD (tăng 3% so với năm 2000, chiếm 9,8% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước).

Đặc biệt, trong giai đoạn này, giá trị hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới đất liền chiếm trên 70% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của hai nước.

Nhìn chung, hơn 10 năm qua, cả Việt Nam và Trung Quốc đều đạt được những thành tựu đáng khích lệ trong quan hệ thương mại. Với giá trị hàng hoá trao đổi khá lớn, chủng loại mặt hàng trao đổi phong phú, đa dạng, hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới Việt - Trung đã giúp cho hai nước có thể bổ xung và hỗ trợ cho nhau cùng phát triển kinh tế trên cơ sở của nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai nước chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của mỗi nước.

### ***1.2 - Về cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu:***

Hàng hoá xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc trong những năm vừa qua là rất phong phú, đa dạng với nhiều chủng loại khác nhau. Các sản phẩm đưa ra trao đổi bao gồm: hàng nông - lâm - thuỷ sản, các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, hàng nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất đến các sản phẩm cao cấp như máy móc thiết bị...

#### ***\* Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc :***

Thời kỳ 1991- 1995: Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu là các mặt hàng nguyên, nhiên liệu và nông sản dưới dạng thô. Cao su, hạt điều, dầu thô... là những mặt hàng có trị giá xuất khẩu lớn và chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc.

Đặc biệt, thời kỳ này nhiều sản phẩm quý hiếm của Việt Nam như : Đồng, niken, thiếc, nhôm, vàng bạc, đá quý, một số động vật quý hiếm... đã theo đường buôn lậu sang Trung Quốc, gây nhiều thiệt hại cho người xuất khẩu.

Thời kỳ 1996- 2001: Tính chung trong thời kỳ 1996 - 2001, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 5.104,1 triệu USD (tăng 5,6 lần so với thời kỳ 1991-1995, với nhịp độ tăng bình quân là 43,55%/năm). Hơn 100 nhóm hàng và mặt hàng khác nhau của Việt Nam đã được xuất khẩu sang Trung Quốc, trong đó nhóm hàng nguyên, nhiên liệu (gồm dầu thô, than đá, cao su...) chiếm 44,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc ; nhóm hàng nông sản chiếm 14%; nhóm hàng thủy sản chiếm 11%; nhóm hàng tiêu dùng chiếm 29,4%.

## Một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc

(Giai đoạn 1992- 2001)

Đơn vị tính: Triệu USD

Tên hàng	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
Hạt điều	3,48	16,88		1,20	1,13	87,21	58,60	54,47	53,29	26,72
Hải sản	2,93	8,29		12,00	0,09	32,81	51,54	51,65	222,97	205,63
Cà phê	1,70	0,11		10,00	27,31	3,55	2,02	3,68	3,06	2,06
Chè	0,80	0,30			0,19			010	0,31	0,83
Dừa quả	1,67	1,15								
Cao su	72,63	41,87	10,75	14,78	60,10	92,38	64,82	51,83	66,39	40,69
Gỗ xẻ	0,31	0,33								6,37
Quặng	1,72	0,63								
Than	0,99	0,87	5,77		28,69	19,11	5,22	3,61	7,86	9,44
Dầu dừa	7,95	2,09								
Dầu thô		31,72	7,60	106,42	16,67	87,77	86,71	331,66	749,02	541,66
Rau quả					5,09	24,84	10,45	35,68	120,35	127,41
Gạo					24,05	3,17	0,33	5,51	0,49	0,49
Hạt tiêu								5,0	11,60	7,88
Lạc nhân								0,20	3,50	
LK MT									3,50	5,76
Dệt may					0,12	2,59	0,63	0,57	2,61	13,50
Giày dép							1,89	2,14	3,24	4,44
Thủ công										2,98
Đường										22,46
SP nhựa										4,25
Hàng hoá khác	1,42	31,56								
<b>Cộng</b>	<b>95,60</b>	<b>135,80</b>	<b>295,70</b>	<b>361,90</b>	<b>340,2</b>	<b>474,1</b>	<b>478,9</b>	<b>858,9</b>	<b>1.534,0</b>	<b>1.418,0</b>

*Nguồn : Tổng cục Hải quan*

Nhìn chung, cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc thời kỳ này đã có những thay đổi đáng kể so với thời kỳ 1991 - 1995. Tỷ trọng hàng hoá đã qua chế biến và hàng công nghiệp tiêu dùng tăng cao (mặc dù giá trị đạt được vẫn ở mức thấp), nhiều mặt hàng của Việt Nam đã khẳng định được thị

phần và sức cạnh tranh của mình trên thị trường Trung Quốc như: Hải sản, giày dép, dệt may, một số sản phẩm công nghệ ...

***\* Cơ cấu hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam:***

Thời kỳ 1991-1995: Để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng biên giới và phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trong nước, Việt Nam đã nhập khẩu một số lượng lớn hàng hoá từ Trung Quốc. Những mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam thời kỳ này là : Thuốc bắc, bông, vải sợi, hàng dệt kim và quần áo may sẵn, pin các loại, thuốc lá, xà phòng giặt, nước giải khát, dầu thực vật, đường sữa, đồ dùng gia đình, xe đạp, giấy...

Thời kỳ 1996-2001: Đây là thời kỳ mà kim ngạch nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng tương đối ổn định. Hàng hoá Trung Quốc xuất sang Việt Nam rất phong phú và đa dạng (có đến 200 nhóm và mặt hàng, gấp đôi số nhóm và mặt hàng Việt Nam xuất sang Trung Quốc).

Trong các mặt hàng và nhóm hàng nhập khẩu nêu trên, hàng hoá là máy móc thiết bị chiếm 27,95%, nguyên liệu chiếm 19,7%; hàng tiêu dùng chiếm 47%... Những nhóm hàng có khối lượng nhập lớn trong thời kỳ này là: Máy móc nông nghiệp và chế biến nông lâm sản, thiết bị sản xuất xi măng lò đứng, máy móc cho ngành dệt, thiết bị sản xuất phân bón và các loại máy phát điện cỡ nhỏ...

**2 - Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam tại một số cửa khẩu biên giới phía Bắc giai đoạn 1991- 2001:**

***2.1 - Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ của 6 tỉnh biên giới phía Bắc.***

Trước những năm 90, các tỉnh biên giới phía Bắc là vùng kinh tế chậm phát triển, nhiều nơi đồng bào các dân tộc còn sống du canh, du cư. Từ khi hai nước Việt Nam - Trung Quốc thực hiện chính sách mở cửa biên giới, hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá qua biên giới giữa hai nước, đặc biệt là của cư dân dọc hai bên biên diễn ra sôi động. Thông qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới đường bộ với Trung Quốc, kinh tế của các tỉnh này đã có sự biến đổi mạnh mẽ (đang từ tình trạng sản xuất tự cấp, tự túc, thiếu đói lương thực nhiều năm, đã chuyển hướng sang sản xuất hàng hoá, phát triển mạnh các hoạt động thương mại và dịch vụ).

Đến nay, một số cửa khẩu thuộc các tỉnh biên giới phía Bắc đã trở thành các trung tâm lớn về trao đổi hàng hoá với Trung Quốc, thu hút hơn 500 doanh nghiệp trong cả nước tham gia. Việc gia tăng nhanh số lượng các chủ thể tham gia xuất



nhập khẩu tại các cửa khẩu biên giới đã đưa kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của các tỉnh này tăng đều hàng năm.

\* Về kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá:

- Thời kỳ 1991- 1995:

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 6 tỉnh với Trung Quốc đạt 592,52 triệu USD (Trong đó xuất khẩu đạt 418,09 triệu USD, nhập khẩu đạt 174,45 triệu USD).

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trực tiếp của các doanh nghiệp địa phương đạt 24,84 triệu USD (Trong đó xuất khẩu đạt 10,55 triệu USD, nhập khẩu đạt 14,20 triệu USD).

- Thời kỳ 1996 - 2000:

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 6 tỉnh với Trung Quốc đạt 3.794 triệu USD (trong đó xuất khẩu: 2.121,2 triệu USD, nhập khẩu: 1.472,8 triệu USD).

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trực tiếp của các doanh nghiệp địa phương đạt 958,94 triệu USD, trong đó xuất khẩu: 499,55 triệu USD

- Xuất nhập khẩu tiểu ngạch của 6 tỉnh trong 10 năm qua đạt 1.690,6 triệu USD, chiếm 38% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu.

Đặc biệt, trao đổi hàng hoá qua biên giới đất liền với Trung Quốc chiếm vị trí hết sức quan trọng trong quan hệ thương mại giữa các tỉnh biên giới phía Bắc và các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam (Trung Quốc).

#### **Kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới đường bộ của 6 tỉnh biên giới phía Bắc thời kỳ 1995 - 2000**

Đơn vị tính: Triệu USD

<b>Năm</b>	<b>Tổng K N XNK</b>	<b>Lạng sơn</b>	<b>Quảng Ninh</b>	<b>Lào Cai</b>	<b>Hà Giang</b>	<b>Cao Bằng</b>	<b>Lai Châu</b>
1995	103,17	66,49	—	29,30	3,65	3,16	0,50
1996	609,94	318,00	233,95	41,11	1,71	14,41	0,73
1997	651,66	333,00	242,11	58,83	1,38	8,70	0,45
1998	551,55	319,00	151,12	54,34	0,91	15,80	0,31
1999	504,23	289,00	129,17	56,00	0,41	17,35	0,30
2000	1.013,79	700,00	170,34	105,70	7,02	19,50	0,65
<b>T/cộng</b>	<b>3.434,34</b>	<b>1.692,94</b>	<b>926,69</b>	<b>345,28</b>	<b>15,08</b>	<b>78,92</b>	<b>2,94</b>

*Nguồn: Dự án điều tra, đánh giá thực trạng thương mại và thị trường miền núi sau 10 năm đổi mới 1991 - 2000.*

Số liệu trên cho thấy, hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới đất liền của 6 tỉnh phía Bắc chiếm 82% kim ngạch xuất nhập khẩu của các tỉnh này. Trong đó, phần lớn hàng hoá được xuất, nhập khẩu qua các cửa khẩu thuộc tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh và Lào Cai.

***\*Về cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu:***

+ Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu :

Hàng hoá của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc qua biên giới trên bộ tại 6 tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 1991 - 2001 chủ yếu là: Hàng nông - lâm - thủy sản, khoáng sản, hàng công nghệ phẩm như: Dầu dừa công nghiệp, cà phê, cao su, rau hoa quả, hạt điều, cá (ướp đá, muối), mực, tôm, than, các loại quặng kim loại, xà phòng, chất tẩy rửa, mỹ phẩm, hàng dệt may, giày dép , điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ, bánh kẹo các loại...

Trong các mặt hàng kể trên, những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu được kể đến là lạc nhân, hạt điều, hàng hoa quả, hàng hải sản, hạt tiêu... Đặc biệt, qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc, Việt Nam đã xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc một khối lượng lớn động, thực vật tươi sống hoặc đã qua sơ chế. Theo báo cáo của cơ quan kiểm dịch động, thực vật tại các cửa khẩu ở khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn, chỉ tính riêng năm 2000, tổng khối lượng động, thực vật xuất khẩu qua biên giới trên bộ sang Trung Quốc là 259.564 tấn (trong đó: Cua nuôi sống 291 tấn, ba ba 829 tấn, cá khô 15.803 tấn, cá mực 27.277 tấn...)

+ Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu:

Trong quá trình trao đổi hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc, các nhóm mặt hàng chủ yếu được nhập khẩu là:

- Hoá dược: Dược liệu và dược phẩm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thuốc trừ sâu...

- Nhóm máy móc thiết bị và thiết bị toàn bộ: Máy bơm, máy nông nghiệp, dây chuyền sản xuất đường, dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng...

- Nhóm nguyên liệu: Sản phẩm dầu mỏ, sắt thép...

- Nhóm lương thực thực phẩm: Bột mỳ, hoa quả, dầu thực vật...

- Nhóm hàng tiêu dùng: Đồ điện, điện tử, đồ dùng gia đình...

Trong nhóm hàng nói trên, những mặt hàng nhập khẩu có giá trị lớn là: thuốc trừ sâu, máy móc thiết bị, dụng cụ gia đình, hoá chất và linh kiện xe gắn máy...

Đặc biệt, hàng hoá nhập khẩu qua biên giới trên bộ thuộc 6 tỉnh biên giới phía Bắc theo đường tiểu ngạch chủ yếu là hàng công nghiệp tiêu dùng như: xe đạp và phụ tùng, đồ điện, điện tử, quần áo may sẵn, vải, đồ chơi trẻ em, văn phòng phẩm, hoa quả, thực phẩm... Các hàng hoá này thường có chất lượng thấp, giá rẻ do nhập lậu và trốn thuế. Hiện tượng này đang gây nhiều tác động xấu đến sản xuất trong nước, thậm chí có nhiều doanh nghiệp phải chuyển hướng sản xuất hoặc ngừng hoạt động.

## ***2.2 - Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ của Việt Nam tại một số cửa khẩu biên giới phía Bắc:***

### ***\* Xuất nhập khẩu hàng hoá qua các cửa khẩu biên giới tỉnh Lạng Sơn:***

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi biên giới phía Bắc của Việt Nam, có đường biên giới với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) dài 253 km. So với các tỉnh miền núi khác, Lạng Sơn có hệ thống giao thông khá thuận lợi, có cả đường sắt và đường bộ nối liền với các tỉnh như Thái Nguyên, Cao Bằng, Móng Cái... nên hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới của tỉnh Lạng Sơn phần lớn là qua đất liền. Mặt khác, Lạng Sơn còn có hai cửa khẩu quốc tế, hai cửa khẩu quốc gia và 8 cặp chợ đường biên.

Với vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng thuận lợi, Lạng Sơn đã nhanh chóng trở thành trung tâm thương mại lớn của cả nước ở thị trường khu vực biên giới và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua cửa khẩu biên giới trên bộ tỉnh Lạng Sơn ngày càng sôi động, nhộn nhịp.

Theo báo cáo của Sở Thương mại - Du lịch Lạng Sơn, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ của tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 1996 - 2000 đạt 1.959 triệu USD (trong đó, xuất khẩu: 1.252 triệu USD, nhập khẩu: 717 triệu USD), kim ngạch xuất nhập khẩu chính ngạch đạt 1.671 triệu USD, kim ngạch xuất nhập khẩu tiểu ngạch đạt 375 triệu USD, các doanh nghiệp Lạng Sơn trực tiếp xuất nhập khẩu đạt 745 triệu USD.

Lực lượng tham gia hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá không chỉ có dân cư và các doanh nghiệp trong tỉnh mà còn có các thành phần kinh tế

khác trong và ngoài nước tham gia. Tính đến nay, đã có hơn 300 doanh nghiệp tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn này.

Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, hoạt động xuất nhập khẩu với Trung Quốc chủ yếu diễn ra tại các cửa khẩu Đồng Đăng, Hữu Nghị, Tân Thanh...

Từ khi thực hiện các chính sách ưu đãi về đầu tư và phát triển thương mại theo Quyết định số 748/TTg và Quyết định 53/TTg của Thủ tướng Chính phủ, kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu này tăng nhanh đạt 1.789 triệu USD trong 3 năm 1998 - 2001 (tăng bình quân 28,7%/năm), trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 1.196 triệu USD (tăng bình quân 38,4%/năm), kim ngạch nhập khẩu đạt 593,6 triệu USD (tăng bình quân 14,7%/năm).

Hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc qua các cửa khẩu thuộc tỉnh Lạng Sơn phần lớn là: cao su, hạt điều, dầu dừa, hoa hồi, gạo, gỗ, chuối tiêu, hải sản, khoáng sản, giày dép, xà phòng, bánh kẹo, đồ thủ công mỹ nghệ và các hàng nông lâm sản khác.

Đối với hàng hoá nhập khẩu: Trừ một số mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu theo đường tiểu ngạch, còn lại 90% lượng hàng Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc là nguyên liệu, vật tư, máy móc và thiết bị phục vụ cho các ngành sản xuất trong nước.

Một điểm đáng quan tâm là nạn buôn lậu qua các cửa khẩu biên giới đường bộ của tỉnh Lạng Sơn ngày một gia tăng và có diễn biến phức tạp. Gian thương thường nhập lậu các mặt hàng có thuế suất cao như: vải, xe đạp, hàng điện tử... Những mặt hàng này được tập trung ở hai bên cửa khẩu, các đường mòn biên giới, dùng cừ vạo khuân vác suốt ngày đêm với khối lượng lớn.

Ngoài tuyến đường bộ, một trong những kênh vận chuyển hàng lậu, hàng gian lận thương mại, bọn buôn lậu còn sử dụng cả đường sắt.

***\* Xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ tỉnh Quảng Ninh:***

Quảng Ninh nằm ở phía Đông Bắc Tổ quốc tiếp giáp với nước CHND Trung Hoa, có đường biên giới đất liền dài 132,8 km, trên biển dài 200 km. Từ xa xưa, Quảng Ninh đã là đầu mối giao dịch, buôn bán và thông thương hàng hoá với thị trường trong nước và nước ngoài, đặc biệt là với Trung Quốc. Đây là tỉnh có nhiều lợi thế cho phát triển công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu, du lịch, thương mại để trở thành vùng kinh tế tổng hợp năng động và giàu có.

Ngày nay, với chính sách mở cửa biên giới, quan hệ buôn bán giữa Việt Nam với Trung Quốc qua các cửa khẩu Móng Cái và Hoành Mô (tỉnh Quảng ninh) đã và đang phát triển mạnh mẽ.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá với Trung Quốc của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 1991- 1995 đạt 419,31 triệu USD (trong đó xuất khẩu đạt 295 triệu USD, nhập khẩu đạt 124,31 triệu USD).

Từ năm 1996 đến nay, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá qua cửa khẩu biên giới của tỉnh Quảng Ninh tăng mạnh, đạt 1.283,82 triệu USD (tăng gấp 3 lần so với thời kỳ 1991- 1995 và chiếm 41% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 6 tỉnh biên giới phía Bắc). Trong số đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 782 triệu USD (tăng 2,47 lần so với thời kỳ trước và chiếm 42% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 6 tỉnh biên giới phía Bắc), kim ngạch nhập khẩu đạt 501,82 triệu USD (tăng 4 lần so với thời kỳ trước đó và chiếm 40% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 6 tỉnh biên giới phía Bắc).

Kim ngạch xuất nhập khẩu chính ngạch thời kỳ 1996 - 1999 đạt 1.663 triệu USD (trong đó xuất khẩu đạt 871 triệu USD, nhập khẩu đạt 792 triệu USD), kim ngạch xuất nhập khẩu tiểu ngạch đạt 1.250,3 triệu USD (trong đó xuất khẩu đạt 346,5 triệu USD, nhập khẩu đạt 903,8 triệu USD).

Quảng Ninh với vị trí và nhiều lợi thế phát triển thương mại hàng hoá (vừa có cửa khẩu quốc tế, vừa có biển tiếp cận trực tiếp với khu vực ven biển của Trung Quốc, một khu vực đang phát triển sôi động), nên hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới của tỉnh luôn đạt giá trị cao so với một số tỉnh biên giới khác (chiếm 50% tổng kim ngạch của 6 tỉnh biên giới phía Bắc).

Đặc biệt, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới đất liền của Quảng Ninh đóng vai trò quan trọng trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới của tỉnh, đạt 926,69 triệu USD trong 5 năm (1996 - 2000), chiếm 72% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của tỉnh trong thời kỳ đó

Trong các cửa khẩu của tỉnh Quảng Ninh thì Móng Cái là cửa khẩu quan trọng nhất. Tại đây, hàng hoá được trao đổi với khối lượng lớn và chủng loại phong phú, từ các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho đến những hàng hoá, vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

Từ khi có quyết định số 675- TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/9/1996, về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại khu vực cửa khẩu Móng cái, hoạt động thương mại hàng hoá tại cửa khẩu Móng Cái phát triển mạnh. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá qua cửa khẩu này giai đoạn 1996 -2000 đạt 1.491,103 triệu USD (tăng bình quân 27%/năm). Trong đó xuất khẩu đạt 1.093,515 triệu USD (tăng bình quân 34%/năm), nhập khẩu đạt 379,588 triệu USD (tăng 6%/năm).

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, kết quả thực hiện Quyết định số 53/2001/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới , các khu kinh tế cửa khẩu của Quảng Ninh đã có bước phát triển quan trọng. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua các cửa khẩu từ năm 1998 - 2002 đạt 976 triệu USD, trong đó xuất khẩu đạt 840 triệu USD, nhập khẩu đạt 136 triệu USD.

Các mặt hàng xuất khẩu qua biên giới trên bộ của tỉnh thời kỳ này chủ yếu là: Cao su nguyên liệu, giấy vàng mã, tùng hương, hải sản các loại, chè đen, hàng may mặc...

Các mặt hàng nhập khẩu bao gồm: Tủ lạnh, điều hoà nhiệt độ, thép cuộn, kính xây dựng, thuốc nhuộm, lốp xe tải, gỗ dăm ép phủ nhựa, vỏ máy xương, bột màu, hạt nhựa, bột đá, bình xịt muối...

Hàng tạm nhập tái xuất : Tân dược, sữa bột, dầu cọ, dầu sữa đậu nành.

Hàng qua kho ngoại quan: ô tô, thuốc lá, rượu, tân dược, cao su, túi ví, lông cừu, lốp xe, giày , cavát, quần áo, máy rửa xe, bột mỳ...

***\* Xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ của tỉnh Lào Cai:***

Lào Cai là một tỉnh vùng cao có đường biên giới với Trung Quốc dài 203 km (trong đó có 144 km đường biên giới là sông, suối, 59 km đường biên giới đất liền) qua địa phận 26 xã, phường thuộc 5 huyện, thị xã.

Với lợi thế của tỉnh có cửa khẩu quốc tế và có các cửa khẩu quốc gia cùng các lối mở khác, thông thương với thị trường rộng lớn phía Tây Nam của Trung Quốc nên kim ngạch xuất nhập khẩu liên tục tăng qua các năm.

**Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ của tỉnh Lào Cai (Thời kỳ 1991- 2000)**

Đơn vị tính: Triệu USD

Chỉ tiêu	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
KN XNK	9,4	7,8	14,1	29,2	41,7	58,8	53,6	56,0	105,7	161,9
KN XK	5,2	1,1	2,3	6,3	13,7	8,8	9,68	11,0	23,0	70,1
KNXK	4,2	6,7	11,8	22,9	28,0	50,0	44,0	45,0	82,7	91,8
KN XNK của DN địa phương	2,1	1,1	1,5	6,1	11,3	10,0	8,9	10,8	8,5	—
KN XK	1,5	0,5	0,5	2,2	2,8	3,6	5,1	7,2	8,5	—
KN XK	0,6	0,7	1,0	3,9	8,5	6,4	3,8	3,6	4,5	—

*Nguồn : Báo cáo tại Hội thảo về Hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam - Vân Nam Trung Quốc ngày 16-17/10/2002.*

Qua số liệu thống kê trên ta thấy, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá qua cửa khẩu Lào Cai tăng nhanh. Năm 1996, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 41,7 triệu USD, năm 1997 đạt 58,8 triệu USD (tăng 41% so với năm 1996). Năm 2001, con số này đạt 161,9 triệu USD (tăng 17,22 lần so với năm 1992).

Trong kim ngạch xuất khẩu qua cửa khẩu Lào Cai, kim ngạch xuất khẩu chính ngạch chiếm tỷ trọng tương đối cao (trên 90%), kim ngạch xuất khẩu tiểu ngạch chiếm tỷ trọng thấp (khoảng 5%).

Ngày 26/5/98, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 100/1998/QĐ- TTg cho phép " áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới tỉnh Lào Cai". Đây là một quyết định có ý nghĩa quan trọng, tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực cửa khẩu biên giới tỉnh Lào Cai.

Thực hiện Quyết định nói trên, năm 1999 đã có 172 doanh nghiệp tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá qua cửa khẩu biên giới tỉnh Lào Cai với kim ngạch đạt 1.416,7 tỷ đồng trong 2 năm 1998 - 1999 (trong đó xuất khẩu đạt 192,60 tỷ đồng, nhập khẩu đạt 1.224,10 tỷ đồng, giá trị nhập siêu 1.031,50 tỷ đồng).

Sau 3 năm thực hiện thí điểm và đạt hiệu quả cao, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức cho Lào Cai áp dụng các chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu biên giới theo Quyết định số 53/ 2001/QĐ - TTg. Theo số liệu của Sở thương mại - du

lịch tỉnh Lào Cai, tính đến hết tháng 10/2002, số doanh nghiệp tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ tỉnh Lào Cai là 400 doanh nghiệp với doanh thu là 186,0 triệu USD (trong đó xuất khẩu đạt 76 triệu USD, nhập khẩu đạt 110 triệu USD).

Các mặt hàng xuất khẩu qua cửa khẩu Lào Cai chủ yếu là : Quặng các loại, bàn ghế nhựa, cao su nguyên liệu, cà phê, bánh kẹo, bột giặt, thảo quả, hoa quả tươi và qua sơ chế biến, thủy hải sản, nông lâm sản và một số hàng hoá tiêu dùng khác.

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: Máy móc thiết bị và nguyên vật liệu để phục vụ cho sản xuất như kính xây dựng, hoá chất, kim loại màu, thạch cao, phân bón, lá thuốc lá, các loại giống cây trồng cho năng suất, sản lượng cao, chất lượng tốt như lúa, ngô, đậu tương, giống cây ăn quả...

### **III - ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ VÀ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC BIÊN GIỚI**

#### **1- Ảnh hưởng của hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam**

- Sự tăng trưởng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động thương mại của Việt Nam.

Nếu như năm 1991, kim ngạch xuất nhập khẩu với Trung Quốc mới đóng góp 0,85% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam thì đến năm 2001 con số này đã tăng tới 9,8 % ( trong đó xuất khẩu là 10,6% và nhập khẩu là 8,13%), tương ứng với 4,8% GDP của cả nước.

- Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt - Trung cũng đã góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của các tầng lớp dân cư hai nước. Nhiều mặt hàng nông lâm sản và công nghiệp của Việt Nam khó xuất sang các thị trường khác nay đã có thị trường tiêu thụ khá ổn định: Than đá, dầu thô, quặng sắt, dược liệu, cao su, sản lát, hoa quả, thủy sản, giày dép, xà phòng...

Các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cư dân trong nước mà còn đáp ứng được nhu cầu về nguyên liệu, phụ liệu



của nhiều ngành sản xuất ở Việt Nam như : Xi măng, đường, dệt may, giống cây trồng, phân bón, thuốc trừ sâu, hoá chất...

- Nhờ hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới đất liền với Trung Quốc, giao lưu hàng hoá giữa các vùng, các miền, các tỉnh được mở rộng và phát triển. Thông qua đó, cơ cấu kinh tế của cả nước bắt đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá, thúc đẩy quá trình phân công lại lao động xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam, khôi phục và tạo thêm nhiều ngành nghề mới, góp phần giải quyết việc làm cho một số lượng lớn lao động ở khắp các miền của đất nước.

- Sự phát triển quan hệ thương mại Việt - Trung đã tạo môi trường và điều kiện để phát triển ngành du lịch Việt Nam.

Nhờ doanh thu du lịch và dịch vụ du lịch liên tục tăng trong những năm qua nên cơ sở vật chất của ngành này cũng được cải thiện rõ rệt. Hệ thống nhà nghỉ, khách sạn đã được cải tạo, nâng cấp cùng với các hình thức du lịch hấp dẫn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách nên lượng khách du lịch vào Việt Nam tăng lên rất nhanh.

- Sự gia tăng quan hệ trao đổi hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc đã tạo lập cơ sở quan trọng trong việc cải thiện và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng. Đặc biệt, mạng lưới đường bộ, đường sắt, cầu cống... được cải tạo, nâng cấp (quốc lộ 18, 4A, 1A, quốc lộ 3, quốc lộ 70, đường sắt Hà nội - Lào Cai, Hà nội - Đồng Đăng, vành đai giao thông dọc biên giới...), một số cầu ở Lào cai, Hà giang, Quảng ninh, Lai châu... được gia cố và xây mới, cơ sở hạ tầng của ngành bưu chính viễn thông được đầu tư phát triển cả chiều rộng lẫn bề sâu, hình thành và xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu, hệ thống chợ biên giới, các cửa hàng miễn thuế, kho ngoại quan và các dịch vụ kèm theo...

**2- Ảnh hưởng của hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới.**

### ***2.1- Ảnh hưởng về mặt chính trị:***

Phát triển quan hệ thương mại nói chung và thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc nói riêng là cơ sở để gắn kết quan hệ chính trị và các quan hệ khác giữa hai quốc gia. Thương mại giữa hai nước phát

triển chứng tỏ sự ổn định về quan hệ chính trị và phát triển về các quan hệ kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học kỹ thuật, phát triển con người giữa hai quốc gia.

Trước những thay đổi hiện nay của tình hình kinh tế thế giới, tăng cường đoàn kết và giao lưu về kinh tế - văn hoá (thông qua thương mại hàng hoá qua biên giới) sẽ là cơ sở để Việt Nam và Trung Quốc có thể hỗ trợ cho nhau trong việc đảm bảo ổn định, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, tránh những bất lợi và những ảnh hưởng bởi các mặt trái của tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

## **2.2 - Ảnh hưởng về kinh tế :**

Sau khi mở cửa biên giới Việt - Trung, bộ mặt kinh tế của vùng núi phía Bắc nước ta, trên nhiều khía cạnh và bình diện khác nhau đã có những thay đổi đáng kể, đặc biệt là ở 6 tỉnh có cửa khẩu biên giới với Trung Quốc .

**- Xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc có ảnh hưởng lớn đến GDP của các tỉnh biên giới và toàn khu vực.**

Năm 1990, GDP của các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc đạt 1350,8 tỉ đồng ( giá 1989), năm 1991 đạt 1357,8 tỉ đồng ( tăng 0,51% so với 1990), năm 1992 đạt 1427 tỉ đồng ( giá 1989), tăng 5,09% so với 1991. Liên tục trong những năm tiếp theo, mức thu đạt khá cao. Năm 1995 con số này đạt 6.044 tỉ đồng (giá so sánh 1994), năm 1998 là 7945,4 tỉ đồng, năm 2000 đạt 9379,1 tỉ đồng (gấp 1,6 lần, tăng 55,2% so với năm 1995).

### **Giá trị và cơ cấu GDP 6 tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 1997 - 2000**

Đơn vị : Tỷ đồng

	<b>1997</b>	<b>1998</b>	<b>1999</b>	<b>2000</b>
Tổng GDP khu vực biên giới	6044	7945,4	8620,1	9379,1
Trong đó:				
Nông lâm nghiệp và thuỷ sản	2505,4	2932	3099,4	3196,5
Tỷ trọng ( %)	41,5	36,9	35,9	34,1
Công nghiệp và xây dựng	1365,1	2020,8	2373,5	2722,4
Tỷ trọng ( %)	22,5	25,4	27,5	29,0
Dịch vụ	2173,5	2992,6	3155,2	3460,2
Tỷ trọng ( %)	36,0	37,7	36,6	36,9

*Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam*

***- Xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc góp phần làm thay đổi cơ cấu ngành kinh tế của các tỉnh biên giới.***

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc đã góp phần tạo nên những biến đổi lớn về cơ cấu kinh tế của các tỉnh biên giới cũng như trên toàn khu vực.

Lĩnh vực dịch vụ (thương mại, giao thông vận tải, bưu điện...) có tốc độ tăng trưởng tương đối cao (do có nhu cầu lớn) và vị trí của chúng đã thay đổi từ 12,5% (năm 1990) tăng lên 36,9% (năm 2000). Tỷ trọng của ngành nông- lâm nghiệp trong cơ cấu tổng sản phẩm giảm từ 52,8% năm 1990 còn 34,1% năm 2000, công nghiệp và xây dựng có tỷ trọng tăng nhanh trong những năm 1990- 1992. Giai đoạn 1995 - 2000, tỉ trọng ngành này trong tổng sản phẩm quốc nội có giảm chút ít, song xét về số tuyệt đối vẫn tăng dần qua các năm.

Đối với các tỉnh có cửa khẩu biên giới như: Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai, Lai Châu, Cao Bằng, Hà Giang, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh hơn các tỉnh khác. Xu hướng chung là chuyển dịch từ mô hình: nông, lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ sang mô hình mới: Dịch vụ - nông lâm nghiệp - công nghiệp (trong đó thương mại - dịch vụ được chú trọng khai thác nhiều hơn). Đây chắc chắn sẽ là xu hướng chung cho cả vùng biên giới phía Bắc nước ta trong những năm tới.

***- Thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc có đóng góp không nhỏ vào việc làm thay đổi cơ cấu thành phần kinh tế tại các tỉnh biên giới.***

Mở cửa biên giới, phát triển hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc, cùng với quá trình đổi mới ở bên trong là những điều kiện tiên đề quan trọng thúc đẩy sự phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế dân doanh tại các tỉnh biên giới phía Bắc.

Theo số liệu điều tra tại thời điểm 31 tháng 12 hàng năm, số cơ sở công nghiệp ngoài quốc doanh tăng dần qua các năm và chiếm tỉ trọng cao gần tuyệt đối trong tổng số các cơ sở công nghiệp do địa phương quản lý ( từ 16.533 cơ sở năm 1995 tăng lên 24.533 cơ sở vào năm 2001).Tỉ lệ về giá trị sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh năm 1990 là 1: 1,05; năm 1992 là 1: 1,09; năm 1995 là 1: 1,2; năm 1998 là 1: 0,7; năm 2001 là 1: 0,9.

Những thay đổi về cơ cấu thành phần kinh tế dưới tác động của thương mại biên giới đã thu hút số lao động ngày một tăng trong lĩnh vực thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch và dịch vụ : Năm 1991 so với năm 1990 tăng 37,4%; năm 1992 so với năm 1991 tăng 12,4%; năm 2001 so với năm 1998 tăng 32%.

***- Phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc đã góp phần không nhỏ vào việc tăng thu ngân sách cho các địa phương, cho khu vực thị trường biên giới phía Bắc và cho cả nước.***

Sau khi mở cửa biên giới với Trung Quốc, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá phát triển mạnh đã có tác động làm tăng thu ngân sách của các tỉnh biên giới. Một số tỉnh đã tự cân đối được ngân sách.

### **Thu ngân sách của các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 1992- 2000**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	1992	1993	1994	1995	1997	1998	1999	2000
Hà Giang	11,8	17,2	19,8	27,0	60,7	43,8	30,9	32,9
Cao Bằng	14,4	23,4	25,2	34,0	59,8	61,6	39,6	47,2
Lào Cai	31,4	45,5	51,2	82,6	113,1	89,2	66,5	119,8
Lạng Sơn	39,7	94,0	111,7	122,6	310,0	155,2	236,0	392,6
Quảng Ninh	203,0	407,4	419,4	300,0	1.703,4	1.938,4	1.830,8	1.710,4
Lai Châu	81,2	117,4	177,0	43,3	61,3	36,5	31,7	30,7

*Nguồn : Tổng hợp từ Báo cáo của các tỉnh biên giới phía Bắc*

Trong tổng số thu ngân sách hàng năm của các tỉnh biên giới, tỷ trọng của thuế xuất nhập khẩu là khá cao ( chiếm bình quân 46,8%). Năm 1991, thuế xuất nhập khẩu thu được tại 6 tỉnh biên giới phía Bắc đạt 9,25 tỷ đồng. Các con số tương ứng năm 1992 là 26,73 tỷ đồng ; năm 1993 là 38,21 tỷ đồng, năm 1994 là 191,7 tỷ đồng. Đặc biệt, năm 1995, con số này đạt 318,05 tỷ đồng; năm 1996 là 365,76 tỷ đồng.

Nhờ nguồn thu ngân sách tăng nhanh, phân chi ngân sách cho xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hoá, y tế, giáo dục của các tỉnh biên giới phía Bắc cũng tăng nhanh, góp phần cải thiện đáng kể bộ mặt kinh tế - xã hội của khu vực này.

***- Phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc vào Việt Nam tăng nhanh cả về số dự án lẫn tổng lượng vốn đầu tư.***

Tính đến tháng 12 năm 2001, Trung Quốc đã đầu tư vào Việt Nam tổng cộng là 110 dự án với tổng số vốn đăng ký là 221 triệu USD. Các dự án đầu tư của Trung Quốc đã có mặt ở 30 tỉnh, thành phố của Việt Nam, trong đó 50,1% vốn

đăng ký tập trung tại 4 địa phương lớn là: Hà Nội (có 24 dự án, vốn đầu tư 33,5 triệu USD); Hải Phòng (có 8 dự án, vốn đầu tư 27,2 triệu USD); Nam Định (3 dự án, vốn đầu tư 14,1 triệu USD); thành phố Hồ Chí Minh (có 9 dự án, vốn đầu tư 14,1 triệu USD). Các dự án đầu tư của Trung Quốc tập trung vào các lĩnh vực như: Khách sạn, nhà hàng, sản xuất lắp ráp đồ điện dân dụng, sản xuất phụ tùng và lắp ráp xe máy, gia công gương kính, giày dép, chế biến sản phẩm lâm nghiệp, chế biến thực phẩm và rau quả, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất gạch men, gốm sứ vệ sinh, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng siêu thị (chợ sắt Hải Phòng)...

Mặt khác, qui mô đầu tư của các dự án ĐTNN từ Trung Quốc vào Việt Nam còn quá nhỏ bé, 60% các dự án có vốn đầu tư không quá 1 triệu USD, mức vốn bình quân chỉ đạt 2 triệu USD/dự án (thấp hơn nhiều so với mức bình quân 16,6 triệu USD trong các dự án ĐTNN tại Việt Nam). Nguyên nhân dẫn đến vốn đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam thấp (chỉ chiếm 3% tổng vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam) là do các doanh nghiệp lớn của Trung Quốc chưa thực sự coi trọng thị trường Việt Nam, chủ đầu tư Trung Quốc tại thị trường Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hơn thế, Trung Quốc và Việt Nam đều là những nước sản xuất hàng hoá xuất khẩu dựa trên lợi thế so sánh là giá công nhân rẻ, các lĩnh vực mà Trung Quốc mong muốn đầu tư thì cũng là những lĩnh vực mà Việt Nam có khả năng khai thác. Đây cũng là nguyên nhân dẫn tới việc các dự án đầu tư của Trung Quốc chủ yếu nhằm cung cấp hàng hoá tại chỗ, thay thế hàng nhập khẩu tại Việt Nam là chính, chưa có khả năng sản xuất sản phẩm để xuất khẩu sang nước thứ 3.

### ***2.3- Ảnh hưởng về mặt văn hoá, xã hội:***

***- Xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới của các tỉnh biên giới phía Bắc đã làm thay đổi rất lớn đến cơ sở hạ tầng của từng tỉnh, nhất là ở các cửa khẩu biên giới.***

Nhờ nguồn thu ngân sách tăng, việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục các tỉnh biên giới phía Bắc nhờ đó cũng được cải thiện, góp phần làm thay đổi đời sống về mọi mặt của nhân dân ở các tỉnh này. Hệ thống chợ được tu bổ, nâng cấp và xây dựng mới. Một số trung tâm kinh tế - xã hội có qui mô lớn quan trọng được hình thành như: Đồng Đăng (Lạng Sơn), Móng Cái (Quảng Ninh), Lào Cai (Lào Cai), Tà Lùng (Cao Bằng). Đây là những "điểm nút" qui tụ các kênh lưu thông hàng hoá trong vùng, là đầu mối giao lưu hàng hoá của các tỉnh trong nước với Trung Quốc và cũng là các trung tâm văn hoá - xã hội của vùng cửa khẩu biên giới.

***- Hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ tại các tỉnh biên giới phía Bắc góp phần làm tăng thu nhập của dân cư, làm giảm tỷ lệ đói nghèo trong phạm vi toàn khu vực.***

Thương mại hàng hoá qua các cửa khẩu biên giới Việt - Trung giai đoạn 1991 - 2001 đã góp phần giảm thấp tỷ lệ đói nghèo ở các tỉnh và khu vực biên giới. Đời sống vật chất của một bộ phận không nhỏ dân cư trong vùng được cải thiện rõ rệt do có việc làm ổn định và nguồn thu đều đặn, đời sống văn hoá, tinh thần cũng có nhiều chuyển biến. Năm 1995, GDP của 6 tỉnh biên giới phía Bắc đạt 6.044 tỷ đồng (bình quân 1,6 tỷ đồng/người), tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ đạt 2.996,2 tỷ đồng (bình quân 0,8 tỷ đồng/người), các con số tương ứng năm 2000 là 9.379,1 tỷ đồng và 8.403,6 tỷ đồng (bình quân 2,3 tỷ đồng/người và 1,6 tỷ đồng/người).

**Thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh biên giới phía Bắc  
giai đoạn 1994 - 1999**

Đơn vị : 1000 đồng( giá thực tế tính theo tháng)

	<b>1994</b>	<b>1995</b>	<b>1996</b>	<b>1999</b>
Cả nước	168,1	206,1	226,7	295,0
- Nhóm 20% số hộ có thu nhập thấp nhất	63,0	74,3	78,6	97,0
- Nhóm 20% số hộ có thu nhập cao nhất	408,5	519,6	574,7	863,3
*Chênh lệch giữa 2 nhóm ( lần)	6,5	7,0	7,3	8,9
Tây Bắc và Đông Bắc	132,4	160,7	173,8	210,0
- Nhóm 20% số hộ có thu nhập thấp nhất	57,6	69,4	73,2	78,1
- Nhóm 20% số hộ có thu nhập cao nhất	301,1	394,0	444,3	529,3
* Chênh lệch giữa 2 nhóm ( lần)	5,2	5,7	6,1	6,8

*Nguồn : Tổng hợp từ Báo cáo của các tỉnh biên giới phía Bắc*

***- Thông qua hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc, đời sống văn hoá, tinh thần của cư dân các tỉnh biên giới và các tỉnh khác ở nước ta được cải thiện một cách đáng kể.***

Phát triển hoạt động thương mại hàng hoá, tăng cường giao lưu kinh tế, văn hoá với Trung Quốc, Việt Nam có thêm cơ hội để nâng cao đời sống tinh thần của cư dân. Thông qua hoạt động thương mại hàng hoá, dân cư ở cả hai nước càng thêm hiểu biết hơn về truyền thống, về phong tục, tập quán của nhau và có cơ hội để tiếp nhận các tác phẩm văn hoá hiện đại để cùng nhau phát triển trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ngày càng sâu sắc.

## ***2.4 - Ảnh hưởng của thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung quốc đến vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái.***

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế hướng ngoại và tăng cường hợp tác với Trung Quốc, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ của Việt Nam với Trung Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Tuy nhiên, sự gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến ô nhiễm môi trường sinh thái (không chỉ ở các cửa khẩu mà là ở toàn khu vực biên giới cửa khẩu và các tỉnh thành phố khác trong cả nước).

Việc xuất khẩu một khối lượng lớn nguyên liệu thô hoặc sơ chế qua cửa khẩu biên giới đã tác động không nhỏ đến việc làm cạn kiệt tài nguyên của đất nước. Hoạt động xuất nhập khẩu tiểu ngạch qua biên giới đã làm cho nhiều động vật quý hiếm, nhiều sản phẩm mà Nhà nước cấm xuất khẩu đã trở thành hàng hoá để các nhà kinh doanh kiếm lời.

Hơn thế nữa, do Trung Quốc thay đổi chính sách một cách đột xuất nên hàng hoá của các doanh nghiệp Việt Nam được tập trung ở các cửa khẩu luôn bị ứ đọng, hư thối, giảm phẩm cấp gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sinh thái ở các cửa khẩu biên giới.

Mặt khác, nạn nhập lậu các sản phẩm mà Việt Nam cấm nhập như: Máy móc thiết bị đã qua sử dụng, đồ điện, điện tử nguyên chiếc, băng hình, đĩa CD - VCD, đồ chơi trẻ em... đã gây khó khăn rất lớn cho công tác quản lý hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới, làm ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, môi trường văn hoá - xã hội không chỉ ở khu vực các tỉnh biên giới mà trên phạm vi cả nước.

Ngoài những nguyên nhân nêu trên, hàng năm, lượng người tham gia hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ tại các cửa khẩu và đường mòn biên giới khá đông. Những sinh hoạt hàng ngày và những tệ nạn xã hội khác như: trộm cắp, cờ bạc, mại dâm...cũng làm cho môi trường nói chung ở khu vực biên giới trở thành vấn đề nhức nhối.

#### **IV - MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ GIỮA VIỆT NAM - TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ BÚC XÚC CẦN QUAN TÂM GIẢI QUYẾT:**

##### **1/ Đánh giá chung:**

- Hoạt động giao lưu kinh tế qua biên giới phía Bắc được khai thông và phát triển không chỉ làm phong phú, sống động hoạt động thương mại trên địa bàn các tỉnh miền núi, vùng cao biên giới mà còn tạo ra những điều kiện để các địa phương trong vùng khai thác và phát huy được thế mạnh và tiềm năng của mình, kết hợp nội lực với ngoại lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý hơn, thực hiện liên doanh, liên kết với các tỉnh, thành trong cả nước, dần dần tạo nên những khu kinh tế vùng biên có thế và lực để cạnh tranh trên thị trường. Nó không những thúc đẩy sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân các tỉnh biên giới phía Bắc, mà còn có tác dụng tích cực đối với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của cả nước.

- Hơn 10 năm qua, quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc liên tục tăng trưởng đã đưa hai nước trở thành bạn hàng lớn của nhau. Hiện nay, Trung Quốc là một trong mười bạn hàng lớn nhất của Việt Nam.

Thông qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt - Trung, Việt Nam đã xuất khẩu được một khối lượng lớn hàng nông thủy sản, rau quả nhiệt đới, các loại quặng kim loại, một số mặt hàng công nghệ đang khó khăn về thị trường tiêu thụ... góp phần ổn định đời sống của một bộ phận dân cư, đặc biệt là dân cư ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Cũng qua hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới đường bộ, một khối lượng lớn hàng hoá vật tư, thiết bị của Trung Quốc được nhập khẩu vào Việt Nam. Hoạt động này đã đóng góp một phần không nhỏ vào việc đáp ứng nhu cầu của phát triển sản xuất và tiêu dùng của dân cư Việt Nam .

- Phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc đã thu hút được số lượng lớn các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia, giải quyết được công ăn, việc làm cho nhiều người lao động tại các cửa khẩu biên giới, các tỉnh thuộc khu vực biên giới phía Bắc cũng như từ khắp mọi miền của đất nước.

- Việc trao đổi hàng hoá qua biên giới với Trung Quốc trong chừng mực nhất định đã tạo ra sức ép cạnh tranh đối với các nhà sản xuất của Việt Nam. Để các sản phẩm của Việt Nam có thể cạnh tranh được với hàng hoá Trung Quốc trên thị trường nội địa, các doanh nghiệp Việt Nam phải tăng cường đầu tư để cải tiến và đổi mới công nghệ, giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy,



trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã đứng vững trong cuộc cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất cùng loại sản phẩm của Trung Quốc như: Nhà máy sứ Hải Dương, Xí nghiệp điện cơ Thống Nhất, Công ty bánh kẹo Hải Hà, Xí nghiệp bóng đèn phích nước Rạng Đông...

## **2 - Những vấn đề bức xúc cần quan tâm giải quyết nhằm đẩy mạnh hơn nữa hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc:**

### ***2.1 - Về công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc trong quá trình tự do hoá thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế:***

Do chưa nhận thức được đầy đủ về vai trò, vị trí của việc giao lưu kinh tế, hợp tác với các nước láng giềng nên từ khi mở cửa biên giới đến nay, chúng ta chưa xác lập được một chiến lược tổng thể, rõ ràng, cho việc phát triển giao lưu kinh tế trên toàn tuyến biên giới. Mặt khác, công tác dự báo thị trường, tổ chức thu thập và xử lý thông tin chưa tốt, chưa trở thành một công cụ mạnh để chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh đúng hướng.

Từ năm 1991 đến nay, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, văn bản hướng dẫn hoạt động giao lưu và hợp tác kinh tế - thương mại qua biên giới với Trung Quốc. Tuy nhiên, nhiều văn bản, chính sách được ban hành và hướng dẫn thực hiện thiếu kịp thời, chưa đồng bộ; nhiều điểm chưa phù hợp, khi phát hiện bất hợp lý lại chậm bổ sung sửa đổi. Vì vậy, công tác quản lý Nhà nước về xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới Việt - Trung vẫn trong tình trạng phân tán, chia cắt theo cấp và ngành. Các Sở Thương mại lúng túng và thụ động khi cụ thể hoá nội dung và tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh, chưa bao quát được toàn bộ hoạt động thương mại của mọi thành phần kinh tế và chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng của Nhà nước và UBND các tỉnh biên giới trong việc chỉ đạo, tổ chức và quản lý loại hình hoạt động này cho phù hợp với thực tiễn ở biên giới nên hiệu quả thu được chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của cả hai nước.

### ***2.2 - Về kim ngạch xuất nhập khẩu:***

Những năm gần đây, Trung Quốc đang dần trở thành thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước.

Năm 2001, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc chỉ chiếm 0,6% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc và khoảng 9,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam

### ***2.3 - Về cơ cấu và chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu:***

Mặc dù giá trị hàng hoá trao đổi qua biên giới trên bộ Việt nam - Trung quốc thời gian qua tăng khá nhanh nhưng cơ cấu hàng hoá xuất khẩu còn nhiều bất cập. Hàng xuất khẩu phần lớn là sản phẩm thô và nguyên liệu chưa chế biến, tỷ trọng hàng đã qua chế biến còn thấp. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam tiêu thụ trên thị trường Trung Quốc một cách không ổn định, giá trị xuất khẩu thấp.

Về nhập khẩu: Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc phần lớn là hàng tiêu dùng và một số hàng hoá là vật tư - kỹ thuật - công nghệ phục vụ sản xuất không có hiệu quả lâu dài, đặc biệt là có nhiều mặt hàng mà trong nước đã và đang sản xuất có hiệu quả. Hơn thế nữa, tình trạng hàng kém phẩm chất, hàng giả, hàng nhái nhãn mác, hàng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khoẻ người tiêu dùng không chỉ diễn ra trong buôn bán biên giới đối với hàng tiêu dùng thiết yếu như: Hàng may mặc, quần áo, giày dép, hoa quả tươi và chế biến, thuốc bảo vệ thực vật... mà còn nảy sinh trong buôn bán chính ngạch với những loại hàng hoá có giá trị lớn như: đồ điện gia dụng, thiết bị thông tin, thuốc chữa bệnh... Những hiện tượng này đã gây thiệt hại và tạo ra tâm lý không tốt cho người tiêu dùng Việt Nam đối với hàng hoá có xuất xứ từ Trung Quốc.

### ***2.4 - Về chủ thể tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu:***

- Do có nhiều loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia trao đổi hàng hoá trên thị trường khu vực biên giới mà những chủ thể này lại không được tổ chức và quản lý chặt chẽ nên dẫn đến tình trạng tự phát trong làm ăn, mạnh ai nấy làm, tạo kẽ hở cho đối tác ép cấp, ép giá, gây thiệt hại về kinh tế và khó khăn cho công tác quản lý .

- Trong buôn bán hàng hoá giữa hai nước, nhìn chung các doanh nghiệp Trung Quốc xuất khẩu hàng sang Việt Nam tỏ ra thích ứng nhanh với những thay đổi trong chủ trương, chính sách của các cơ quan quản lý Việt Nam. Họ luôn ở thế chủ động trong việc đưa sản phẩm, hàng hoá của mình xâm nhập thị trường Việt Nam. Ngược lại, các doanh nghiệp Việt Nam tỏ ra khá chậm chạp trong việc nắm bắt và xử lý các thông tin về thương mại và luật pháp, phần lớn các doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp nhà nước) chỉ lo chạy theo lợi ích trước mắt, không chủ động tổ chức nguồn hàng để xuất khẩu ổn định và lâu dài. Các doanh nghiệp Việt Nam thường tự tổ chức hoặc thông qua các thương nhân thu gom hàng từ nhiều nguồn, rồi đưa hàng lên biên giới. Phương thức mua bán gối đầu thành dây chuyền từ khâu mua cho đến bán hàng như lâu nay khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam luôn ở vào tình trạng bị động, dẫn đến bị ép giá và thua thiệt khi phía Trung Quốc có sự thay đổi trong chính

sách và cơ chế quản lý mậu dịch biên giới. Cụ thể như vụ xuất khẩu Cao su ở cửa khẩu Móng Cái- Quảng ninh (năm 1997) và vụ xuất khẩu xoài, dưa hấu xảy ra tại cửa khẩu Tân Thanh - Lạng Sơn (năm 2002).

### ***2.5 - Về hoạt động thanh toán:***

Hoạt động thanh toán trên địa bàn biên giới hiện nay vẫn mang tính tự phát, gây tình trạng lộn xộn trên biên giới, các hiện tượng lừa đảo, chiếm dụng vốn xảy ra thường xuyên. Điều này còn tạo điều kiện cho việc hình thành các chợ tiền tự do hoạt động như một trung tâm thanh toán tiền hàng hai chiều, nằm ngoài sự kiểm soát của hệ thống ngân hàng. Vì vậy, việc lưu hành tiền giả diễn ra thường xuyên ở các tỉnh biên giới. Tình trạng này đã làm cho một số doanh nghiệp lớn, có uy tín của Việt Nam không muốn tham gia vào xuất nhập khẩu trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt - Trung.

### ***2.6 - Về hoạt động chống gian lận thương mại:***

Tình hình buôn lậu qua biên giới hiện đang là vấn đề nhức nhối nhất trong mậu dịch biên giới Việt - Trung. Các hình thức buôn lậu qua biên giới ngày càng tinh vi, phức tạp. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách, biện pháp để ngăn chặn nạn buôn lậu nhưng hiệu quả của việc thực hiện các chính sách trên chưa đạt ở mức cao. Hiện nay, việc nhập lậu hàng hoá qua biên giới một cách tràn lan đang có nguy cơ làm thiệt hại lớn đối với nhiều ngành sản xuất của Việt Nam. Tháng 7/2002 vừa qua, các lực lượng chống buôn lậu của ta đã kiên quyết xử lý vụ buôn lậu ở Hang Dơi (Lạng Sơn). Từ đó đến cuối năm 2002, giá trị hàng hóa nhập khẩu chính ngạch của phía Việt Nam qua cửa khẩu này đã tăng lên tới 90%. Tuy nhiên, chưa thể nói mọi việc đã suôn sẻ, cuộc đấu tranh này còn khá quyết liệt và lâu dài, cần có sự bền bỉ và nhất quán trong chính sách, cơ chế quản lý.

Bên cạnh đó, gian lận thương mại và trốn thuế trên địa bàn khu vực biên giới đang ngày càng diễn biến phức tạp, làm thiệt hại cho lợi ích của các tỉnh và cả khu vực biên giới phía Bắc nói riêng và thiệt hại cho lợi ích toàn xã hội nói chung.

### ***2.7 - Về vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:***

Thương mại và môi trường là hai yếu tố luôn đi liền và có ảnh hưởng trực tiếp lẫn nhau. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc với những đặc thù riêng của nó đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường ở Việt Nam nói chung, nhất là đối với môi trường sinh thái. Để khắc phục tình trạng trên, nhiệm vụ bảo vệ môi trường không chỉ là của Chính phủ mà còn là nhiệm vụ của từng doanh nghiệp và mỗi cá nhân tham gia hoạt động thương mại hàng hoá giữa Việt Nam và Trung Quốc trên địa bàn khu vực các tỉnh biên giới.

Nếu không làm tốt được nhiệm vụ nêu trên thì việc khắc phục hậu quả của vấn đề ô nhiễm môi trường sẽ là rất phức tạp và tốn kém.

***2.8 - Về vấn đề đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại tại cửa khẩu biên giới:***

Thời gian vừa qua, Chính phủ và UBND các tỉnh đã quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực biên giới nói chung và các chợ biên giới nói riêng để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, mua bán hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước. Tuy nhiên, lượng vốn đầu tư chưa nhiều (chỉ mới tập trung ở một số công trình trọng điểm ở các cửa khẩu và các thị trấn, thị xã ven biên giới), hiệu quả đầu tư chưa cao.

**PHẦN THỨ BA**

**NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG**

**XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ**

**VỚI TRUNG QUỐC ĐẾN 2010**

**I- XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ CỦA VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC ĐẾN NĂM 2010.**

**1- Xu thế phát triển kinh tế thương mại thế giới trong những năm tới:**

Năm 2000, theo các chuyên gia của IMF, kinh tế thế giới phát triển khá với tốc độ tăng trưởng GDP ước tính khoảng 4,3% (so với 3,3% vào năm 1999), trong đó các nước OECD có tốc độ tăng GDP là 3,5% và các nước đang phát triển có tốc độ tăng GDP là 5,0%.

Theo tài liệu của Tổ chức thương mại thế giới, năm 1999 giá trị xuất khẩu hàng hoá thế giới tăng 4% so với năm 1998, đạt mức 5,45 ngàn tỷ USD và giá trị các dịch vụ thương mại tăng 1,5%, đạt 1,5 ngàn tỷ USD.

Năm 2001, tăng trưởng thương mại hàng hoá toàn cầu đạt mức 6,5% (cao gấp 1,6 lần so với mức 4% của năm 1999). Năm 2001 tốc độ tăng trưởng của thương mại thế giới đã giảm từ 4,3% trong năm 2000 xuống chỉ còn khoảng 1,3% (tức chỉ bằng 1/3 mức tăng trưởng của năm 2000 và là mức thấp nhất trong tám năm trở lại đây). Đây là mức suy giảm thê thảm nhất trong hai thập niên trở lại đây. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là do nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái. Cùng lúc cả ba nền kinh tế mạnh nhất trên thế giới là Mỹ, Nhật, Đức đều bị suy giảm về kinh tế. Sự kiện 11/9 ở Mỹ đã làm cho nền kinh tế toàn cầu đã xấu lại càng xấu thêm.

Tăng trưởng thương mại của thế giới sẽ tăng nhanh hơn thế nữa nếu nhu cầu nhập khẩu của các nước Tây Âu và Nhật Bản cao hơn dự tính.

Bước vào năm 2002, kinh tế toàn cầu có triển vọng khả quan hơn. Các nền kinh tế hàng đầu thế giới có mức tăng trưởng chậm với dự đoán kinh tế Mỹ sẽ tăng 0,7%; Nhật Bản: 1,0%; EU: 1,4%. Một số nền kinh tế vốn tăng trưởng nhanh ở khu vực châu Á như : Singapore, Hongkong, Đài loan, Hàn Quốc... chưa hy vọng khởi sắc.

Tuy nhiên, theo nhận định của các chuyên gia OECD: Kim ngạch xuất khẩu của thế giới hiện đang chiếm khoảng 1/3 giá trị tổng sản phẩm thế giới, cơ cấu hàng hoá trong thương mại toàn cầu được mở rộng không chỉ bao gồm các thành phẩm, bán thành phẩm hay sản phẩm sơ chế mà còn bao gồm cả các sản phẩm có giá trị trao đổi vô hình như : ngoại tệ, cổ phiếu, chứng khoán...

Cho đến nay, nhiều dự báo của IMF, WB, OECD, Viện nghiên cứu Nhật Bản, Viện kinh tế Đức đều đưa ra kết luận khả quan rằng: 5 năm đầu của thế kỷ 21, kinh tế thế giới sẽ phát triển ổn định. Tốc độ tăng GDP bình quân của thế giới giai đoạn 2001- 2005 sẽ đạt mức 3,4%/năm , trong đó GDP của các nước phát triển sẽ tăng 3,0%/năm và của các nước đang phát triển sẽ tăng 5,4%/năm.

Nhiều dự báo cho rằng: Giai đoạn 2001- 2005, châu Á vẫn là khu vực kinh tế năng động nhất với mức tăng GDP bình quân 6,2%/năm, trong đó Việt Nam có mức tăng GDP bình quân 7,4%/năm; Trung Quốc tăng 7,2%/năm. Các nước ASEAN khác sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6,4%/năm .

Cùng với việc ứng dụng khoa học công nghệ mới và sự gia tăng liên kết kinh tế quốc tế, việc tăng nhanh tiến trình tự do hoá thương mại thế giới, luôn là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển.

Theo dự báo của World Bank, trong giai đoạn từ nay đến năm 2010, thương mại toàn cầu đạt mức tăng trưởng trung bình 7,5%/năm, so với mức 7,0%/năm của thập kỷ 90; 6,0%/năm của thập kỷ 80 và 5,5%/năm của thập kỷ 70.

Nguyên nhân làm cho mức tăng trưởng thương mại toàn cầu đạt mức cao chủ yếu là do lợi ích của tự do hoá thương mại thế giới đem lại. Trong những năm tới, xu thế toàn cầu hoá và khu vực hoá sẽ tiếp tục diễn ra và ở mức độ mạnh mẽ hơn so với thời gian trước đây. Đây là cơ hội cho hoạt động thương mại ở nhiều nước có thể phát triển và từ đó thúc đẩy thương mại thế giới có tốc độ tăng trưởng cao.

**2 - Xu thế phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ của Việt Nam với Trung Quốc đến 2010 (Trung Quốc là thành viên của WTO và Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ACFTA được ký kết).**

Sau hơn mười năm thực hiện chính sách đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao so với khu vực và thế giới. Nhịp độ tăng GDP đạt bình quân 8,2%/năm trong giai đoạn 1991- 1995, mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc

khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt nhịp độ tăng 6,15%/năm trong giai đoạn 1996- 2000. Đặc biệt, trong năm 2001, khi mà tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu bị sút giảm như Mỹ chỉ tăng 1,1%; Nhật Bản giảm 0,8%; Hàn Quốc tăng 2,5%; Thái Lan tăng 1,2%; Singapore giảm 2,3%, thì nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao, tăng 6,8%, chỉ sau Trung Quốc 7,2%.

Sự vượt trội về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm qua là nhờ vào đường lối chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập. Đến nay, Việt Nam có quan hệ thương mại với 61 nước, tham gia tích cực vào diễn đàn quốc tế như: Trở thành thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1995; Tham gia diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996; Tham gia Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998 và trở thành quan sát viên của WTO vào năm 1995.

Quá trình hội nhập và mở cửa, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng kể. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tăng liên tục, từ 5.156 triệu USD năm 1990 lên 31.000 triệu USD vào năm 2001, tăng bình quân 19,65%/năm, trong đó xuất khẩu tăng 20%/năm từ 2.404 triệu USD lên 15.000 triệu USD, nhập khẩu tăng 19,25%/năm từ 2.752 triệu USD lên 16.000 triệu USD, tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu hàng hoá giảm dần làm cho cán cân ngoại thương được cải thiện rõ rệt.

Những năm gần đây, hoạt động hợp tác kinh tế trong ASEAN ngày càng được tăng cường và mở rộng, trong đó, hợp tác kinh tế luôn được đặt lên vị trí hàng đầu với việc thực hiện AFTA là trọng tâm.

Theo lịch trình được cam kết giữa các nước thành viên ASEAN để thực hiện AFTA, các nước ASEAN- 6 sẽ hoàn thành việc cắt giảm hàng rào thuế quan và dỡ bỏ các biện pháp hạn chế thương mại phi thuế quan vào năm 2002, Việt Nam sẽ hoàn thành vào tháng 1/2006, Lào và Mianma vào 2008 và Campuchia vào 2010.

Trong thời gian thực hiện lộ trình cắt giảm thuế theo Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để tham gia vào khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), buôn bán giữa các nước ASEAN luôn trên đà tăng trưởng. Riêng 6 tháng đầu năm 2002, tổng kim ngạch mậu dịch giữa các nước ASEAN đạt bằng cả năm 1993. Buôn bán giữa ASEAN với các nước ngoài khu vực, đặc biệt là với 3 nước

Đông Nam á ( Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) có chiều hướng gia tăng liên tục. Với Trung Quốc, kim ngạch buôn bán hai chiều tăng từ 8,9 tỷ USD năm 1993 lên 32 tỷ USD năm 2000 và 40 tỷ USD năm 2001, tăng bình quân 24%/năm . Theo dự đoán của các chuyên gia, xuất khẩu của ASEAN vào Trung Quốc năm 2002 sẽ tăng 48% và của Trung Quốc vào ASEAN sẽ tăng 55% so với năm 2001.

Ngày 4/11/2002, các nhà lãnh đạo Trung Quốc và ASEAN đã ký kết Hiệp định khung về hợp tác toàn diện ASEAN - Trung Quốc mà mục tiêu chủ yếu là thiết lập khu mậu dịch tự do ASEAN- Trung Quốc nhằm hình thành một thị trường chung với khoảng 1,7 tỷ người tiêu dùng, chiếm 40 % nguồn dự trữ ngoại tệ toàn cầu, GDP hàng năm đạt 2.000 tỷ USD, chiếm 10% GDP thế giới.

Là thành viên chính thức của ASEAN, lại có vị trí liên kề, có biên giới đường bộ dài với Trung Quốc, Việt Nam có nhiều lợi thế và khả năng trong việc tăng cường buôn bán hàng hoá và hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác với Trung Quốc, đồng thời cũng là nơi để trung chuyển hàng hoá từ các nước thành viên ASEAN khác tới thị trường rộng lớn với trên 1,2 tỷ người tiêu dùng như Trung Quốc. Điều này sẽ có ảnh hưởng lớn đến hoạt động thương mại và thị trường các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta.

Sau hơn 15 năm đàm phán, ngày 11/12/2001 Trung Quốc đã được Tổ chức thương mại thế giới kết nạp làm thành viên chính thức.

Trung Quốc với thị trường rộng lớn có số dân hơn 1,2 tỷ người, hội nhập đầy đủ vào thương mại toàn cầu, gia nhập WTO là sự kiện có tầm quan trọng không những đối với đời sống kinh tế - xã hội của bản thân Trung Quốc, mà còn có ảnh hưởng to lớn đến quan hệ thương mại với Việt Nam.

Sự gia nhập WTO sẽ đem lại cơ hội mới cho Trung Quốc, trực tiếp tham gia cạnh tranh thị trường của kinh tế thế giới. Điều đó sẽ tạo nên động lực mới thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh hơn.

Tuy nhiên, gia nhập WTO cũng sẽ đem đến cho nền kinh tế Trung Quốc những thách thức và sức ép mới do sự tham gia vào môi trường thị trường cạnh tranh gay gắt của kinh tế thế giới, phải dỡ bỏ những hàng rào bảo hộ đối với thị trường nội địa tồn tại bấy lâu nay.

Vừa qua, Trung Quốc đã tuyên bố dành đãi ngộ Tối huệ quốc (MFN) cho các nước trong ASEAN chưa phải là thành viên WTO, trong đó có Việt Nam. Đây



là một ưu đãi rất có ý nghĩa, tạo điều kiện để hàng hoá nước ta thâm nhập thị trường Trung Quốc một cách bình đẳng trong các lĩnh vực thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, đầu tư. Tuy nhiên, đến lượt mình, Việt Nam cũng phải mở cửa thị trường cho hàng hoá Trung Quốc. Hàng hoá Trung Quốc vào Việt Nam sẽ ngày càng tăng, gây sức ép cạnh tranh ngay trên thị trường của Việt Nam.

Mới đây nhất, ngày 4/11/2002, Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc được ký kết mà mục tiêu là thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Trong giai đoạn trước mắt, thực hiện việc giảm thuế đối với một số sản phẩm công nghiệp theo chương trình Thu hoạch sớm (EH - Early Harvest), dự kiến bắt đầu từ 1/2004. Riêng đối với Việt Nam, thời hạn thực hiện EH là 1/2004 - 1/2008.

Hiệp định khung có nhiều điều khoản quy định mà việc thực hiện những điều khoản này sẽ có tác động lớn đến quan hệ thương mại giữa hai nước Việt - Trung. Đây lại là nhân tố quan trọng phải tính đến nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ, như chủ đề của đề tài nghiên cứu yêu cầu.

Rõ ràng, trong bối cảnh mới, quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc sẽ có bước phát triển mới, cơ hội và thách thức đan xen. Đây sẽ là nhân tố tác động lớn đến hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc trong thời gian từ nay đến năm 2010, đòi hỏi Việt Nam phải tính đến trong hoạch định chính sách và cơ chế quản lý thương mại vùng biên, trong đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động thương mại.

### **3 - Dự báo hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc thời kỳ đến 2010.**

#### ***3.1 - Dự báo về kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam- Trung Quốc đến 2010:***

Qua khảo sát thực trạng xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới đường bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc, kết hợp với những diễn biến mới trong nền kinh tế thế giới, cũng như việc Trung Quốc gia nhập WTO, có thể thấy rằng, quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc trong những năm tới là vững chắc, ổn định và sẽ phát triển ngày càng mạnh mẽ theo chiều hướng tích cực hơn.

Theo dự báo của Bộ thương mại, giai đoạn 2001- 2005, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ đạt nhịp độ tăng bình quân 15-17%/năm và đạt mức 5 tỷ USD vào năm 2005.

### **Dự báo kim ngạch XNK hàng hoá Việt Nam - Trung Quốc đến 2010.**

	<b>Đơn vị tính</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2010</b>
Tổng KNXNK	Triệu USD	3.654,3	4.024,2	4.512,5	5.000,0	14.000,0
Kim ngạch XK	Triệu USD	1.496,4	1.871,3	2.098,3	2.360,0	7.500,0
Kim ngạch NK	Triệu USD	2.157,9	2.152,9	2.414,2	2.640,0	6.500,0

*Nguồn : Bộ Thương Mại*

### **3.2 - Về cơ cấu mặt hàng:**

Từ nay đến 2005, cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc sẽ có những thay đổi theo hướng bổ xung cho nhau và phát huy được thế mạnh của mỗi bên.

Cơ cấu hàng xuất khẩu sẽ chuyển dịch từ các nguyên liệu thô như hiện nay sang các mặt hàng đã qua chế biến với trình độ công nghệ ngày càng hiện đại hơn và chất lượng ngày càng cao hơn như hàng may mặc, giày dép, xà phòng, bánh kẹo...

### **Một số mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Trung Quốc thời kỳ đến 2005.**

<b>Các mặt hàng xuất khẩu chính</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>2000</b>	<b>2005</b>
Cao su	1000 tấn	66,4	140,0
Hải sản	Triệu USD	223,0	435,0
Hạt điều	1000 tấn	11,2	30,0
Hoa quả	Triệu USD	120,4	195,0
Hạt tiêu	nghìn tấn	3,2	4,8
Cà phê	nghìn tấn		65
Dầu và hoá dầu	Triệu tấn		200,0

*Nguồn: Dự án quy hoạch phát triển thương mại tại các vùng cửa khẩu biên giới phía Bắc Việt Nam đến 2010. Viện NCTM năm 2001.*

Về nhập khẩu, từ nay đến 2005, Việt Nam ưu tiên nhập khẩu có chọn lọc từ Trung Quốc những trang thiết bị, máy móc, các mặt hàng trong nước chưa sản xuất được, sản xuất chưa đủ cho nhu cầu hoặc nhập khẩu thì hiệu quả hơn như vật liệu xây dựng, hoá chất, phôi thép, chất dẻo, linh kiện điện tử, dược liệu, vải vóc...

### **3.3 - Dự báo kim ngạch xuất nhập khẩu của 6 tỉnh biên giới phía Bắc thời kỳ đến 2005:**

Trong giai đoạn từ nay đến 2005, các tỉnh biên giới phía Bắc vẫn giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động mậu dịch biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc.

Các mặt hàng xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới đường bộ của 6 tỉnh biên giới phía Bắc trong những năm tới chủ yếu là: Quặng các loại, than đá, quế, tinh dầu, hàng dệt may, giấy dếp...

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu vẫn là: Máy nông cụ, đồ điện và điện tử gia dụng, hàng tiêu dùng, đồ chơi trẻ em...

#### **Dự báo kim ngạch xuất nhập khẩu của các tỉnh biên giới phía Bắc đến 2005**

Đơn vị tính: Triệu USD

	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>
--	-------------	-------------	-------------	-------------

	XK	NK	XK	NK	XK	NK	XK	NK
Hà Giang	3,5	2,8	3,7	2,4	3,9	1,8	4,2	0,9
Cao Bằng	18,0	6,6	20,5	7,2	22,5	7,8	23,0	8,6
Lào Cai	50,7	60,0	45,2	76,0	36,0	78,5	32,2	84,0
Lạng Sơn	561,2	233,8	711,2	261,9	861,2	290,0	1.014,0	317,7
Quảng Ninh	195,0	116,3	237,0	144,5	280,0	182,5	318,7	201,0
Lai Châu	0,7	0,5	0,7	0,7	0,9	0,7	0,9	0,8

*Nguồn: Dự án quy hoạch phát triển thương mại tại các vùng cửa khẩu biên giới phía Bắc Việt Nam đến 2010. Viện NCTM năm 2001.*

### **III- NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THÚC ĐẨY XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ QUA BIÊN GIỚI TRÊN BỘ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC**

Từ thực tiễn phát triển quan hệ hai nước Việt - Trung những năm qua, tính đến triển vọng sắp tới trong bối cảnh mới, các giải pháp sau đây cần được áp dụng để tiếp tục thúc đẩy sự phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước.

#### **1. Các giải pháp vĩ mô:**

##### ***1.1 - Giải pháp về việc tăng cường quản lý Nhà nước đối với hoạt động thương mại qua biên giới đường bộ Việt - Trung***

Đây là giải pháp nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi và ổn định cho các doanh nghiệp thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc.

Hiện nay, Việt Nam mới ban hành chính sách xuất nhập khẩu nói chung chứ chưa có những văn bản, chỉ thị quy định cụ thể cho hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới. Được biết, quy chế về mậu dịch biên giới hiện đang trong giai đoạn dự thảo để trình Chính phủ phê duyệt. Khi văn bản này ra đời, chắc chắn hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới đường bộ nói chung và qua biên giới đường bộ với Trung Quốc nói riêng sẽ có điều kiện để phát triển ở mức cao hơn.

Để thúc đẩy hơn nữa hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc, từ nay đến 2005, các vấn đề cần giải quyết là:

- Nhanh chóng ban hành quy chế về mậu dịch biên giới (nếu trong nửa đầu năm 2003 là tốt nhất). Có như vậy, các doanh nghiệp Việt Nam tham gia xuất nhập khẩu hàng hoá trên bộ với Trung Quốc mới có đủ cơ sở pháp lý để tiến hành hoạt động của mình một cách có hiệu quả.

- Bổ sung và sửa đổi các quy định còn chưa phù hợp về mậu dịch biên giới, khuyến khích các thành phần kinh tế, các thương nhân hoạt động hợp pháp tại các cửa khẩu và chợ biên giới.

- Thực hiện triệt để cải cách hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới, đơn giản hoá các thủ tục quản lý xuất nhập khẩu,

giảm thiểu các thủ tục không cần thiết đặc biệt là thủ tục thông quan nhằm giảm ách tắc hàng hoá tại cửa khẩu.

- Cơ quan có thẩm quyền của hai nước về vệ sinh an toàn thực phẩm cần sớm trao đổi, thoả thuận công nhận lẫn nhau về kiểm tra chất lượng và kiểm dịch động, thực vật để doanh nghiệp Việt Nam có thể xuất khẩu nông sản thực phẩm sang Trung Quốc một cách dễ dàng.

- Các ngành như: Thủy sản, nông nghiệp ... cần khẩn trương xây dựng các khu thương mại chuyên ngành tại các cửa khẩu biên giới với hệ thống kho và phương tiện vận tải chuyên dụng như: Khu thương mại thủy sản ở Lào Cai, khu thương mại hàng rau quả tươi ở Tân Thanh ( Lạng Sơn)... để đảm bảo an toàn cả về số lượng và chất lượng cho hàng hoá xuất khẩu.

- Cần xây dựng quy chế phối hợp trong quản lý mậu dịch biên giới giữa các cơ quan chức năng ở Trung ương và UBND các tỉnh biên giới trong việc tổ chức, quản lý, điều hành và nâng cao hiệu quả của hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới.

### ***1.2 - Giải pháp về xây dựng chiến lược phát triển quan hệ thương mại Việt - Trung.***

Trong thời gian trước mắt, cần xây dựng chiến lược phát triển quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Trung cả tầm dài hạn và trung hạn để từ đó có sự chỉ đạo các chương trình hành động cụ thể phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước, đặc biệt chú trọng phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc. Có thể nói, cho đến nay, chúng ta vẫn còn thiếu một chiến lược cần thiết phát triển thương mại hàng hoá với thị trường Trung Quốc. Ta còn bị động và lúng túng trong điều hành hoạt động thương mại, chưa phân định rõ buôn bán chính ngạch và tiểu ngạch. Do vậy, trong nhiều trường hợp chính sách hoạch định không phù hợp với thực tiễn.

Thương mại biên giới là những hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá với nhiều hình thức khác nhau như xuất nhập khẩu chính ngạch, buôn bán tiểu ngạch, chợ biên giới và mua bán của cư dân biên giới.

Trong bối cảnh mới của quan hệ Việt - Trung, quan hệ thương mại hàng hoá qua biên giới giữa hai nước cần được xem xét, phân tích kỹ lưỡng, có kế hoạch và đối sách thích hợp phát triển mối quan hệ này, khai thác tốt những lợi thế và khắc phục những yếu kém, thiếu sót trong điều hành cụ thể.

***1.3 - Giải pháp tăng cường hợp tác khu vực và thúc đẩy tiến trình đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam :***

- Cần tăng cường hơn nữa vai trò của Việt Nam trong Dự án khai thác tiểu vùng sông Mê Kông. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi để quan hệ mậu dịch giữa các nước trong tiểu vùng và các nước có biên giới đường bộ với các nước này phát triển.

- Thúc đẩy hơn nữa hoạt động hợp tác kinh tế - thương mại dọc hành lang Hải Phòng - Lào Cai - Côn Minh để đẩy nhanh kim ngạch xuất khẩu sang Vân Nam (Trung Quốc) qua cửa khẩu Lào Cai. Vấn đề cần được giải quyết trong một vài năm tới là: Nâng cấp các tuyến đường sắt, đường bộ Hà Nội - Lào Cai; Xây dựng hệ thống nhà công vụ trên biên giới, nhanh chóng đặt các đại diện của doanh nghiệp thuỷ sản và nông sản chế biến tại cửa khẩu Lào Cai.

- Các cơ quan hữu quan của Nhà nước cần sớm có kế hoạch phổ biến nội dung và lập chương trình cộng tác về Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN + Trung Quốc cho các cấp, các ngành và đặc biệt là cho các doanh nghiệp. Hiệp định khung này sẽ dẫn đến việc thành lập Khu vực thương mại tự do giữa các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc ( ACFTA) vào năm 2010 và chậm hơn đối với các thành viên gia nhập sau như: Việt Nam, Lào, Campuchia, My-an-ma.

Việc nắm vững và quán triệt những cam kết của Việt Nam về việc thực hiện Hiệp định khung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì điều đó sẽ có tác động lớn đối với sự phát triển quan hệ kinh tế - thương mại của nước ta với các nước trong khu vực những năm sắp đến. Tham gia một tổ chức thương mại

khu vực như ACFTA có quy mô lớn nhất thế giới với hơn 1,7 tỷ người tiêu dùng, có tổng thu nhập quốc dân hiện tại khoảng 2 nghìn tỷ USD, tổng kim ngạch ngoại thương 1,23 nghìn tỷ USD. Chúng ta có những lợi ích, đồng thời có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ cam kết tự do hoá thương mại. Việc mở cửa thị trường đòi hỏi phải được tính toán kỹ lưỡng, có bước đi phù hợp và chủ động, tránh rủi ro thua thiệt trong hợp tác và cạnh tranh cùng với các nước bạn hàng.

Doanh nghiệp Việt Nam là lực lượng nòng cốt, cần được chuẩn bị kỹ và hỗ trợ thích đáng để thâm nhập thị trường quốc tế và khu vực. Đây là việc làm mang tính khẩn trương và bài bản, là giải pháp lớn với bước đi cụ thể, có liên quan mật thiết đến việc thúc đẩy phát triển quan hệ thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc.

- Chính phủ cần đẩy nhanh hơn nữa tiến trình đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam với mục tiêu đến 2005 Việt Nam sẽ được kết nạp là thành viên chính thức của tổ chức này. Khi đó, Việt Nam và Trung Quốc sẽ được "chơi cùng sân" "theo cùng luật" và chắc chắn quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc nói chung và thương mại biên giới Việt - Trung nói riêng sẽ phát triển mạnh. Lúc đó, Việt Nam sẽ có vị thế mới trong quan hệ với các nước trên thế giới.

#### ***1.4 - Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật thương mại.***

Kết cấu hạ tầng thương mại khu vực biên giới phía Bắc nước ta còn nhiều thiếu thốn và lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu mở rộng quan hệ thương mại với Trung Quốc trong những năm sắp tới.

- Cần chú ý trước hết đến việc nâng cấp, bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống nhà công vụ trên toàn tuyến biên giới, đảm bảo đủ sức phục vụ các hoạt động thương mại ngày càng tăng nhanh cả về quy mô và tốc độ. Trang bị đủ các loại máy móc, thiết bị thông tin, Viễn thông, khắc phục tình trạng làm thủ công, chậm trễ, thiếu chính xác.

- Kết cấu hạ tầng thương mại cần được chú ý xây dựng các kho tàng đủ diện tích và bảo đảm các thông số kỹ thuật cần thiết để lưu giữ bảo quản hàng hoá xuất khẩu. Khẩn trương xây dựng khu thương mại biên giới chuyên về kinh doanh thuỷ hải sản đáp ứng nhu cầu tăng nhanh về loại hàng này bên phía Trung Quốc, đặc biệt thị trường tỉnh Vân Nam (giáp tỉnh Lào Cai) và các tỉnh khác thuộc vùng Tây Nam Trung Quốc. Xây dựng hệ thống kho lạnh để điều kiện để bảo quản và trữ hàng thuỷ sản bảo đảm điều tiết chủ động theo biến động của thị trường và giảm bớt rủi ro cho các doanh nghiệp trong trường hợp do bị từ chối nhận hàng hoặc phẩm cấp hàng hoá bị hạ thấp.

- Cải tạo và nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt tuyến Hà nội - Lào Cai, Hà nội - Lạng Sơn, tạo sự vận chuyển thông thoáng dễ dàng hàng hoá từ các địa phương của ta xuất khẩu sang Trung Quốc với chi phí vận chuyển thấp.

Xuất khẩu hàng thuỷ hải sản đòi hỏi phải được trang bị các toa lạnh đường sắt chuyên dùng. Loại toa tàu này đến nay vẫn chưa được đưa vào sử dụng.

- Nhanh chóng thành lập một số văn phòng giao dịch trao đổi hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam ở những nơi cần thiết để các doanh nghiệp của ta có điều kiện tăng cường liên hệ với khách hàng, tìm hiểu nhu cầu và thị hiếu, giới thiệu thường xuyên hàng hoá sản phẩm, đặc biệt là hàng thuỷ hải sản. Cũng do việc tiếp thị chưa được tốt, hàng thuỷ sản của Việt Nam xuất thẳng vào thị trường tỉnh Vân Nam - Trung Quốc chưa đáng kể, mặc dù thị trường này có nhu cầu tiêu thụ lớn và không quá khát khe. Phần lớn hàng thuỷ sản đều được xuất qua các tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông (Trung Quốc), rồi từ đó vận chuyển đến tiêu thụ ở Vân Nam và xa hơn ở các tỉnh miền Tây Trung Quốc.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ hoạt động thương mại khu vực miền núi biên giới phía Bắc đang có những yêu cầu bức xúc. Vấn đề này liên quan trước hết đến việc đào tạo nguồn nhân lực có đủ sức khoẻ, kỹ



năng và kiến thức thực thi nhiệm vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh và quản lý. Trong điều kiện của các tỉnh miền núi vùng biên, việc đầu tư đào tạo nguồn nhân lực có nhiều khó khăn, phải từng bước vững chắc và kiên trì, bảo đảm tính liên tục và lâu dài.

- Bên cạnh sự quan tâm đầu tư của nhà nước, các địa phương, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn các tỉnh có biên giới trên bộ với Trung Quốc cũng cần nỗ lực hơn nữa, thực hiện phương thức " Nhà nước, doanh nghiệp , nhân dân cùng đóng góp" để xây dựng cơ sở hạ tầng. Nếu việc này không làm tốt được thì nó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hội nhập kinh tế giữa Việt Nam - Trung Quốc, giữa các tỉnh có biên giới trên bộ với Trung Quốc, với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

### ***1.5 - Giải pháp về việc xây dựng và thực hiện chính sách đối với các đặc khu kinh tế gần biên giới:***

Xúc tiến việc thành lập những đặc khu kinh tế gần biên giới Trung Quốc để thúc đẩy các hoạt động thương mại qua biên giới Trung Quốc. Đặc khu kinh tế này được coi như là những "Khu thương mại tự do".

Địa điểm lựa chọn xây dựng những đặc khu kinh tế này hợp lý hơn trong thời gian hiện tại là ở 3 tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn và Quảng Ninh.

Chính phủ đã cho phép Lào Cai xây dựng khu kinh tế mở Kim Thành, là nơi sẽ diễn ra kinh doanh buôn bán, hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp hai nước và của những nước khác quan tâm. Lào Cai đang thực hiện kế hoạch di chuyển toàn bộ khu hành chính nằm sát biên giới Việt - Trung hiện nay vào sâu trong đất liền khoảng 7 km để dành toàn bộ khu đất này cho việc xây dựng trung tâm thương mại. Nhiều chính sách về cho thuê đất, giải phóng mặt bằng đã được chính quyền Lào Cai ban hành, tạo thêm thuận lợi cho các doanh nghiệp.

Lạng Sơn đã được Chính phủ cho phép sử dụng 50% số thu thuế xuất nhập khẩu hàng năm để đầu tư phát triển. Những năm qua tỉnh đã xây dựng

được nhiều công trình kỹ thuật hạ tầng kinh tế quan trọng, trong đó có các khu kinh tế cửa khẩu, góp phần mở rộng thương mại, dịch vụ và du lịch. Tuy nhiên, để đáp ứng những đòi hỏi mới của tình hình, Lạng Sơn cần có biện pháp mang tính đột phá phát triển quan hệ kinh tế - thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu qua biên giới. Biện pháp đó có thể được thực hiện bằng cách chuyển đổi khu kinh tế cửa khẩu Tân Thanh thành " Khu thương mại tự do", dựa trên những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua và có thêm những chức năng, nhiệm vụ mới đặc trưng cho khu thương mại này. Cũng có thể xây dựng mới Khu thương mại tự do ở một địa điểm thích hợp khác trên địa bàn của tỉnh.

Tỉnh Quảng Ninh cũng có những điều kiện thuận lợi để xây dựng khu thương mại mang tính chất tương tự ở khu vực thị xã Móng Cái.

Việc xây dựng những đặc khu kinh tế này bước đầu mang tính chất thí điểm rút kinh nghiệm và hoàn thiện dần. Bước đầu có thể gặp nhiều khó khăn, nhưng với tiềm lực sẵn có cộng với sự hỗ trợ của các ngành các cấp, chắc chắn các tỉnh biên giới địa đầu của Tổ quốc sẽ thực hiện được chủ trương này một khi được nghiên cứu đề xuất cụ thể và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### ***1.6 - Giải pháp về việc tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại :***

Tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt chống buôn lậu và gian lận thương mại là giải pháp quan trọng đặc biệt thúc đẩy phát triển quan hệ thương mại qua biên giới trên bộ phía Bắc. Những giải pháp chống buôn lậu đã được các cơ quan Nhà nước đề ra tương đối toàn diện và đang tập trung chủ đạo sát sao. Tuy vậy, qua nghiên cứu vấn đề nảy sinh, đề tài này đề xuất thêm một số biện pháp cụ thể, góp thêm sức mạnh vào cuộc đấu tranh gian khổ này. Những biện pháp đó tựu trung lại là:

- Nhà nước cần nghiên cứu ban hành không chậm trễ một số quy chế cần thiết và đưa vào áp dụng ngay: Quy chế về cư dân biên giới; Quy chế chợ biên giới; Quy chế về khách du lịch;... Những quy chế này có tác dụng thiết

thực giúp quản lý tốt hoạt động thương mại và xuất nhập cảnh ở khu vực biên giới, góp phần đắc lực vào cuộc đấu tranh chống buôn lậu hiện nay. Thực tế đã cho thấy, thiếu quy chế quản lý, thiếu sự chế tài cần thiết, cuộc đấu tranh chống buôn lậu dễ mất phương hướng và kém hiệu quả.

- Nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh của hàng hoá trong nước. Đây là giải pháp cơ bản để giải quyết nạn hàng hoá nhập lậu, trốn thuế, không kiểm soát được. Phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá trong nước sẽ hạn chế nguồn hàng nhập lậu từ nước ngoài với mục đích thu lợi nhuận cao.

- Xem xét lại hệ thống thuế và thủ tục Hải quan, tránh những bất hợp lý trong chính sách thuế làm cho buôn lậu và gian lận thương mại xuất hiện.

- Tăng cường công tác phối hợp với các ngành chức năng trong tổ chức và quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới, quy định rõ phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm của từng ngành, từng lực lượng chức năng trong đấu tranh chống buôn lậu. Nâng cao năng lực nghiệp vụ cho lực lượng Hải quan và tạo điều kiện về phương tiện kỹ thuật để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý, giám sát hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

- Cần có các hình thức xử lý thích hợp đối với các tổ chức và thương nhân có hành vi buôn lậu hoặc gian lận thương mại. Bên cạnh đó cần tuyên truyền giáo dục, động viên và nâng cao ý thức trách nhiệm cho dân cư các tỉnh biên giới trong việc chống buôn lậu và gian lận thương mại.

- Cần có hoạt động phối hợp với các lực lượng của Trung Quốc trong việc chống buôn lậu và gian lận thương mại qua biên giới. Nếu không có sự phối hợp này thì hiệu quả của công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại qua biên giới đường bộ sẽ không đạt hiệu quả cao.

***1.7 - Giải pháp về phát triển hệ thống chợ biên giới và quản lý việc mua bán, trao đổi hàng hoá tại các chợ biên giới :***

- Cần phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, huyện biên giới của Trung Quốc để xây dựng các cặp chợ biên giới và quy chế quản lý chợ biên giới phù hợp với luật pháp của mỗi nước.

- Thành lập ban quản lý chợ biên giới thuộc UBND các huyện, thị có chợ biên giới. Thống nhất các thủ tục quản lý và thu thuế hàng hoá buôn bán tại các chợ. Thành lập các nhóm kiểm tra, quản lý hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá trên các đường mòn biên giới, ngăn chặn tình trạng buôn lậu.

- Tăng cường đầu tư trên cơ sở Nhà nước và địa phương cùng đóng góp trong việc nâng cấp đường giao thông tới các chợ để tránh tình trạng dân cư mua bán ngay dọc đường biên giới, gây khó khăn cho công tác quản lý.

- Nhà nước cần nghiên cứu điều chỉnh giá trị hàng hoá được miễn thuế qua cửa khẩu đường bộ cao hơn so với mức 500 nghìn đồng/ lượt/ ngày như hiện nay để khuyến khích thương nhân và cư dân mang hàng vào kinh doanh tại các chợ biên giới.

***1.8 - Giải pháp về chính sách thuế, tài chính, tín dụng:***

- Cần xem xét lại hệ thống chính sách ưu đãi thuế để khuyến khích sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng mà Việt Nam có khả năng sản xuất nhưng khó xuất khẩu sang các thị trường khác như: Xi măng, sắt thép, các loại vật liệu xây dựng khác.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để hình thành các đầu mối kinh doanh đối với một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Rau quả tươi, thủy sản... tại các cửa khẩu biên giới. Trong trường hợp có thể Nhà nước và các địa phương cần hỗ trợ tín dụng để các doanh nghiệp có thể mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu qua đường biên.

- Cần rà soát, xem xét lại mức lệ phí và thuế kho bãi tại các cửa khẩu biên giới để từ đó có mức thu và đối tượng thu phí thích hợp. Để giảm giá hàng xuất nhập khẩu, nâng cao khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp, Nhà nước cần giảm hơn nữa mức thu lệ phí các loại và mức phí lưu kho bãi tại cửa khẩu.

***1.9 - Giải pháp về đổi mới phương thức thanh toán giữa các thương nhân và doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hoá tại các cửa khẩu biên giới:***

- Triển khai Quyết định 140/2000/QĐ- TTg ngày 18/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tiền của các nước có chung biên giới tại khu kinh tế cửa khẩu.

- Tổ chức hệ thống đổi tiền ở khu vực cửa khẩu một cách thuận tiện, với tỷ giá linh hoạt nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và thương nhân có thể mua, bán và thanh toán tiền hàng một cách dễ dàng.

- Cần tổ chức lại hệ thống ngân hàng tại các cửa khẩu và các tỉnh biên giới. Tăng cường việc khuyến khích các doanh nghiệp và thương nhân thanh toán tiền hàng thông qua ngân hàng. Đây là vấn đề quan trọng để phát huy thế mạnh của hệ thống ngân hàng trong việc huy động và quản lý tiền tệ ở các cửa khẩu và khu vực biên giới.

***1.10 - Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực và xúc tiến thương mại tại khu vực thị trường biên giới :***

- Xúc tiến thương mại là hoạt động vô cùng quan trọng đối với hoạt động thương mại nói chung và hoạt động thương mại qua biên giới nói riêng.

Để phát triển xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc thì hoạt động này càng trở nên có ý nghĩa và hết sức cần thiết. Nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin về thị trường, mặt hàng, giá cả, các thay đổi trong chính sách mậu dịch biên giới của Trung Quốc. Có như vậy, doanh nghiệp mới có đủ điều kiện để nắm bắt thông tin một cách kịp thời, chính xác

để từ đó có những ứng xử thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả xuất nhập khẩu của mình.

- Nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo nguồn nhân lực trong việc thực hiện và quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới. Có như vậy họ mới chủ động và linh hoạt trong việc ra quyết định đối với hoạt động kinh doanh của mình ở thị trường có tiềm lực và hết sức năng động như Trung Quốc.

## **2 - Các giải pháp đối với doanh nghiệp :**

### ***2.1- Giải pháp về vấn đề nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh:***

Trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực theo hướng mở cửa và hội nhập thì các doanh nghiệp ở mọi quốc gia cần phải nhanh chóng tỏ ra thích ứng với xu thế chung. Cũng như các doanh nghiệp ở nhiều nước trên thế giới, việc Trung Quốc gia nhập WTO, thực hiện các định chế thương mại toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam có nhiều thuận lợi trong việc tiến hành hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động hợp tác đầu tư khác với các doanh nghiệp Trung Quốc nhưng cũng phải vượt qua nhiều thách thức trước sức ép cạnh tranh của các doanh nghiệp nước này.

Hơn thế nữa, Trung Quốc gia nhập WTO và công bố giành thuế ưu đãi tối huệ quốc (MFN) cho Việt Nam có nghĩa là doanh nghiệp Việt Nam phải chịu sức ép cạnh tranh của các doanh nghiệp của các nước đã là thành viên của WTO trong quá trình thực hiện tự do hoá thương mại với các nước này.

Tháng 11/2002, ASEAN và Trung Quốc đã ký Hiệp định Hợp tác kinh tế toàn diện trong đó mục tiêu là thiết lập Khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) trong vòng 10 năm tới. Trong tương lai gần, Khu vực mậu dịch tự do này có thể mở rộng sang các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và phạm vi của hoạt động tự do hoá thương mại sẽ được mở rộng từ ASEAN 10 đến ASEAN 10+1 và tiến tới ASEAN 10+2; ASEAN 10+3... Khi đó, phạm vi cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam không phải chỉ đối với các doanh nghiệp

của các quốc gia Đông Nam Á mà nó đã mở ra gần như khắp châu Á. Mặt khác, các doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh với không chỉ các doanh nghiệp có qui mô và sức mạnh ngang tầm ở các nước khác mà còn phải đương đầu cạnh tranh với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn ở châu Á, nhất là các tập đoàn mạnh hiện đang có mặt và hoạt động mạnh trên thị trường Trung Quốc như: Mitsumi, Toyota (Nhật Bản), LG, Deawoo (Hàn Quốc), Unilever (Anh - Hà Lan)...

Như vậy, muốn phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam cần có chính sách đầu tư đủ mạnh, có tính đột phá để đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến mẫu mã, chủng loại sản phẩm đặc biệt là nâng cao chất lượng hàng hoá để hàng Việt Nam có thể xuất khẩu sang Trung Quốc và từ đó thâm nhập và chiếm lĩnh thị phần ở các thị trường khác ngoài Trung Quốc .

Trong giai đoạn từ nay đến 2005, Việt Nam cần đầu tư để tăng cường xuất khẩu các mặt hàng đã chiếm lĩnh được thị trường Trung Quốc như: Nông sản, giày dép, một số hàng công nghệ phẩm...

Mặt khác, doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường đầu tư để xuất khẩu các mặt hàng thuỷ, hải sản từ thấp cấp đến cao cấp sang thị trường các tỉnh Vân Nam và Quảng Tây và qua đó cung cấp ổn định các sản phẩm thuỷ hải sản cho các tỉnh, các vùng lân cận khác của Trung Quốc .

## ***2.2- Về vấn đề xây dựng chiến lược xuất khẩu và chiến lược mặt hàng:***

Để tăng cường kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý khâu xây dựng chiến lược và kế hoạch xuất khẩu dài hạn, trung hạn và ngắn hạn cho các mặt hàng cụ thể, sang từng khu vực thị trường (từng tỉnh) cụ thể và sang thị trường Trung Quốc chung. Điều đáng chú ý là khi xây dựng chiến lược và kế hoạch xuất khẩu, các doanh

ngành Việt Nam cần tính kỹ đến "nhân tố Trung Quốc" trong phát triển sản xuất và xuất khẩu của mình.

Trong thời gian trước mắt, cần tập trung đầu tư sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng mà thị trường Trung Quốc có nhu cầu và Việt Nam có thế mạnh xuất khẩu như: Thủy hải sản (ở nhiều cấp độ chất lượng khác nhau), đồ gia dụng, các sản phẩm công nghệ sang thị trường Vân Nam, hàng giày dép và một số hàng nông sản sang Quảng Tây...

Lâu dài hơn, các doanh nghiệp Việt Nam cần nghiên cứu và tìm biện pháp thích hợp để xuất khẩu sang Trung Quốc những sản phẩm chế biến và chế tạo như: Các sản phẩm công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, các dịch vụ tư vấn có hàm lượng, trí tuệ cao...

### ***2.3- Giải pháp về việc tăng cường hợp tác và liên kết kinh tế giữa các doanh nghiệp của Việt Nam và Trung Quốc:***

Để đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, liên kết khu vực và tự do hoá thương mại giữa Việt Nam và ASEAN nói chung và với Trung Quốc nói riêng, các doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường hoạt động hợp tác, liên kết liên doanh với các doanh nghiệp và tập đoàn sản xuất - kinh doanh Trung Quốc để sản xuất sản phẩm tại Việt Nam hoặc Trung Quốc nhưng được tiêu thụ ở các thị trường khác trên thế giới kể cả các nước Châu Âu, Châu Mỹ như: Các mặt hàng điện tử, các mặt hàng máy móc thiết bị và sản phẩm cơ khí, đồ điện gia dụng, thức ăn gia súc, thực phẩm, dược phẩm...

Đây là mô hình liên kết kinh tế được nhiều nước, nhiều tập đoàn trên thế giới áp dụng và đạt hiệu quả cao. Nó hoàn toàn phù hợp trong điều kiện cả Việt Nam và Trung Quốc đều đang cải cách và phát triển kinh tế theo hướng mở, đang từng bước xây dựng khu vực mậu dịch tự do ACFTA.

Ngoài ra, cần thực hiện tốt việc kết hợp các hình thức mua bán hiện đại với mua bán dân gian để từng bước phát triển kim ngạch xuất nhập khẩu .



#### ***2.4- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại:***

Để tăng cường xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc thông qua việc áp dụng công nghệ tiếp thị và quảng cáo sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam cho người tiêu dùng Trung Quốc các doanh nghiệp Việt Nam cần tổ chức các đoàn cán bộ đi khảo sát, nghiên cứu trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp và người tiêu dùng Trung Quốc để có những giải pháp thật sự phù hợp nhằm tiếp cận một cách có hiệu quả thị trường này. Cần chủ động tham dự các hội chợ thương mại quốc tế tổ chức ở Việt Nam hoặc Trung Quốc, hoặc hội chợ thương mại do phía Việt Nam hay phía Trung Quốc tổ chức. Có như vậy, doanh nghiệp mới tìm được những yêu cầu mới, những mặt hàng mới và bạn hàng mới của thị trường Trung Quốc rộng lớn.

Để cho hoạt động xuất nhập khẩu của mình đạt hiệu quả cao khi tiếp cận thị trường Trung Quốc, các ngành hoặc doanh nghiệp cần tổ chức đặt các công ty con hay văn phòng đại diện của mình tại các cửa khẩu biên giới hoặc tại các trung tâm thương mại của các tỉnh Vân Nam và Quảng Tây để tiếp cận khách hàng, đảm bảo nguồn cung cấp hàng hoá ổn định và giải quyết các vấn đề đột xuất nảy sinh nhằm ổn định mức tiêu thụ, duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng.

#### ***2.5- Giải pháp về việc tăng cường đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp:***

Tăng cường đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, phấn đấu đạt tiêu chuẩn chất lượng quản lý doanh nghiệp theo ISO 9000 - 2000 là nhằm nâng cao uy tín và khả năng làm ăn của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường Trung Quốc. Hiện tại, trên thị trường Trung Quốc có sự góp mặt của rất nhiều công ty, tập đoàn lớn của Nhật, Mỹ, EU... Đây là các công ty, tập đoàn có sức mạnh trên thị trường nên họ cũng mong muốn và lựa chọn các đối tác đủ mạnh về khả năng kinh doanh, có hoạt động quản lý doanh nghiệp hiệu quả để có thể làm ăn lâu dài và ổn định. Nhiều doanh nghiệp của EU chỉ tiến hành

hoạt động hợp tác với các đối tác đã được cấp chứng chỉ ISO 9000 nên nếu không đạt tiêu chuẩn này thì doanh nghiệp Việt Nam sẽ bị bỏ lỡ rất nhiều cơ hội lớn trong buôn bán với các doanh nghiệp nước ngoài ngay trên thị trường Trung Quốc.

***2.6- Giải pháp về vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp và doanh nhân:***

Cần giáo dục đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam trong buôn bán, làm ăn với Trung Quốc, tránh đối đầu khi cạnh tranh cùng mặt hàng với doanh nghiệp Trung Quốc. Có như vậy mới tạo ra và giữ được uy tín với doanh nghiệp và người tiêu dùng Trung Quốc đối với các sản phẩm của Việt Nam và ngược lại.

Mỗi doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam cần nâng cao nhận thức và kỹ năng trong giao dịch, mua bán với Trung Quốc, tránh buôn lậu và gian lận thương mại, một hoạt động tiêu cực đang trở thành vấn đề nhức nhối trong hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

## KẾT LUẬN

Hiện nay, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đang trở thành xu thế khách quan và là yêu cầu bức xúc trong quá trình phát triển kinh tế của mọi quốc gia. Vì vậy, các nước luôn coi chính sách kinh tế đối ngoại là vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của mình nhằm xây dựng một nền kinh tế hướng ngoại và hội nhập có hiệu quả.

Là hai nước có chung đường biên giới trên bộ khá dài và đang cùng tiến hành cải cách kinh tế theo đường lối "mở cửa", "hướng ngoại" để hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, việc phát triển kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc đã diễn ra như một điều không thể thiếu. Mặc dù ở những giai đoạn phát triển khác nhau thì hoạt động này có những đặc điểm tương đối khác nhau, nhưng nó luôn được dựa trên cơ sở của nguyên tắc "Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi và cùng tồn tại hoà bình".

Từ năm 1991 đến nay, do sự nỗ lực của Chính phủ, các doanh nghiệp và nhân dân hai nước, quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam - Trung Quốc đã không ngừng phát triển theo phương châm "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Chỉ trong vòng 10 năm, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam - Trung Quốc đã đạt tới 3.047,9 triệu USD (trong đó xuất khẩu đạt 1.418,0 triệu USD và nhập khẩu đạt 1.629,9 triệu USD) chiếm 9,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Điểm nổi bật là hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc được diễn ra chủ yếu qua biên giới trên bộ giữa hai nước (khoảng 80% khối lượng thương mại), đặc biệt là qua biên giới các tỉnh : Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng...

Thông qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước, Việt Nam đã xuất khẩu được một khối lượng lớn hàng hoá mà Việt Nam có khả năng sản xuất nhưng chưa tìm được thị trường tiêu thụ ổn định như: Nông sản dưới dạng thô và sơ chế, một số hàng công nghệ tiêu dùng sang Trung Quốc; ngược lại cũng nhập khẩu được một khối lượng lớn vật tư thiết bị phục vụ cho các ngành sản xuất trong nước và một số hàng tiêu dùng phục vụ dân cư.

Đây là kết quả rất lớn góp phần đẩy nhanh kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với các nước trên thế giới, nâng cao đáng kể đời sống nhân dân, tăng thu cho ngân sách, cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại các tỉnh biên giới phía Bắc. Nó cũng tác động rất lớn đến kinh tế, xã hội, văn hoá, môi trường ở các tỉnh có cửa khẩu biên giới với Trung Quốc như: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu.

Tuy nhiên, kết quả nêu trên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và khả năng bổ xung, hỗ trợ nhau để cùng phát triển kinh tế của hai nước. Hiện tại, hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc vẫn còn nhiều bất cập trong kỹ thuật, nghiệp vụ và nhiều vướng mắc trong công tác quản lý. Nhiều tiêu cực vẫn xuất hiện, nạn mua bán theo kiểu chộp giựt nhằm kiếm lời vẫn xảy ra, nạn buôn lậu qua biên giới vẫn tồn tại và có biểu hiện nghiêm trọng, gian lận thương mại vẫn chưa khắc phục được, vấn đề ô nhiễm môi trường và xóa bỏ tệ nạn xã hội chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Để đưa quan hệ song phương Việt Nam - Trung Quốc lên tầm cao mới như đã ghi trong Tuyên bố chung ngày 2/3/1999, để phát triển hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới trên bộ với Trung Quốc cho tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và yêu cầu phát triển thị trường của cả hai nước, nhất là khi Trung Quốc đã là thành viên của WTO, Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc đã được ký kết và một khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc đang dần được hình thành, chúng ta cần thực hiện đồng bộ một

hệ thống các giải pháp thích hợp (cả ở tầm vi mô và vĩ mô) nhằm giải quyết những tồn tại đang cản trở và làm giảm hiệu quả của hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc.

Các giải pháp chủ yếu bao gồm :

1/ Cần tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động thương mại qua biên giới đường bộ Việt - Trung.

2/ Cần xây dựng chiến lược phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt - Trung cả tầm dài hạn và trung hạn để từ đó có sự chỉ đạo các chương trình hành động cụ thể nhằm phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước, đặc biệt chú trọng phát triển thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc.

3/ Cần tăng cường hoạt động hợp tác khu vực và thúc đẩy tiến trình đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam để các doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc được cạnh tranh bình đẳng trên thị trường .

4/ Các cơ quan hữu quan của Nhà nước cần sớm có kế hoạch phổ biến nội dung và lập chương trình cộng tác về Hiệp định Khung hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN + Trung Quốc cho các cấp, các ngành và đặc biệt cho các doanh nghiệp.

5/ Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thương mại tại khu vực biên giới phía Bắc mà trước tiên là cần nâng cấp, bổ xung và hoàn chỉnh hệ thống nhà công vụ trên toàn tuyến biên giới đủ sức phục vụ các hoạt động thương mại ngày càng tăng nhanh cả về quy mô và tốc độ. Từng bước cải tạo và nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy để đảm bảo sự vận chuyển thông thoáng, dễ dàng hàng hoá từ các địa phương của ta xuất khẩu sang Trung Quốc.

6/ Xúc tiến việc thành lập đặc khu kinh tế gần Trung Quốc để thúc đẩy các hoạt động thương mại qua biên giới. Việc xây dựng các đặc khu kinh tế này bước đầu mang tính chất thí điểm, rút kinh nghiệm và hoàn thiện dần. Tuy

có thể gặp nhiều khó khăn, nhưng với tiềm lực sẵn có cộng với sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, chắc chắn các tỉnh biên giới phía Bắc sẽ thực hiện được chủ trương này một khi vấn đề nêu trên được nghiên cứu, đề xuất cụ thể và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7/ Để tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt chống buôn lậu và gian lận thương mại, Nhà nước cần nghiên cứu ban hành không chậm trễ một số quy chế cần thiết và đưa vào áp dụng ngay: Quy chế về dân cư biên giới, Quy chế chợ biên giới, Quy chế về khách du lịch... Những quy chế này sẽ có tác dụng thiết thực giúp quản lý tốt hoạt động thương mại và xuất nhập cảnh ở khu vực biên giới, góp phần đắc lực vào việc nâng cao hiệu quả đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại trên toàn tuyến biên giới.

8/ Nhà nước và các địa phương cần phối hợp để phát triển hệ thống chợ biên giới và quản lý việc mua bán, trao đổi hàng hoá tại các chợ biên giới một cách có hiệu quả.

9/ Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực và xúc tiến thương mại tại khu vực thị trường biên giới để nâng cao hiệu quả của hoạt động xuất nhập khẩu.

10/ Các doanh nghiệp cần có các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, xây dựng chiến lược xuất khẩu và chiến lược mặt hàng đối với thị trường Trung Quốc, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, hợp tác và liên kết kinh tế với các doanh nghiệp của Trung Quốc nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ với Trung Quốc.

Nhìn chung các giải pháp trên phải được tiến hành một cách nghiêm túc, triệt để thì mới đạt được hiệu quả cao.

Muốn vậy, cần có sự chỉ đạo thống nhất từ TW đến địa phương và cơ sở, từ Nhà nước đến doanh nghiệp. Mặt khác, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp quản lý với các địa phương biên giới và với các doanh

nghiệp trong việc thực hiện các chính sách về mậu dịch qua biên giới trên bộ với Trung Quốc.

Có như thế, thương mại hàng hoá qua biên giới trên bộ mới thực sự có đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh biên giới, vào việc tăng cường quan hệ về mọi mặt giữa Việt Nam và Trung Quốc.

## PHỤ LỤC 1

### Một số chỉ tiêu về kinh tế thương mại của 6 tỉnh miền núi phía Bắc thời kỳ 1991 - 2000

Chỉ tiêu	Đơn vị	1991	2000	20/91 (lần)
<b>I. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ của 6 tỉnh biên giới phía Bắc:</b>				
- Tổng số	Tỷ đồng	956	5.514	5,77
- Bình quân đầu người	1000 đ	275,8	1.354,4	4,91
1. Quảng Ninh				
- Tổng mức	Tỷ đồng	610	2.500	4,10
- Bình quân đầu người	1000 đ	703	2.457	3,50
2. Lạng Sơn				
- Tổng mức	Tỷ đồng	73	1.015	13,90
- Bình quân đầu người	1000 đ	113,4	1.428,2	12,59
3. Cao Bằng				
- Tổng mức	Tỷ đồng	74,3	510	6,86
- Bình quân đầu người	1000 đ	152,0	1.025,3	6,75
4. Hà Giang				
- Tổng mức	Tỷ đồng	40,7	272	6,68
- Bình quân đầu người	1000 đ	81,6	439,8	5,39
5. Lào Cai				
- Tổng mức	Tỷ đồng	56,1	567	10,11
- Bình quân đầu người	1000 đ	113,7	916,9	8,06
6. Lai Châu				
- Tổng mức	Tỷ đồng	102,4	650	6,35
- Bình quân đầu người	1000 đ	215,0	1.059,8	4,93



<b>II. Kim ngạch xuất nhập khẩu của 6 tỉnh biên giới phía Bắc:</b>				
- Tổng số	Triệu	53,44	1.099,05	20,57
+ Xuất khẩu	USD	47,33	722,60	15,27
+ Nhập khẩu		6,11	376,45	61,61
1. Quảng ninh	Triệu	34,95	316,00	9,04
- Xuất khẩu	USD	32,00	190,00	5,94
- Nhập khẩu		2,95	126,00	42,71
2. Lạng Sơn	Triệu	13,44	700,00	52,08
- Xuất khẩu	USD	10,88	500,00	45,96
- Nhập khẩu		2,56	200,00	78,13
3. Cao Bằng	Triệu	1,58	19,50	12,34
- Xuất khẩu	USD	1,5	14,00	9,33
- Nhập khẩu		0,08	5,50	68,75
4. Hà Giang	Triệu	0,78	3,50	4,49
- Xuất khẩu	USD	0,78	3,00	3,85
- Nhập khẩu			0,50	
5. Lào Cai	Triệu	1,00	59,00	59,00
- Xuất khẩu	USD	0,50	15,00	30,00
- Nhập khẩu		0,50	44,00	88,00
6. Lai Châu	Triệu	1,69	1,05	-1,69
- Xuất khẩu	USD	1,67	0,60	-2,78
- Nhập khẩu		0,02	0,45	22,5

Nguồn: Tư liệu kinh tế - xã hội 61 tỉnh, thành phố - Tổng cục Thống kê 2001

## PHỤ LỤC 2

### Nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc giai đoạn 1996 - 2001

Đơn vị tính: triệu USD

Tên hàng	1996	1997	1998	1999	2000	2001
Bông	-	-	-	1,15	-	
Bột mỳ	-	-	-	0,10	-	
Chất dẻo nguyên liệu	-	-	-	2,67	-	3,42
Dược phẩm	-	-	-	2,32	4,28	4,54
Kính xây dựng	-	-	-	6,08	2,40	
Linh kiện điện tử và VT	-	-	-	9,02	20,27	17,03
Máy móc TB phụ tùng	-	-	-	103,68	166,48	178,03
NPL dệt may da	-	-	-	39,19	41,84	56,42
NPL dược phẩm	-	-	-		11,28	
Ô tô dạng CKD, SKD	0,21	0,14	0,12	—	—	—
Ô tô nguyên chiếc các loại	2,58	2,57	3,43	4,38	2,74	2,76
Phân bón các loại	4,48	2,61	15,00	24,01	104,61	41,85
Sắt thép các loại	—	90,65	49,48	42,79	75,06	40,50
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	—	—	—	22,05	—	—
Xăng dầu các loại	2,90	2,95	12,80	46,00	131,55	195,48
Xe máy nguyên chiếc các loại	0,27	0,15	—	—	—	—
Xe máy CKD, IKD	0,23	—	0,81	46,77	419,01	317,98
Xi măng các loại	13,24	9,03	—	—	—	—
Hàng hóa khác	254,01	300,54	428,92	333,14	443,59	366,94
Tổng cộng	328,98	408,68	510,59	683,36	1.423,16	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

### PHỤ LỤC 3

#### Cơ cấu kinh tế của 6 tỉnh biên giới phía Bắc (phân theo ngành) giai đoạn 1991 - 2000

Đơn vị tính : %

	1990	1991	1992	1995	1998	1999	2000
Nông lâm nghiệp	52,8	51,2	49,4	41,5	36,9	35,9	34,1
Công nghiệp - xây dựng	34,7	35,4	36,6	22,5	25,4	27,5	29,0
Dịch vụ	12,5	13,4	14,0	36	37,7	36,6	36,9

Nguồn: *Tổng cục Thống kê Việt Nam*

### PHỤ LỤC 4

#### Lao động kinh doanh thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch tại khu vực các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 1991- 2001

Đơn vị: 1.000 người

	1991	1992	1995	1998	1999	2000	2001
Lao động trong KVNN do địa phương quản lý	235,1	212,2	113,5	133,2	136,3	140,4	141,2
Lao động KDTN, khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch	41,3	49,3	51,1	31,7	33,9	46,6	52,4

Nguồn: *Tư liệu kinh tế - xã hội 61 tỉnh, thành phố - Tổng cục Thống kê 2001*

**PHỤ LỤC 5**  
**Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam (Thời kỳ 1991- 2001)**

Đơn vị tính: USD

Năm	Tổng số dự án đầu tư	Tổng số vốn đăng ký
1991	1	200.000
1992	10	3.044.000
1994	22	24.000.000
1995	33	60.000.000
1998	61	120.000.000
1999	76	130.000.000
2000	92	148.000.000
2001	110	221.000.000
8 tháng 2002	178	254.000.000

Nguồn: *Ban Quản lý dự án - Bộ Kế hoạch - Đầu tư*

**PHỤ LỤC 6**

**Giá trị tổng sản phẩm xã hội và tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ bình quân đầu người 6 tỉnh biên giới phía Bắc 1995 - 2000**

	1995	1998	1999	2000
Dân số	3746,0	3935,1	4003,2	4071,1
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ ( tỉ đồng, giá năm 1994)	2996,2	5667,2	5580,6	6403,6
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ bình quân/ người (triệu đồng)	0,8	1,45	1,4	1,6
Giá trị tổng sản phẩm xã hội ( tỉ đồng, giá 1994)	6044	7945,4	8620,1	9379,1
Giá trị tổng sản phẩm xã hội bình quân/ người ( triệu đồng)	1,6	2,0	2,2	2,3

Nguồn: *Tư liệu kinh tế - xã hội 61 tỉnh, thành phố - Tổng cục Thống kê 2001*

## PHỤ LỤC 7

### Thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 1994 - 1999( giá thực tế tính theo tháng)

Đơn vị : nghìn đồng

	1994	1995	1996	1999
Cả nước	168,1	206,1	226,7	295,0
- Nhóm 20% số hộ có thu nhập thấp nhất	63,0	74,3	78,6	97,0
- Nhóm 20% số hộ có thu nhập cao nhất	408,5	519,6	574,7	863,3
*Chênh lệch giữa 2 nhóm ( lần)	6,5	7,0	7,3	8,9
Tây Bắc và Đông Bắc	132,4	160,7	173,8	210,0
- Nhóm 20% số hộ có thu nhập thấp nhất	57,6	69,4	73,2	78,1
- Nhóm 20% số hộ có thu nhập cao nhất	301,1	394,0	444,3	529,3
* Chênh lệch giữa 2 nhóm ( lần)	5,2	5,7	6,1	6,8

Nguồn: Dự án điều tra đánh giá thực trạng thương mại và thị trường miền núi sau 10 năm đổi mới 1991 - 2000 - Viện nghiên cứu thương mại - Bộ TM.

## PHỤ LỤC 8

### Kết cấu hạ tầng ở nông thôn phân theo vùng

	1997	1998	1999	2000
- Tỷ lệ xã có điện (%), trong đó:				
+ Đông Bắc	72,0	73,6	78,1	84,0
+ Tây Bắc	49,3	50,9	54,6	59,8
- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến xã (%)				
+ Đông Bắc	88,4	91,1	94,8	97,0
+ Tây Bắc	82,3	84,6	85,4	89,2
- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến thôn (%)				
+ Đông Bắc	62,7	66,2	67,5	68,9
+ Tây Bắc	49,7	51,2	54,9	66,6
- Thị xã có trường học (%)				
+ Đông Bắc	94,2	98,0	97,8	98,2
+ Tây Bắc	99,0	97,1	95,8	96,6
- Thị xã có trạm y tế (%)				
+ Đông Bắc	94,9	97,1	96,9	99,9
+ Tây Bắc	97,8	98,4	99,4	100,0

Số máy điện thoại có đến 31/12 hàng năm của 6 tỉnh biên giới phía Bắc

	1995	1997	1998	1999	2000
Hà Giang	2150	3384	4057	5173	6947
Cao Bằng	1980	3530	4536	5528	7105
Lào Cai	2850	6025	7775	8834	11110
Lạng Sơn	4440	8195	11265	14145	19417
Quảng Ninh	13975	25975	32275	37995	51882
Lai Châu	2116	3598	4358	4961	6249

Nguồn: Tư liệu kinh tế - xã hội 61 tỉnh, thành phố - Tổng cục Thống kê 2001

## PHỤ LỤC 9

### Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá với Trung Quốc của 6 tỉnh biên giới phía Bắc thời kỳ 1991-2000

Đơn vị tính : triệu USD

Năm	Kim ngạch XNK 6 tỉnh			Quảng Ninh	Lạng Sơn	Lào Cai	Cao Bằng	Hà Giang	Lai Châu
	Tổng KN	XK	NK						
1991	53,44	47,33	6,11	34,95	13,44	1,00	1,58	0,78	1,69
1992	60,20	60,20		45,00	10,42	0,15	1,70	1,77	1,16
1993	83,48	83,48		58,00	18,49	0,46	1,10	4,51	0,92
1994	94,81	94,81		71,00	18,00	0,53	2,20	2,20	0,88
1995	300,59	132,25	168,34	216,92	66,49	2,35	5,65	3,85	5,33
1996	581,70	330,50	251,20	208,50	318,00	41,70	3,30	5,00	5,20
1997	856,49	380,29	276,20	242,00	333,00	58,80	15,20	4,09	3,40
1998	631,29	330,69	300,60	239,00	319,00	53,68	15,90	3,01	0,70
1999	625,44	357,10	268,34	254,00	289,00	56,00	22,00	3,54	0,90
2000	1.099,1	722,60	376,45	316,45	700,00	59,00	19,50	3,50	1,05
Cộng	4.186,5	2.539,3	1.647,2	1.685,8	2.085,8	273,67	88,13	32,25	21,23

*Nguồn : Dự án quy hoạch phát triển thương mại tại các vùng cửa khẩu biên giới phía Bắc Việt Nam đến năm 2010 - Bộ Thương mại.*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX - Đảng Cộng sản Việt Nam .
2. Luật Thương mại nước CHXHCN Việt Nam - Ban hành 1997.
3. Hiệp định về mua bán hàng hoá ở vùng biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa ngày 7/11/1991.
4. Quản lý quá trình chuyển chế độ thương mại tự do - Chính sách thương mại của Việt Nam cho thế kỷ 21 của ARI KOIKO - NXb Chính trị quốc gia năm 1997.
5. Báo cáo tổng kết giao lưu kinh tế với bên ngoài qua cửa khẩu biên giới phía Bắc, Tây và Tây Nam qua hoạt động công tác Hải quan 1991- 1998. Tổng cục Hải quan Việt Nam.
6. Phát triển xuất khẩu thời kỳ 2001 - 2005 - Bộ Thương mại 12/1999.
7. Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu Việt Nam thời kỳ 2001 - 2010. Bộ Thương mại 10/2000.
8. Cải cách kinh tế ở Trung Quốc - TS Đinh Quang Ty - Ban Khoa giáo TW.
9. Điều tra đánh giá thực trạng thương mại và thị trường miền núi sau 10 năm đổi mới 1991- 2000. Viện nghiên cứu thương mại - Bộ Thương mại.
10. Dự án qui hoạch phát triển thương mại tại các vùng cửa khẩu biên giới phía Bắc Việt Nam đến năm 2010 - Bộ Thương mại.
11. Buôn bán qua biên giới Việt - Trung. Lịch sử - Hiện trạng - Triển vọng . NXB Khoa học - Xã hội 2001. T.S Nguyễn Minh Hằng - Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc - Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia.
12. Cục diện kinh tế thế giới 2000 và dự báo thương mại 2001- Bộ Thương mại.
13. Cục diện kinh tế thế giới 2001 và dự báo thương mại 2002- Bộ Thương mại.
14. "Đổi mới quản lý Nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc ". Luận án tiến sỹ kinh tế của Lương Đăng Ninh (tháng 10/2002).
15. Tạp chí Thương mại các số năm 1999 + 2000 +2001+2002.
16. Tạp chí Hải quan các số năm 2000+2001+2002.
17. Thực trạng buôn bán hàng hoá và những giải pháp chống buôn lậu hàng hoá qua biên giới phía Bắc, từ thực tiễn Lạng Sơn. Đề tài Khoa học cấp Bộ- Bộ Thương mại .
18. Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam - Cù Ngọc Hưởng- Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TW.
19. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trên lĩnh vực ngoại thương- Nhìn lại 10 năm và triển vọng . PGS. TS. Nguyễn Thị Mơ -Trường Đại học Ngoại thương - Hà nội.
20. Trung Quốc và các nước trong tiểu vùng Mê Kông. TS Phạm Đức Thành- Viện nghiên cứu Đông Nam Á.



21. Phát huy lợi thế địa lý Vân Nam, đẩy mạnh sự hợp tác giữa miền Tây Nam Trung Quốc với Việt Nam . Lý Thừa Tông - Phó chủ nhiệm Phòng khai thác miền Tây - Tỉnh Vân Nam Trung Quốc. (Tham luận tại Hội thảo quốc tế về "Hợp tác kinh tế - thương mại Việt Nam - Vân Nam (Trung Quốc)").
22. Một số suy nghĩ về phát triển mậu dịch Vân Nam và Việt Nam. Tham luận của Dương Minh - Phó phòng nghiên cứu Mậu dịch - Sở kinh tế đối ngoại tỉnh Vân Nam tại Hội thảo quốc tế về " Hợp tác kinh tế - thương mại Việt Nam - Vân Nam (Trung Quốc)".
23. Hành lang kinh tế Hải Phòng - Hà Nội - Côn Minh. Tham luận của TS Nguyễn Văn Lịch tại Hội thảo về " Hợp tác kinh tế - thương mại Việt Nam - Vân Nam (Trung Quốc)" ngày 16 -17/10/2002.
24. " Năm vững thời cơ xây dựng khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, đẩy mạnh hợp tác thương mại và kỹ thuật giữa Vân Nam (Trung Quốc) và Việt Nam". Điền Gia Khang - Phó chủ nhiệm phòng nghiên cứu chính sách tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
25. Mô hình thị trường Trung Quốc của Văn Tiềm - Nhà Xuất bản Thống kê năm 1995.
26. Tư liệu kinh tế - xã hội của 61 tỉnh, thành phố - Nhà Xuất bản Thống kê năm 2001.
27. Báo cáo kết quả hoạt động thương mại của các Sở Thương mại - Du lịch 6 tỉnh biên giới phía Bắc các năm từ 1996 đến 2001.
28. Assessment of the Economic Effects on the United States of China's Accession to the WTO". Executive summary, Publication 3228, August 1999.
29. Russian- Chinese cross border and Inter- Regional Grows. U.S Commercial Service, Vladivostok. [http: // www, Vladivostok.com/ fcs](http://www.vladivostok.com/fcs) ngày 26/3/2002.